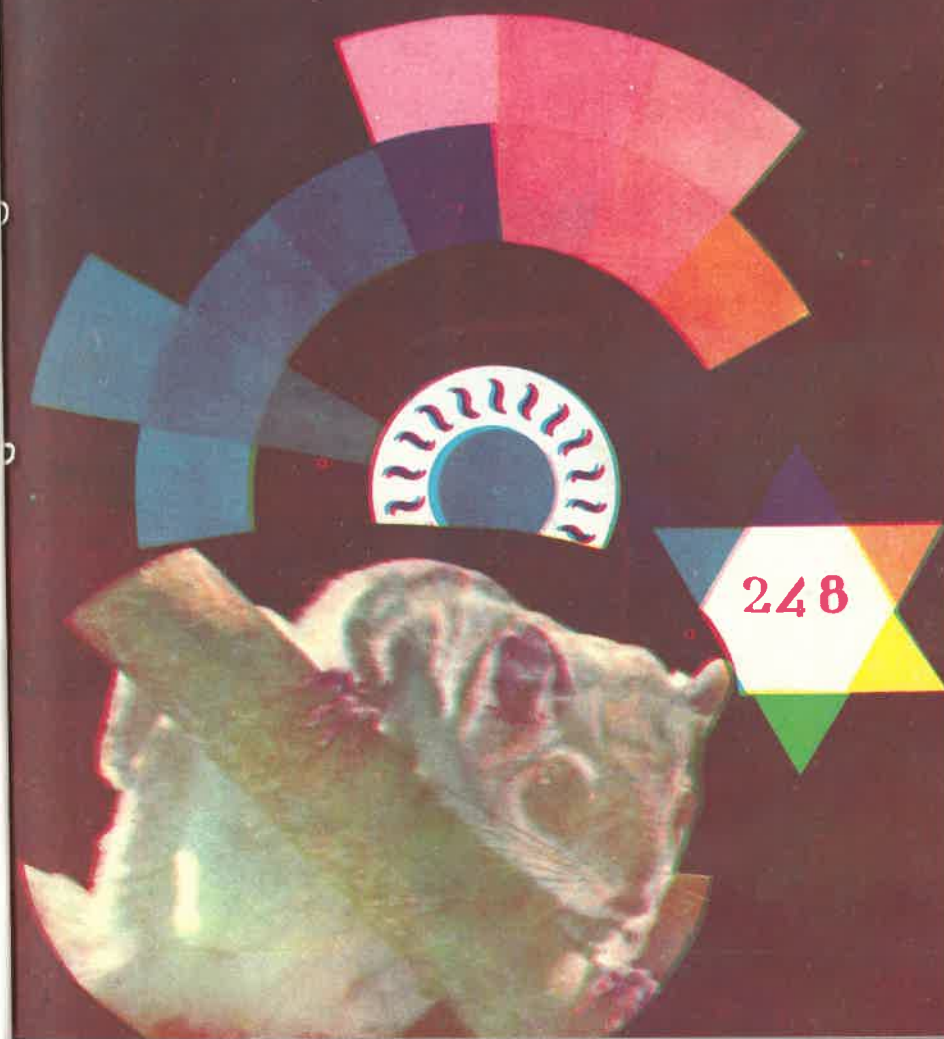


lason
P95
16 P57

PHỔ THÔNG

Giám đốc. Chủ bút Nguyễn Vũ



BỘ SÁCH

TUẤN,

chàng trai Nước Việt

(Chứng-tích Thời-đại từ 1900 đến 1970)

Gồm 2 quyển đầu :

Quyển I, 600 trang,

Quyển II, 500 trang,

Giá tổng cộng 2 quyển : 730đ

giá bán ở Việt-Nam

Mới phát hành

Loại giấy blanc-fin : 1.000đ

(Hỏi mua tại Tòa Soạn Thăng Bờm
522 Bis Trương Minh Giảng Saigon)



Giám-đốc, Chủ-bút; Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 248 — 1-7-1970

1 — Thi phẩm mới của Vũ-hoàng-Chương	Ng-Vỹ	6 — 10
2 — Tần-Thủy-Hoàng	Đông-Tùng	11 — 22
3 — Cái thuở ban đầu	Đăng-huyền-Thu	23 — 25
4 — Keukenhof (t.t.)	Tr-Lê-Nguyên-Vũ	26 — 32
5 — Đêm loang lỗ (thơ)	Hoài-Thi	33 —
6 — Nguyễn-Phan-Lãng	Lâm-hữu-Ngân	34 — 37
7 — Mả hồng trong gió bụi	Phạm-văn-Sơn	38 — 43
8 — Tàu lặn nguyên-tử	Chu-minh-Thụy	44 — 47
9 — Buồn của anh (thơ)	Huỳnh-kim-Son	48 —
10 — Hội chợ Osaka	Lưu-Bằng	49 — 55
11 — Một ông Vua quán quân về đức đa thê	Ái-Lan	56 — 59
12 — Một quyển sách đáng được tồn tại	Lan-Đình	60 — 63
13 — Tình lang thang (thơ)	Trần-Hữu-Nghiêm	64 —
14 — Thiên đàng vắng bóng (t.d)	Ng-hữu-Trọng	55 — 72
15 — Thái tử Trương Sanh	Thủy-dương-Tử	73 — 76

16 — Nhớ về miền Trung (thơ)	Ái-Lan	77 — 78
17 — Bữa tiệc lịch-sử của Từ-Hy Thái-Hậu	Thế-Lan	79 — 89
18 — Cu Sao Nam khóc V.N.Q.D.Đ.	Sở-thương-Giang	90 — 93
19 — Bức tường (t.n.)	Mặc-Tưởng	94 — 108
20 — Võ-Thuật	Trần-tuấn-Kiệt	109 — 114
21 — Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	115 — 122
22 — Thiết tha kêu gọi hòa bình Năm-Châu (thơ)	Trương-Phổ	123 — 125
23 — Sách báo mới		125 — 127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỎ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỎ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỎ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



W 290127
109 99

Thi phẩm mới của

VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

★ NGUYỄN-VỸ

TÔI mới nhận cùng một lượt, của Vũ-Hoàng-Chương, hai quyển Thơ vừa được phát-hành : — «*ta đợi em từ ba mươi năm*» do An-tiêm xuất-bản, và «*Nouveaux Poèmes*» do Nam-chi Tùng-thư.

Người bạn Thơ, hình hài ốm-yếu, thân-hành ôm hai tác phẩm đến Tòa soạn Phổ-Thông một buổi chiều Thứ Hai vắng tôi. Sáng thứ Ba, bạn lại gọi điện thoại ngay lúc cô thư ký vừa trao lại tôi hai mỹ-phẩm của nghề xuất-bản Việt-nam.

Tôi nói hai mỹ-phẩm vì, thật thế, Kỹ-thuật xuất-bản ở Miền Nam này có quyền hãnh diện đã trình-bày những quyển sách với một thẩm mỹ tân-kỳ không kém gì các ấu-phẩm đẹp nhất của Tây-phương.

«*Nouveaux Poèmes, Tân-thi*» do nhà X.B.Nam chi Tùng-thư, từ bìa đến nội-dung đều hiển cho những người yêu sách đẹp một cảm giác thoải-mái, mát mẻ, đầy thi-vị. Màu bìa ca-phe-sữa và những nét chữ đen trắng pha với đỏ gây màu rực rỡ, tạo được một hòa-diệu ly-tao tương ứng với hồn nhạc của thi-nhân.

Mãi một giờ khuya, tôi mới bỏ bút xuống

để xem «*Nouveaux Poèmes-Tân-Thi*» của Vũ-Hoàng-Chương.

Mắt tôi đã theo rồi những cánh thiên thần bay lượn say-sưa trong bao la thi-giới. Từ *Xứ Lưu đày* đơn-cô một Trái sầu, xuất hiện một giòng Ngân-thúy, một giọt lệ vỡ tan... Sầu mười sáu tuổi lẻ của Thế-kỷ phi-thuyền, cùng với Hoa thép «*xòe bốn cánh rơi xuống Nguyệt cầu*», ta thoáng thấy Khái-hoàn-môn của Thi-sĩ xây trên bờ Biển Lặng. Để niệm-hoài Thái-Bach, Nguyễn-Du... Đêm nay tất cả những ánh sáng đều chết, nhưng tôi cứ bồi hồi cảm-động... Hào-quang vô-nhiêm của Thi-Son.

Dù trở lại, «*Nghé kêu Rừng quấy hai đờ*», huyền thoại một cục sỏi ở miền quê Bắc Việt, hãy mảnh đá ở Acropole không tung-bừng như giấc chiêm-bao chua-chát của Tuyệt Vọng. Tôi yêu yếm-mộng ấy tỏa ra nghìn sóng nhạc siêu-không.

Nhưng tìm đâu là «*chân-sắc*», hỡi bạn Thơ ? Màu Xanh của Thơ pha biết bao nhiêu Xanh ? Đấy mới thật là màu Thơ của Xanh, tan và hợp biết bao nhiêu màu Thơ đấy bạn !

Tôi ngồi mãi đêm khuya, vuốt-ve nét bút của Than-thở triền-miền. Đẹp lắm «*Sao cho tròn ước*», đẹp như nụ cười siêu-thực, ừ, như «*đàn năm ngón ngọc*» lướt qua khung mây.

Chẳng có gì, một chút mơ muốn cho tròn. Nhưng có tất cả khi giấc mơ chỉ là sợi vũ-y, một lông Ngỗng rơi từ chiếc áo của Công-Chúa.

Nàng Thơ đã bỏ đi ra ngoài Cung bích-ngọc ? Ồ, còn bao nhiêu lời thề sớ kiếp Thi-nhân ? Ta cứ chờ xem vậy. Ta vẫn còn mãi

mãi sáng ngời thần-thoại Trần-châu trong giếng
mộng !

Và mãi mãi, Thi-nhân ơi ! cũng còn những
Werfel đêm trắng ngồi chép lệ :

*Nachtlampe von tausend Betten
Des Leidens, der Mond mir scheint !...*

Vũ-Hoàng-Chương đang yêu, một giờ
phút nào đó, — Lay Trời, chưa ! Và còn lâu !
— Trăng sẽ khế đến giường anh, đưa Hồn
Thơ về Thế-giới Dante, Nguyễn Du, Cao-chu-
thần, Lão Đỗ, anh sẽ khỏi phải «nhận dấu may
còn sợi Vĩ-y». Nàng sẽ cứ còn chờ đón anh
không phải trên trang sách họ Bồ, mà trên
thêm hoa nơi Dương Quý Phi đã đặt gót. Mặc
dầu một Thế-Kỷ đã dễ sau anh, từ một mảnh
dá vụn không tên, già ba trăm triệu tuổi trước
người đẹp Sapho ! ôi huyền-đảo Leslie !



Tôi cứ mãi ға-ngợi những giọng Thơ Việt
của Vũ-Hoàng-Chương mà quên mất nàng Muse
ở Parnasse, mà nhà Thơ say đang còn say.
Tôi đã quên rằng Thi-phẩm này là một bản dịch
thơ Việt thành một tập thơ Pháp : *Nouveaux
Poèmes*. «Tân-Thi» là «phụ-đề Việt-ngữ» in
bằng chữ nhỏ ở giòng dưới. Phải nhìn nhận
đó là một vinh dự cho thơ Việt-Nam.

Nhưng tôi hết sức ngạc-nhiên và thích thú
thấy một cô gái Thi-sĩ xứ Belgique tên Simone
Kuhnén De La Coeuillerie, dịch ra thơ Pháp
lại còn hay hơn thơ Việt ! Tôi đã đọc nhiều
René Crayssac trong những câu alexandrins
dịch thơ Lục bát truyện Kiều. Nghe như còn ngó
ngẩn mặc dầu Crayssac thông hiểu khá nhiều

tác phẩm của Nguyễn-Du. Tôi đã đọc Maurice
Durand dịch Thơ Hồ-xuân-Hương ra Pháp-
văn, nhưng ngòi bút thông-thái của nhà ngôn-
ngữ-học với cái hãnh-diện 30 năm sống chung
chạ với người Việt «Bắc-Kỳ» vẫn vấp-váp,
chông-chênh, như cái điều bay «lộn lèo» khi
«trái giò».

Tôi chưa được đọc thơ của cô gái Bỉ
Kuhnén De la Coeuillerie nào đó, nhưng tôi
thành thật khâm phục cô đã học tiếng Việt từ
bao giờ, hay đã ở Việt nam từ bao nhiêu năm,
mà cô dịch thơ Vũ-Hoàng-Chương ra Pháp-
văn còn sâu-sắc hơn, duyên dáng hơn cả thơ
Việt Vũ-Hoàng-Chương.

Chúng ta hãy lật bất cứ trang nào, và hãy
nghe :

*Mùa vong-thân có một người
Bước say đạp Chuối khóc cười đứt tung.
Ngó quanh : dấu hỏi vừa rung
Vội ôm lời-giải — cuối-cùng ra đi.*

(Vũ-Hoàng-Chương)

Cô gái nước Bỉ dịch ra Pháp văn :

*Et voici venue l' ère du nihilisme.
Un homme ivre, inconscient, piétine au
hasard le collier de rires et de pleurs qui
soudain, irrévocablement, se brise.*

*L' homme a aiguisé tous ses sens : le Point
d' Interrogation vient d' osciller !*

*Il étreint l' Ultime Réponse et l' emporte
dans ses bras.*

Nếu René Crayssac, hay M. Durand, hai
người Pháp thông-hiểu tiếng Việt nổi danh
nhất thời Tiền-Chiến, mà dịch được những

câu thơ Việt ra những câu Văn Pháp như trên đây, tôi vẫn có quyền nghi-ngờ.

Nhưng Simone Kuhnen De la Coeuillerie là ai đây ?

Mấy trang đầu Thi-phẩm có giới-thiệu. Nàng là một nữ-sĩ người Bỉ, sinh trưởng ở Kinh-dô Bỉ, Bruxelles. Nàng có xuất bản mấy tập Thơ Pháp. Năm 1960, dưới thời Ngõi-dình Diệm, Vũ-Hoàng-Chương ở Pen-Club Saigon được đi dự Hội-ngập các nhà Thơ quốc-tế tại Knokke.

Nơi đây, lần đầu tiên, anh gặp Kuhnen de la Coeuillerie cùng với các nhà thơ khác. Anh làm quen với nàng và do đó có tập thơ *Les Vingt Huit Etoiles*, đứng tên dịch giả là nàng nữ-sĩ Bỉ, dịch tập thơ *Nhị Thập Bát Tú* của Vũ-Hoàng-Chương ra Pháp-văn.

Tôi chưa được đọc *Les Vingt Huit Etoiles*. Nhưng xem bản Version française **Nouveaux Poemes** của cô nữ-sĩ Bỉ dịch 40 bài «*Tân-Thi*» của Vũ-Hoàng-Chương, tôi rất khâm phục cô gái Tây phương đã hiểu tiếng Việt và thơ Việt có lẽ còn hơn cả người Việt nữa ! Cô cũng dịch rất thông thạo cả vài bài thơ chữ Nho của Vũ-Hoàng-Chương. Thật là một thiên tài !



TÂN - THỦY - HOÀNG

một bạo chúa hay một nhà cách mạng ?

●●● ĐÔNG-TÙNG

TỪ trước tới nay, mỗi khi nói tới Tân - thủy - Hoàng người ta thường cho là một bạo chúa, cũng như loại Néron ở Ý. Louis 14 ở Pháp, Ngọa Triều ở Việt-Nam.

Nhận thức này nếu là học giả, Sử gia thì có thể bị thiên lệch méo mó bởi những cán bút chép sử đời Hán trở về sau, khi nho giáo toàn thịnh. Nếu là những kẻ bình dân vô học thì chỉ là một thành kiến di truyền : nghe vậy biết vậy và nói vậy, chứ thực ra nhiều người cũng chẳng biết Tân-Thủy-Hoàng là đầu đuôi xuôi ngược gì hết, cái mà người

Đông-phương cổ gọi là «Tập-hỷ, nhị bát sát yên». (Nói theo mà không xét vậy).

Nhưng cận và hiện đại, lại có người nói khác, nói rằng : Tân-Thủy-Hoàng chẳng những không là một bạo chúa mà còn là một nhà cách mạng, một vĩ nhân trong lịch-sử Trung-Hoa nữa.

Cách ngôn Tây-Phương có câu «Cái gì của César phải trả lại cho César» : Viết bài khảo luận này, chúng tôi cũng muốn làm cái việc «Cái gì của Tân-Thủy-Hoàng cũng phải trả lại cho Tân-Thủy-Hoàng».

Đề đi tới một thăm địn chính xác, trước hết chúng ta phải nêu lên những yếu tố xung quanh Tần-Thủy-Hoàng như sau đây :

Yếu tố Địa-lý và nhân chủng của nước Trung-Hoa

Một nhà «Nhân chủng học» Tây phương vừa xác nhận :

«Vi yếu tố địa lý và khí hậu đã tạo ra cho con người Hoa Bắc, Mông Cổ (Tàu) Nga-là-Từ một khối óc lớn hơn hẳn mọi giống người khác trên mặt trái đất. Với khối óc ấy, con người ở các vùng này có một cá tính, kiên nhẫn, hung hăng, thượng võ, hiểu chiến lạ thường.

Đây không phải là một sáng kiến mới lạ của các nhà nhân chủng học Tây-Phương, mà trước đây 25 thế kỷ, Không-Tử cũng có một nhận xét giống như thế. Chúng ta hãy nhắc lại câu chuyện sau đây để chứng minh cho nhận xét trên :

Một hôm ông Từ-Lộ, Môn đệ của Không-Tử hỏi ngài rằng : «Thế nào là một người cường ? Ngài hỏi vặn lại :

«Anh muốn hỏi cái cường nào ? Cái cường của người Phương Nam chăng ? Cái cường của người Phương Bắc chăng ? Ngài giải thích tiếp : Khoan dung mềm dẻo để giáo dục người, không cần trả thù thù những trường hợp không thích đáng là cái cường của người Phương Nam. Gặp trường hợp cần, sẵn sàng xông mình ra trước rừng giuom, ngọn giáo chết bỏ chẳng cần. là cái cường của người Phương Bắc» (Từ Lộ vấn cường) Từ viết : Nam Phương chi cường dư ? Bắc Phương chi cường dư ? Khoan nhu dĩ giáo bất báo vô đạo, Nam Phương chi cường dã, nhậm kim cách tử nhi vô hối giả, Bắc Phương chi cường dã).

Tại sao Không-Tử lại khu biệt cái cường của Nam và Bắc khác nhau như kia ? Ở đây Quách mặt Nhược trong «*Trung Quốc văn học sử khảo*» lý giải rằng : Toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc chia làm ba phần : Hoa Bắc, Hoa Trung và Hoa-Nam. Kề từ sông Dương Tử dĩ bắc, cả Mãn Châu và Mông-Cổ, ở vùng Bắc này với yếu tố và nhân chủng,

cộng với điều kiện kinh tế, du mục và thương mại, nên con người ở đây rất thượng võ, hiểu chiến (nhậm kim cách tử nhi vô hối). Ví dụ thế kỷ 13, giống người Mông Cổ xua quân chẳng những choán hết toàn bộ lãnh thổ Trung-Hoa để lập ra nhà Hồ-Nguyên và còn nuốt hết từ Á sang Âu và Trung cận đông. Lại gần đây giống người Mãn-Thanh cũng từ vùng Hoa Bắc tràn xuống chiếm Trung-Hoa rồi lập ra nhà Thanh, một nền thống trị hàng mấy thế kỷ.

Truy tầm tới lịch sử xa xưa hơn nữa : Kinh đó nhà Tây Chu vốn ở Hoa-Bắc (Lạc-Dương). Nhưng sau vì bị bọn người Hoa-Bắc hiểu chiến kia quấy nhiễu, Chu-Bình-Vương phải dời đô về Đông Nam để duy trì ngôi báu, từ đó gọi là Đông-Chu.

Từ sông Dương-Tử dĩ Nam, là Hoa-Nam, cũng do điều kiện địa lý, nhân chủng, cộng với yếu tố kinh tế nông nghiệp định cư, con người ở vùng này ham chuộng hòa-bình chú trọng đạo lý (khoan nhu dĩ giáo — bất báo vô đạo) Hoàn toàn khác với các cường của người

Phương Bắc là tinh thần thượng võ.

Yếu tố lịch sử

Trung Hoa lập quốc bắt đầu từ đời Tam-Hoàng (Toại Nhân, Phục Hy, Thần Nông) rồi sang Ngũ Đế, Xuyên Húc, Đế Cốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn). Nhưng lúc đó còn đang ở trong chế độ Thị Tộc, người Tộc trưởng còn do cả thị tộc bầu lên, cái mà Nho giáo gọi là «Truyền Hiền». Nhưng thực ra chỉ là trạng thái sinh hoạt của người Thái Cổ.

Rồi dần xuống Tam Đại (Hạ, Thương, Chu) thì Xã-Hội Trung-Hoa đã bước sang chế độ Tù-Trưởng, đề rồi tiến tới chế độ phong kiến, vì đã có sự thị tộc Thương, người cầm đầu là thang đánh đô thị tộc Họ xóa bỏ chế độ truyền hiền, thực hiện chế độ truyền tử. Đó chỉ là một bước tiến tất yếu của lịch sử, chứ Tam Hoàng, Ngũ Đế cũng chẳng có gì đáng khen, mà Tần, Hán, Đường, Tống cũng không có gì đáng phải lên án toàn diện.

Kê cứu lịch sử Trung-Quốc, triều đại nhà Ân thương gồm 34 đời vua, cộng 629 năm, thời đại này chế độ phong kiến chỉ

mới thành hình. Chỉ có từ triều đại nhà Chu (1134-770) trước công nguyên, sau khi chế độ nông nghiệp tĩnh điền được thành lập, mới đúng là chế độ phong kiến (1).

Từ lúc nhà Chu suy nhược, liệt quốc nổi lên, lần át ngôi Thiên Tử, tiếp đó là Xuân Thu rồi đến chiến quốc. Theo sử quan của các nhà Nho cổ, thì cho là «thế đáng dự hạ», đạo đức dự suy». Nhưng thiết ra trong thời gian 240 năm thời Xuân thu là thời kỳ chế độ Phong kiến tĩnh điền xuống dốc, nứt rạn, và 147 năm thời đại Chiến Quốc là thời kỳ chế độ ấy sụp đổ hoàn toàn để bước sang một chế độ khác đáp ứng đúng nhu cầu thời đại và hiện tình Trung Hoa lúc đó, là một bước tiến tất yếu của lịch sử, tiến chứ không phải giạt lùi, như mấy Cụ Đồ Nho đã phê bình và nhận định lịch-sử.

Theo Bác sĩ Hồ-thích-Chi, thì Tần-Thủy-Hoàng là vai trò đầu tiên trong bước tiến mới ấy, ông ta phải đủ khả năng, nghị lực thực hiện và đương đầu với mọi tàn lực phản động củ, ý thức hệ củ

trước phút rầy chết. Chúng ta phải chịu hiểu được như thế, nếu không, sẽ bị Sách vở đánh lừa rất tai hại.

Ông Mạnh Kha nói: «Đọc sách mà nhắm mắt tin bừa và tin hết, thì thà đừng đọc còn hơn» (Tận tín thư bất như vô thư: Sách Mạnh Tử) đó sao.

Tần-Thủy-Hoàng trong chính trị, kinh tế, văn hóa Trung-Hoa

A. — CHÍNH TRỊ

1). — Thống Nhất lãnh thổ

2). — Thống nhất chính quyền Quốc Gia, cải biến chế độ chánh trị.

3). — Thống nhất văn tự

800 năm, hai nhà Tây, Đông Chu giữ chủ quyền, với chế độ Phong kiến tĩnh điền, tức là cơ sở Kinh Tế nông nghiệp

(1). *Danh từ Phong kiến hiện nay đã bị lạm dụng. Nói cho đúng thì danh từ này chỉ có triều đại nhà Chu mà thôi!*

sơ khai, lãnh thổ nước Tàu bị chia cắt thành hàng trăm năm nước, Chư hầu nhỏ (Phan Khoang Trung-Quốc sử lược trang 20). Tình trạng lãnh thổ bị chia xẻ, địa phương tự trị, ấy là yếu tố chính đã làm cho nước Tàu suy yếu và lạc hậu.

Với quy luật ưu thắng liệt bại, nên xuống thời Xuân Thu (722-481) trước công nguyên, chỉ còn lại 12 nước là: Tề, Sở, Tần, Lỗ, Vệ, Tống, Yên, Trịnh, Tào, Trần, Thái v...v... mà người ta thường gọi là Đông - Chu - Liệt - Quốc. Vẫn chư thôi, sang Chiến Quốc (403-206) trước công nguyên, chỉ còn lại 6 nước: Tần, Sở, Yên, Triệu, Ngụy, Hàn, người ta thường gọi là lục chiến quốc.

Các nhà Nho với quan niệm Vũ trụ tĩnh, thường than phiền Xuân Thu, Chiến Quốc là những triều đại hỗn loạn suy đồi. Nhưng thiết ra đó là trạng thái của một xã hội đang chuyển mình để tiến và đang tiến, cái mà các sử gia hiện đại gọi là «Tất yếu của lịch sử».

Ông Chu hy một vị đại nho đời Tống, trong bài đề tựa

cho bộ sách Mạnh-Tử có viết: «Nhìn chung đại cuộc thiên hạ nếu không vào tay Tần thì cũng vào tay Sở, điều đó nhà đại hiền họ Mạnh cũng đã tiên liệu trước (Thiên hạ đại thế, bất nhập U Tần, Tất nhập U Sở hiền giả nghịch tri kỳ đại thế). Nói như vậy không có nghĩa là ông Chu Hy cho Mạnh Tử là một nhà Chiêm tinh học; Hay một nhà Tiên Tri thần bí, mà ông Mạnh-Tử đã nắm được những yếu tố của Tần và Sở sau đây để khẳng định như vậy.

A). — TẦN: Với yếu tố địa lý và nhân chủng, cộng thêm điều kiện nhân sự.

B). — SỞ: Có một yếu tố nhân sự ưu Việt, đó là nước Sở dưới triều Sở Trang Vương, tuy bị quân Ngô đánh bại, nhưng lại khôi phục được ngay. Trải qua Trang Vương, Huệ Vương diệt được nước Tấn, nước Sở, Thái, Giản Vương diệt được nước Lỗ, đến Uy Vương, Sở đã có một lãnh thổ giang Nam, đất rộng dân đông, nước thành cường thịnh. Tuy vậy, nếu quân bình lực lượng thì còn phải thua Tần bởi những yếu tố nhân

chúng, địa lý dẫn tới yếu tố Kinh-Tế du mục, thủ công và thương mại.

Có lẽ cũng vì thế mà Mạnh-Tử dự kiến thống nhất thiên hạ, phải là Tần rồi mới tới Sở chăng ?

Thiệt vậy, khởi thủy những vị vua thành lập nước Tần đầu tiên là ở vùng Hoa Bắc. Khi Chu Bình Vương đồng thiên, vì lý do không đương đầu nổi với giống người Mông, Mãn hiếu chiến kia cứ luôn luôn quấy nhiễu, mới giao lại Kinh đô cũ của nhà Tây Chu cho Tần. Vậy nhà đương cuộc nước Tần lúc đó có phải là cứng lắm mới đứng được đầu gió. Đó cũng là một chứng cứ nước Tần làm một quốc gia giàu mạnh để thống nhất lãnh thổ sao này,

Ở đây Ông Đào-Duy-Anh trong Trung-Hoa sử cương viết rằng, nước Tần sở dĩ thống nhất được Thiên hạ là vì Vua Tần, sớm biết dùng chính sách phú quốc cường binh. Ví dụ : Tần hiếu Công (336-338 trước công nguyên) biết khuếch trương kinh tế nông nghiệp của Tướng quốc

Thương Ưởng, Gia di địa lý lại chiếm phần ưu Việt, vì nước Tần ở về Tây Bắc Trung Hoa đất rộng người ít nhưng khỏe mạnh và nhẫn nại, đó là yếu tố đem đến chính sách Nông chiến của Tần tới thành công.

Lúc đó nhà đương cuộc nước Tần thấy rằng : chế độ tỉnh điền của Nhà Chu sót lại thành một trở lực cho phát triển nông nghiệp nên, vua Tần mạnh dạng bãi bỏ đi, cho chia lại ruộng đất xưa và tự do mua bán, nhận quyền sở hữu của địa chủ, cùng là lấy phép địa tô — bằng hiện vật hay hiện tiền tệ, thay cho địa tô lực dịch của nhà Chu. Chính sách kinh tế ấy đã đem nước Tần tới phú cường.

Đã gọi là bánh xe lịch sử là rất yếu, là cái gì sẽ đến, thì nay đã đến. Năm 221 trước công nguyên, vua Tần lúc bấy giờ, tên là Di Đinh Tần, cũng gọi là Đinh Chính, hiệu là Thủy-Hoàng có nghĩa là vị vua đầu tiên của triều Tần dùng binh lực đánh dẹp 6 nước kia để thống nhất lãnh thổ Trung-Hoa, từ Tây Bắc giáp Mông cổ. Đông-Nam giáp Việt-Nam

Triều-Tiên, Đông-Hải, một lãnh thổ rộng lớn chưa từng có trong lịch sử Trung Hoa từ trước tới đó.

Nghĩ cho cùng kỳ lý thì việc Đinh Tần thôn tính lục quốc vẫn không có gì là khác với Đinh Tiên Hoàng ở Việt-Nam bình thập nhị sứ quân vậy.



Sau khi thống nhất được lãnh thổ Trung-Hoa rồi Tần-Thủy-Hoàng còn thống nhất được cả chính quyền quốc gia đồng thời cải biến luôn cả chế độ chính trị nữa.

Ở đây ông Đào-Duy-Anh trong Trung Hoa sử cương viết :

Tần-Thủy-Hoàng sau khi thống nhất được lãnh thổ Quốc-gia ra, bèn loại bỏ hẳn chế độ phong kiến tỉnh điền và chia đất nước làm 36 quận (khu vực). Mỗi quận đặt quan văn là «Thú», cầm đầu hành chánh và Võ bị, ngoài ra còn có quan Giám đề làm nhiệm vụ Giám Sát và đôn đốc.

Trước hết tờ chức chánh phủ Trung ương do Hoàng

Đế cầm đầu, có vị Thừa Tướng giúp nhà vua xử lý quốc chánh xuống nữa còn có các quan Ngự Sử và Giám Sát đại phu giúp mọi việc trong triều ngoài giã.

Tất cả các cấp chánh quyền, từ Trung Ương tới các địa Phương đều do cơ quan Trung Ương (Triều - Đình) trực tiếp bổ dụng, điều khiển.

Như vậy là Thủy-Hoàng đã thống nhất được chính quyền quốc gia dưới quyền điều khiển của một chính phủ Trung ương, và ông cũng đã cải biến chế độ chính trị từ «phong kiến tỉnh điền» sang chế độ Trung Ương tập quyền (theo Phùng-Lưu-Lan) hay là Tập Quyền quận huyện (theo Hồ-Thích-Chi).

VẤN ĐỀ KINH-TẾ

Trung-Hoa là một quốc gia rộng lớn và tối cổ ở Á-Đông, từ khi lập quốc cho mãi tới đời Tây-Chu, Đông-Chu nhân dân vẫn sống trong nghề nông nghiệp sơ khai, với chế độ Phong kiến tỉnh điền, đã kém hẳn nền kinh tế quốc gia không phát triển được. Sau khi nhà Đinh-Tần thống nhất

được lãnh thổ và chính quyền Quốc gia, vua tôi họ thấy rằng nếu duy trì mãi cơ sở kinh tế nông nghiệp tĩnh điền ấy, thì kinh tế không thể phát triển được. Vua nhà Tần mới ban hành Sắc luật bãi bỏ chế độ nông nghiệp tĩnh điền, chấn hưng nông nghiệp bằng biện pháp nông chiến (Chiến trường nông nghiệp). Với chánh sách đó đã đem nền kinh tế nông nghiệp Trung Hoa lên tới một mức độ khá cao.

Ngoài ra Thủy-Hoàng còn chủ trương khếch trương thêm các công nghệ, thủ công, mở đường giao thông thủy lục mở hàng hải thương mại với ngoại quốc.

Nói tóm lại : Triều đại Đinh Tàn đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế, chính trị của Trung Hoa lúc bấy giờ.

Thống nhất văn tự

Trung Hoa là một quốc gia lãnh thổ rộng vào bậc nhất thế giới, nhân số chiếm được phần tư nhân loại. Nói về văn hóa văn tự đứng đầu khối Trung Ấn (Trung-Hoa ẤN-ĐỘ) một nửa kho tàng văn hóa đương sơ Văn-Tự Trung-Hoa trước đời nhà Đinh Tàn hết sức phiền toái phức tạp, gần như mỗi nước

Chư hầu đều có một thứ văn tự riêng biệt.

Sau khi nhà Đinh Tàn thống nhất thiên hạ, mới cố gắng thống nhất văn tự lại được.

Ở đây Ông Nguyễn-Hiến-Lê trong Trung-Quốc Văn học sử đại cương viết rằng : «Trước triều nhà Trần, một nước chư hầu có những phong tục, Văn-Tự pháp lệnh, y phục, đồ đo lường riêng biệt. Sau Tần-Thủy Hoàng lên ngôi mới thống nhất lại được tất cả, Nghĩa là sự thống nhất lãnh thổ, chính quyền... đã kéo luôn sự thống nhất cả, Chính-Trị, Kinh-Tế Văn-Hóa và Xã-hội nữa...

Nói về Văn-tự, Nhà Tần bãi bỏ lối chữ đại triện dùng lối chữ tiểu triện (Chữ viết thường) đồng thời loại những chữ những tiếng chỉ dùng riêng trong một vùng nào đó và có vẻ kỳ dị lạc hậu.

Vua Tần lại còn lựa chọn và tập hợp những thanh niên ưu tú tại thủ đô Hàm Dương để học tập Văn-hóa, Văn-Tự mới ấy, trước khi bổ dụng họ đi làm quan ở các địa phương.

Đây là một chủ trương văn hóa của Tần-Thủy-Hoàng mà sau triều Hán đã học theo để xây dựng mở mang trường Quốc-Học, mở khoa thi, chọn nhân tài, cho mãi tới bây giờ, mặc dù hình thức tuy có thay đổi, nhưng nội dung, tinh thần vẫn còn nguyên vẹn trong việc học và thi hiện tại.

Tần-Thủy-Hoàng có phải là một bạo chúa không ?

Động cơ nào đã đem ông ta tới những hành động độc tài tàn bạo ?

Đối với những sử quan xa xưa, thì câu hỏi trên hình như thừa, nhưng bây giờ thì vấn đề cũng vẫn được thẩm định lại.

Để tìm tài liệu sung vào hồ sơ vụ án Tần-Thủy-Hoàng, chúng tôi phải tìm hiểu vì động cơ nào đã đem Tần-Thủy-Hoàng tới những hành động độc tài tàn bạo ?

Trước khi đi vào chi tiết, thiết tưởng chúng ta cần phải công nhận, không phải là một nguyên tắc, nhưng là một thực trạng là: Dưới bóng Mặt trời, trên Mặt trái đất, từ khi loài người biết đặt ra chính quyền

cho tới bây giờ, chắc chưa có một chánh quyền nào không đàn áp kẻ chống lại mình ; Càng được gọi là chế độ dân chủ tự do v...v... thì thủ tục đàn áp lại ghê gớm hơn. Cho nên đã có kẻ định nghĩa về pháp luật như thế này :

«Pháp luật không phải tự đâu trên trời rớt xuống, hay dưới đất vút lên, mà do con người làm ra, vậy ai giữ chánh quyền, là pháp luật của kẻ ấy, dùng để bảo vệ mình và bắt buộc, trừng trị kẻ chống lại, cho nên chánh quyền nhà Đinh Tàn cũng không thể chạy ra ngoài thông lệ đó.

Đề lý giải tại sao Tần-Thủy-Hoàng lại phải đàn áp những kẻ đối lập nhiều hơn các người khác ? Trương-Chi-Động Tiên Sinh trong «Tần triều khảo lục» có viết :

«Xã Hội Trung Hoa vào triều đại Xuân-Thu và Chiến Quốc, có thể nói là còn được tự do hơn, không phải là bọn vua chúa Phong kiến cho nhân dân lúc đó được hưởng Tự do, nhưng bộ máy kiểm soát chưa được tinh vi cho lắm.

«Hơn thế nữa lãnh thổ lúc đó còn bị chia cắt ra nhiều nước, ai muốn nói gì, viết gì? Tha hồ tự do kể cả việc công kích lẫn nhau, mặt sát cả chính quyền, mà chính quyền nước cũng không đàn áp được. Vì rằng chỉ có mấy bước thôi đã là lãnh thổ nước khác rồi.

«Nhưng Tần Thủy Hoàng thống nhất lãnh thổ, thì tất những phản động lực của Tần không còn chỗ chạy và đất đứng nữa, vì vậy mà kẻ chống lại bị bắt giết nhiều».

Lời nhận xét của Trương quân trên đây có thể là rất đúng.

Nhà Đinh Tần có chủ trương hủy diệt nho giáo, cổ học không?

Từ xưa tới nay, nhất là các nhà NHO, mỗi khi nói tới lịch sử Nho-Giáo, là nói ngay rằng Nho Giáo bị Tần Thủy Hoàng hủy diệt «đốt sách chôn học trò» (Phần thư khanh nho).

Như theo các sử gia Trung-Quốc cận và hiện đại thì vấn đề lại được thẩm định lại.

Trong Trung-Quốc cổ đại sử trang 226 Hạ Tăng Hữu Tiên sinh viết rằng: «Thiệt ra Tần Thủy Hoàng không hề chủ trương hủy diệt Nho Giáo, cổ học như Hán. NHO đã từng kết án. Ta nên xét lại rằng: Sau khi Tần thống nhất thiên hạ, không thể không phải thanh toán một số đội lốt nhà NHO, viết những sách và còn đi hô hào có động bài xích chế độ mới, chế độ nhà Tần, tán dương và muốn làm sống lại chế độ cũ «Phong kiến tình điền» đã sụp đổ. Vậy số nhà Nho bị chôn 560 người, và số sách bị đốt ở Hàm-Dương (Thủ đô cũ nhà Tây Chu, nơi tập trung bọn người phản động này nhiều nhất) là thuộc loại Nho này, sách này, chứ không phải tất cả NHO và tất cả sách».

Đề chứng minh cho luận cứ của mình, cũng trong sách nói trên, trang 228, Hạ Tăng Hữu Tiên sinh còn viết tiếp:

Một số sách cổ Trung-Hoa, như Ngũ Kinh, tứ thư chẳng hạn, bị đốt phá vào những triều đại giao thời: Chiến Quốc Tần — Sở Bá Vương không phải tất cả đều do tay

Tần Thủy Hoàng đốt, mà Sở Bá Vương Hạng Võ cũng rất nhiều, chúng ta chưa ai quên câu chuyện: «Hạng Võ đốt cung điện nhà Tần, ngọn lửa ba tháng chưa tắt» (Thiếu Tần cung hỏa tam nguyệt bất diệt).

Nhưng rồi bọn HÁN NHO, những cán bồi bút viết sử của Triều Hán, với ý thức hèn hạ nịnh bợ triều đại mới, mặt sát chế độ cũ, cố tình gán ép cho Tần Thủy Hoàng tất cả cái tội ấy. Chứ bảo rằng Tần-Thủy-Hoàng có ác ý tận diệt Nho Giáo và cổ học, thì tại sao sau khi ổn định được tình thế rồi. Vua Tần còn mời hàng vạn nhà thâm nho, bác học tới Kinh đô để phát triển Văn-Hóa, đồng thời tham gia triều chính cho tới khi ông chết đi còn di chúc lại cho con là Nhi Thế vẫn cứ phải theo đường lối ấy mãi.

Vì vậy khi Nhi Thế lên ngôi, kni được tin Trần Thắng khởi loạn, nhà Vua liền mời tất cả những vị bác học, Cự Nho vào cung điện để cùng triều đình thảo luận quốc sách đánh giặc, giữ nước. Cuộc hội nghị này, chính Thúc-Tồn Thông

là người có tham dự.

Đoạn văn trên đây là do Hạ-Tăng-Hữu Tiên sinh trích dẫn và còn chứng minh thêm rằng:

«Sự việc trên đây chính Sử ký quyển 99 và Tây Hán Thư quyển 34 cũng đều ghi chép như thế».

Lại trong pho sách «Nhật Tri Lục» quyển 13 trang 97, nhà học giả Cổ-liêm-Vô cũng viết:

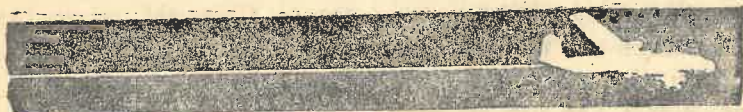
«Tần-Thủy-Hoàng đối với đường lối chính trị Nho Giáo, ông có phần tiến bộ hơn. Ví dụ: Khổng Tử nói: «đối với dân chỉ bảo họ phải làm như thế, không cần cho họ biết tại sao?» (Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi). Nhưng Tần-Thủy-Hoàng bảo rằng: Khổng Tử nói như vậy là không đúng. Trước khi bảo nhân dân làm, phải cho họ biết làm như thế nào? Tại làm sao phải làm như thế? Làm như thế có lợi hay có hại gì cho họ.

Vì vậy, sau khi lên giữ chủ quyền, Tần-Thủy-Hoàng cho thợ khắc vào đá dựng lên tất

cả những nơi công cộng cho nhân dân chú trí những quốc luật, quốc sách của triều đình. Và khi triều đình sắp thi hành một chính sách mới nào, đều có yết thị lên những nơi công cộng cho nhân dân biết trước.

Chủ trương của Tần Thủy Hoàng trên đây, trong bộ sách, «Trung Quốc chính trị tư tưởng sử» của Tiêu công Quyền Tiên sinh, chương 8 lời chú 31 cho rằng :

«Đây là một chủ trương chính trị rất tiến bộ, của nền dân chủ pháp trị Đông Phương : đáng được ghi nhận :



Thà làm đuôi sư tử còn hơn làm đầu chó.

*Le Talmud
(Aboth)*

*Qui veut noyer Son chien l'accuse de la rage.
(Muốn nhện nước con chó, người ta nói nó điên)*

*Molière
(Les Femmes Savantes)*

Kết luận

Bằng vào những sử liệu, kèm theo những ý kiến phê bình, nhận xét của những học giả, sử gia cận đại ở Trung Quốc và Việt Nam. Chúng ta có thể tạm kết luận rằng :

Tần Thủy Hoàng chẳng những không phải là một bạo Chúa, mà còn là một nhà Cách Mạng, một vĩ nhân trong lịch sử Trung Quốc nữa.

ĐÔNG TÙNG

Biên khảo



CÁI THUỞ BAN ĐẦU

«Cái thuở ban đầu lưu luyến
ấy,
«Ngàn năm hồ dễ mấy ai
quên».

CHUYỆN tình nào cũng bắt đầu bằng một cái «thuở ấy» tức là ngày mà chàng và nàng vừa mới biết nhau và dù chuyện tình kia có thành tựu hay tan vỡ phần nhiều người ta vẫn nhớ và nhớ mãi «cái thuở ban đầu».

Thông thường trong giới trung lưu, chàng và nàng thường biết nhau tại nhà một người bạn trong một buổi dạ hội, sinh nhật hay tiệc cưới ít khi có chuyện biết nhau tại một đám tang ! Chốn bình dân lại biết nhau tại những nơi thơ mộng hơn : máy nước, lễ đường hay W.C. công cộng ! !

Tôi được biết có những thuở ban đầu rất là «kỳ lạ» đây là những trường hợp có thật xin kể ra để quý vị cùng thưởng thức :

Chàng là bồi bàn của một tiệm

giải khát nọ, nàng là «liên tử» của nhà bên cạnh — xin mượn tiếng liên tử của D-A. để nghe cho êm tai — Một bữa kia, sau khi làm xong cái món gà rết «hấp dẫn», có lẽ vì mùi thơm quá quyến rũ đối với cái bao tử đương hồi lếp xep, Liên tử nhà ta bèn «nâng nhẹ» một cái đùi gà, nhón gót bước vào nhà «xia» để thưởng thức, mớ «an toàn» đã cài lại nàng yên tâm và bắt đầu «đớp». Tai ác thay nơi nàng đang «trú ngụ» lại có một lỗ thông hơi qua tiệm chàng ! Trời xin đất khiến thế nào mà chàng cũng đang đi «giải phóng» nghe tiếng nhóp nhép chàng tò mò nhìn sang, thế là «bốn mắt nhìn nhau ngàn sao lóng lánh ! «Chàng không nhìn được cười còn nàng ngậm cái đùi gà đứng chết trân ! Giá mà «ở dưới» không có toàn «của quý» thì nàng đã dộn thổ !

Sau hôm đó nàng đâm ra «hận» chàng. Liên tử nhà ta dù đã nhém cái lỗ thông hơi lại cũng «đếch» đâm «lạm ăn vị hiểm» như trước

nữa. Mỗi lần gặp chàng, nàng cứ găm đầu xuống đất mà đi. Chàng đâm ra thương hại rồi cảm nàng nên tìm cách gọi chuyện làm quen. Ít lâu sau họ ca bài «hai người gọi chung một tên». Bây giờ mỗi khi nhắc lại chuyện cũ, chàng cười hề hề còn Cựu liên từ thì bẽn lễn gất «đồ quý nà».

Câu chuyện thứ hai cũng nảy nở trong một môi trường «kém vẻ sinh» như trên: Cùng trú ngụ trong một cái xóm đất ít dân đông, thiên hạ cùng nhau «bài tiết» trong những W.C. công cộng. Chàng và nàng tất nhiên không tránh khỏi thông lệ đó. Sáng sáng họ cùng thấy nhau khi «ra» khi «vô» lâu dần dần «ghiền», bữa nào một trong hai người trật «thời khóa biểu» là bứt rứt không yên. «Cái gì đến đã đến», một bữa, chàng và nàng kẻ trước người sau đến «địa điểm» nhằm lúc đang «kết» nghĩa là các cửa đều đóng kín, bên trong có còi theo còi thật. Thật là cơ hội ngàn vàng chàng bèn tiến lại làm quen... Sau đó ít lâu họ cùng nhau thề «răng rưng». Bọn bè biết chuyện đùa họ bằng cách méo mó hai câu thơ:

«Cái thuở ban đầu «hỏi hám»
ấy,

«Ngàn năm chưa dễ mấy ai
quên». ?

Và đây là câu chuyện thứ ba nàng tuy đã «xuân xanh» xảy x: tới tuần cập kê» mà còn tánh con nít chuyện dành ăn với em. Trưa đó, vừa «văn tù tù» với em thắng được ba trái táo tàu nàng bèn cho biết vào mồm rồi lên nhà trên ngồi đọc «Tiểu ngạo giang hồ». Đang say sưa «chén» truyện và «chén» táo bỗng một giọng nói làm nàng giật mình quay lại. «Có anh Định ở nhà không? Nàng định nói «ạ có» nhưng mồm đầy ắp! Người thanh niên lập lại câu hỏi «có anh Định ở nhà không?» Nàng gặt đầu chỉ tay ra nhà sau và trước đôi mắt ngạc nhiên của người ấy chạy vu ra sau một mạch. Gặp anh cô bé lại kéo áo chỉ ra nhà trước và nói bằng giọng mũi «hừ hừ hừ» (có người kiếm anh) không biểu chuyện chi, anh nàng vội chạy ra nhà trước và nàng nghe rõ ràng tiếng Anh «A! Minh đây mà, tao cứ tưởng chuyện gì».

— «Sao lại tưởng chuyện gì?»

— «Nó cứ chỉ ra nhà trước mà trư làm sao tao biết»

— Mà làm sao vậy?

— Tao đâu có biết

— Hay Hà bị đau?

— Ủi chào! đau mà mặt mày tươi tỉnh thế à?

Hay Hà bị nhức răng?

— Nó nhức răng nó khóc ba làng cũng nghe.

Sao mà cái nhà ông này cứ trù con người ta đau thế nhỉ? Còn ông anh quý nói xấu em lắm thế, chút nữa thì biết tay. Bỗng nghe bé Hiền chạy ra láu láu:

— Không phải đâu, chị Hà mắc ngậm táo, chị vừa dành ăn của em ba trái táo tàu đó.

Nàng tức quá chạy ra là:

— Tao «oản tù tù» đang hoảng chó bộ tao dành không của mày sao, cái con này thật là...

Nụ cười tí h nghịch của

người bạn anh làm nàng đỏ mặt bỏ lửng câu nói. «Ủi dào, ta cứ tỉnh bơ, ta dành ăn của em ta chó có phải em ai mà ta ngán». Tuy nghĩ vậy nhưng mỗi lần bắt gặp cái nhìn và nụ cười của «người ấy» nàng vẫn gượng chết đi được.

Đó là thuở ban đầu của một chuyện tình «có đoạn kết»

Kể viết bài này đến đây xin ngừng, ai có «cái thuở nào ngộ ngộ xin viết lên đây đề cùng thương thức và cười một phát cho nó «phê phẩn» vì thời buổi kiem ước, vật giá leo thang, không tiền mua «Activit» nên ta phải áp dụng câu «một nụ cười bằng.. mười tô hủ tiếu» phải không thưa quý vị??

ĐẶNG HUYỀN THU

□□□

Tiền bạc không có giá trị bằng vàng, vàng không giá trị bằng đạo đức.

HORACE
(Épîtres)

KEUKENHOF

Mùa xuân nơi hạ giới

● TRẦN LÊ-NGUYỄN-VŨ
(Passau)

(tiếp theo và hết)

NGOÀI các đóa hoa và các tác phẩm nghệ-thuật, du-khách ngoại-quốc đến Keukenhof còn được chiêm-ngưỡng thêm những gì rất «cổ-truyền» rất «độc-đáo Hòa-Lan»: Đó là chiếc cối xay gió và bộ áo cổ-truyền của phụ-nữ địa-phương. Chiếc cối xay gió ở Keukenhof cỡ nhỏ, sơn phết hoa hòe mới được đặt làm cảnh trong những năm gần đây. Thực ra, cối xay gió có nhiều kiểu. Có kiểu mừng-tượng như một ở rơm khổng-lồ ở miền quê Việt-Nam, bên dưới nền bằng đất dậm, bên trên mái lợp bằng một loại rạ cọng lớn như tranh lương ở

xứ ta. Có kiểu bên dưới tròn, thoải, bên trên nở phình như hình-dánh tổ chim bồ-câu. Có kiểu tóp hai đầu phình, trông rất đẹp mắt. Đi tàu hỏa, du-khách thấy xa xa ở phía chân trời, hình những chiếc cối xay gió bốn cánh mờ mờ ần-hiện, trông rất bé nhưng khi đến gần cao ngọp mắt và bên trong rất rộng. Bên bờ sông Amstel, có những chiếc cối xay gió cao đến 4 tầng lầu vừa làm nhà ở vừa là hiệu buôn. Người ta ước-lượng có khoảng 1700 cối xay gió tại Hòa-Lan. Ngày nay 1/2 đã được cơ-giới-hóa, một nửa còn lại vẫn hoạt-động nhưng được biến-chế tinh-xảo hơn. Riêng bộ áo cổ-

truyền thì phải kể là độc-đáo. Tác-giả đã có dịp dự nhiều buổi lễ vui (Karnaval), ở nhiều địa-phương từ miền Nam-Đức dọc theo sông Rhin lên đến Bắc-Âu: mỗi địa-phương có một chiếc áo cổ-truyền riêng. Nhưng chiếc áo cổ-truyền của phụ-nữ Hòa-Lan được nhiều người khen là như-mì, ít hoa hòe, đẹp một cách trang nhã. Lần đầu tiên tác giả được thấy bộ áo cổ truyền ở nhà bán đồ kỷ-niệm Frans Versluis số 55 khu Damrak Amsterdam. Áo màu đen, tay ngắn, dài đến mắt cá. Cổ áo rộng, khoét vuông, viền kim-tuyến. Chiếc áo lót bên trong màu trắng, cổ tròn thêu ren đỏ. Áo bó sát thân thò từ cổ đến eo và eo trở xuống nở phình ra. Ngang hông là một dung vải trắng dài hơn 3 tấc quấn quanh mình, thông ra sau bằng một chiếc nơ ngũ sắc buông dài đến gót. Chiếc mũ đội đầu màu trắng, hình chóp có hai tai rộng vênh cao hai bên. Tác giả đành nín thở rằng đây là kiểu áo duy nhất. Không ngờ khi ghé đến Haarlem, xem các ruộng hoa mới biết mình bé-cái-lắm và khi đến Keukenhof thì ô-hồ thực là một sự «hố» vĩ đại. Tuy đại thế chiếc áo cổ-truyền vẫn thế nhưng chỉ tiết thì thiên hình vạn trạng...

Thì ra phụ nữ ở bất cứ thời đại nào, bất cứ không gian nào cũng vẫn nổi danh là lắm «mốt».

Chiếc áo cổ truyền phải đi đôi với đôi guốc cổ truyền. Nói đến đôi guốc Hòa-Lan có lẽ tác giả phải dùng chữ «có một không hai» mới đến tả được vẻ độc đáo của nó. Xin quý độc giả cứ tưởng tượng một khối gỗ tròn đường kính hơn hai tấc, dài hơn ba tấc, đục rỗng bên trong vừa đủ lọt bàn chân. Mũi guốc nhọn vênh lên như mũi các chiến thuyền xưa. Thân guốc no tròn bầu bĩnh mừng-tượng như thân một đôi vò hài bằng đá của các võ-quan đứng chầu trước lăng-tẩm ở cổ-đô Huế. Đế guốc rất cao. Khi mang guốc vào chỉ còn thấy để lộ một phần gót chân. Guốc được sơn bằng một lớp dầu trong và vẽ hoa bán với giá 14 Gulden 50 (khoảng 500 đồng V.N.) So với đôi guốc Đa-Kao mảnh-dẻ của các cô gái Saigon thì đôi guốc Hòa-Lan quả thật khổng-lồ. Một anh bạn ky-giả Hòa-Lan tâm-sự với tôi rằng «Xưa tôi vốn ăm-thấp, cần phải có đôi guốc như thế mới tranh được thấp-khi». Lời tâm-sự ấy hẳn có phần đúng của nó nhưng thực ra tôi rất ít thấy người Hòa-Lan mang guốc.

Và bộ áo cổ-truyền hầu như cũng chỉ còn là một tượng-trưng của di-vãng. Khắp phố-xá Hòa-Lan thấy nhiều nhất trong giới trẻ là những bộ áo quần Hippie; những cô gái mặc mini-jupe ngắn cùn-cồn và các cậu trai đầu tóc che kín mặt và cạo, vẽ rằn rổ hoang-dại, rút tay túi quần, lang-thang bát-phổ. Khi mới đặt chân xuống Amsterdam tôi đi một vòng tìm khách-sạn đã hết sức ngạc-nhiên không hiểu tại sao ở Hòa-Lan lại có nhiều dân «bụi-đời» đến thế!

Trong khuôn-viên Keukenhof có hai nhà hàng lớn, thường xuyên mở cửa đón du-khách với thực-đơn du lịch (Tourist-Menü) giá 7 G50 (Khoảng 250 đồng VN). Món xúp hành Hòa-Lan ngon thật nhưng chưa ngon bằng ổ mì thịt cừu chiên bán trước cổng Keukenhof. Chỉ tốn 1 G20 là có cả một vát thịt chiên to gần bằng trái bưởi lớn kèm theo một ổ bánh mì, vừa no vừa rẻ lại vừa thích-khẩu. Nhìn chệch về phía đông có nhà biểu-diễn cách bài-trí và nghệ-thuật ghép hoa (Bloemsierkunst), tại đây hàng năm có triển-lãm nghệ-thuật phim-ảnh (Hình như là của hãng phim Gevaert-Agfa). Lại có hàng bán hoa (Bloemenverkoop), hàng bán phim

ảnh, hàng bán đồ kỷ-niệm. tại đây du khách có thể lựa mua nhiều món đồ chơi nhỏ rất đẹp, chẳng hạn như một chiếc thuyền cổ Hòa-Lan mà thân thuyền là một chiếc guốc lớn với ba cánh buồm trắng căng phồng như bọc gió đại dương. Hoặc một chiếc cối xay gió (Molen) có gắn đèn màu, vận giây thiêu phát ra tiếng nhạc réo rắt êm tai. Đối diện cổng vào Keukenhof, cạnh khu-vực dành cho xe buýt đậu có hàng bán trái cây với những chùm nho Hòa-Lan chín đen muồi, mong ước hương vị ngon-ngọt như trái lòn bon miền núi Quảng Nam. Keukenhof đặc biệt có một phân đội Cảnh sát lo-việc điều hành lưu thông, trật tự trong những ngày Hoa-trại mở cửa đón du khách bốn-phương.

Đến chơi Keukenhof, nếu khách là một trang bào hoa phong nhã, khéo ăn khéo nói, thế nào cũng bắt chuyện được với một giai nhân. Nàng sùng-sinh trong bộ áo cổ truyền, chạy tung tăng giữa các luống hoa, dưới ánh nắng đào, miệng cười rất xinh. Nàng tặng khách một một đóa hoa Uất-Kim-Hương tuyệt đẹp và chậm rãi kể cho

khách nghe nhiều mẫu chuyện thích thú từ lịch sử Keukenhof đến nghệ-thuật trồng hoa. Nàng kể rằng, ngày xưa, rất xưa vào thời Trung cổ, Hoa-trại Keukenhof thuộc lãnh-địa thống-trị của quân-chúa JACOBA Van Baiera (1) một trang tuyệt sắc giai nhân, nghiêng thành nghiêng nước nổi tiếng một thời. Trong vườn Keukenhof lúc bấy giờ có sẵn cây lành trái ngọt, chim muông nai thỏ. Ban hỏa thực chỉ cần ra vườn săn bắt muông thú và hái rau trái về nấu nướng. Vườn có thể cung cấp đầy đủ thức ăn hàng ngày cho gia-đình quân-chúa và đám gia-nhân sống trong lâu đài tráng-lệ. Do đó Keukenhof có nghĩa là «vườn của nhà bếp» (hof = vườn trại; keuken = nhà bếp, nấu ăn). Quân-chúa có một cô cháu gái tên là JULIANA, tuổi vừa độ trăng tròn, nhan sắc cực kỳ diễm-lệ. Dân gian truyền tụng rằng nàng đẹp như một vị Nữ-thần với suối tóc bạch kim, chiếc mũi dọc dừa, đôi mắt bồ câu xanh màu hồ hải, hai đường răng ngọc trai nở đều đặn trên cánh môi hồng bé nụ. Bao nhiêu vương-tôn quý-tộc thâm-yêu trộm nhớ mong rắp ranh bắt sẽ. Nhưng mặc ông bướm xôn-xao

ngoài ngõ, nàng vẫn khép chặt phòng-khuê chăm chỉ học công-dụng, ngôn, hạnh. Tìm người đẹp chưa xao động trước một hình ảnh quyền-quý nào. Ngày nọ nhân lễ thánh Nikolaus. Ngài là thánh-chủ của trẻ em, của các thiếu-nữ, của thương-nhân và thủy-thủ. Các trẻ em Hòa-Lan tin rằng thánh Niko-lans sẽ đáp thuyền từ Tây-Ban-Nha đổ bộ lên Hòa-Lan, mang theo rất nhiều quà bánh. Đi theo ngài có đoàn nhạc-công cử những bản thánh ca vinh-danh chúa cha trên các tầng trời và có thằng Peter da-đen thường chui từ lỗ sưởi xuống bỏ quà vào giày các trẻ em ngoan ngoãn. Vì thế, trước khi đi ngủ các em chắp tay cầu nguyện và lấy giày mang đặt cạnh lò sưởi để mong Thánh cho quà. Cô bé Juliana cũng cảm thấy rạo-rức chờ đợi thánh Nikolaus. Nàng đưa mắt nhìn qua cửa lâu đài. Bên ngoài hoa tuyết bay phất phới. Núi

(1) Tức là miền Bayern của nước Đức (tiếng Pháp gọi là Bavière). Tiểu-bang Bayern rộng 70.500 cây-số vuông. Thủ-phủ hiện-thời là München (Munich).

đôi trắng xóa. Hoàng-hôn xuống dần trên bãi sông xa. Bỗng có tiếng vó ngựa đập dồn, rồi bóng một kỵ sĩ xuất hiện trước ngõ vào lâu đài áo chàng đỏ tựa ráng pha, ngựa chàng sắc trắng như tuyết in. Chiếc mũ rộng vành phủ nghiêng mái tóc, thanh trường kiếm

nạm vàng lũng lẫm bên hông. Dáng đi quắc-thước oai-hùng. Có lẽ chàng đã vượt hàng trăm dặm đường. Sương tuyết phủ đầy trên vai áo, tiếng ngựa thổ phỉ-phò. Kỵ-sĩ gõ cửa xin vào tá-túc. Juliana nghe tim mình náo-nức. Hình ảnh vị Hoàng-tử ngàn xưa chợt hiện về trong mộng-tưởng. Thế rồi trong đêm ấy, bên lò sưởi ấm, nàng hiến-dâng cho người yêu nụ hôn đầu trinh-nữ. Sáng hôm sau kỵ-sĩ lên đường, việc quân-quốc không thể trễ-nài. Chàng hẹn mùa Xuân sáng năm sẽ trở lại và sẽ mang nhiều chiến-thắng về tặng nàng thay hoa ngày cưới. Juliana mỗi mòn thương nhớ. Bỗng người yêu vẫn bất-bặt xa vời. Nhưng rồi một hôm, vào mùa hội tháng 5, có tiếng ngựa trở về. Vó ngựa gõ dồn-dập trên nẻo vào lâu-dài. Juliana hớn-hở mở cửa chạy ra Ngựa đã đến bên hiên. Đúng là tuần mã ngày xưa. Nhưng trên ngựa chiếc yên vắng người. Juliana

ngất xỉu và khi gia-nhân vục vào phòng tìm nàng ngừng đập. Ngày lại ngày trên mộ nàng lớn dần một cánh hoa đẹp có 6 cánh, khi người ta đào lên thấy củ hoa mang hình một trái tim nguyên-vẹn. Đây là hoa Uất-Kim-Hương.

Các cụ già thường kể cho con cháu nghe rằng, hàng năm vào ngày lễ thánh Nikolaus, người ta còn nghe rõ tiếng vó ngựa đập-dồn hướng về nẻo Kieu-kenhof, và xa xa trong cánh rừng tuyết lạnh, hình ảnh đôi anh-hùng thực-nữ khuất dần. Từ đây loài hoa đẹp sáu cánh sinh-sôi này nở lan tràn khắp xứ. Hoa có nhiều màu. Màu xanh là màu mắt nàng Juliana; màu trắng màu tóc bạch-kim, màu đỏ thắm màu môi trinh-nữ; máu hồng màu da thịt mát tươi; màu vàng màu chiếc trâm vàng đặt trên đầu.v.v... Và những nàng đất trên đầu.v.v... Và những màu sắc kia lại hòa-hợp lẫn nhau tạo nên muôn màu muôn vẻ kỳ-diệu khác.

Khắp thế-giới xứ nào cũng có trồng hoa Uất-Kim-Hương, nhưng chỉ ở Hòa-Lan có nhiều và đẹp hơn cả. Người ta bảo rằng dân Hòa-Lan có bí-quyết trồng Uất-Kim-Hương nhưng muốn đầu nghề. Thực ra chẳng

có gì đáng gọi đầu nghề cả. Người Hòa-Lan vẫn bán củ giống đi khắp thế-giới và bày cánh trồng hết sức tỉ-mỉ. Sở dĩ hoa Uất-Kim-Hương Hòa-Lan đẹp hơn cả có lẽ một phần do thủy-thổ, mặt khác do sự quen tay lành nghề. Cũng như ở xứ ta nói đến nghệ-thuật gọt giò Thủy-Tiên thì không nơi nào ăn đứt được khéo-léo của các cô gái Ngọc-Hà. Cách trồng hoa Uất-Kim-Hương cũng hết sức đơn-giản. Có thể trồng ở bất cứ loại đất nào, miễn cao-ráo, mát-mẻ, kỵ nhất vùng nước đọng và các sườn đồi đất cần nắng cháy. Thoạt-tiên mua củ giống về (củ giống Hòa-Lan rẻ và tốt nhất) phải để ở nơi mát-mẻ thoáng-khí, tránh oi bức làm héo nụ. Cây vừa đất sâu khoảng 25 phân tây đoạn chôn củ xuống sâu từ 10 đến 15 phân. Riêng củ giống các loại hoa khác chiều sâu phải thay đổi chẳng hạn như Thủy-Tiên (18 phân), Hoàng-nghệ (7 phân) Thạch-Tiên-Tử (9 phân), Thu-Mẫu-đơn (5 phân)... Tóm lại chiều sâu bằng 4 lần đường kính của củ giống là được. Củ giống Uất-Kim-Hương phải được đặt xuống đất vào khoảng cuối tháng 10 nghĩa là trước khi mùa đông đến đất bị đóng băng. (Có nhiều loại củ

giống có thể đặt xuống đất vào tháng 12 dương-lịch). Để bảo vệ cho củ, nên dùng cành lá che-ủ, nhưng khi mầm vừa nhú khỏi mặt đất phải cắt bỏ ngay. Hoa Uất-Kim-Hương nở đẹp vào khoảng giữa tháng 4 đến trung-tuần tháng 5 dương-lịch. Các loại Thủy-Tiên từ đầu đến giữa tháng tư, Phong-Tiên từ đến cuối tháng 4 (Khác với thời-tiết xứ ta). Riêng các loại hoa nhỏ như Hoàng-nghệ, Thạch-Tiên-Tử khoảng đầu tháng 4 dương-lịch đã có. Mỗi củ giống có thể cho hoa suốt 3,4 mùa. Muốn năm sau còn có những cành hoa mập-mạp thì trước khi hoa tàn phải cắt bỏ ngay để nhựa động lại gây sinh-lực cho củ giống.

Cũng như hoa Lưu-Lý (Forget-me-not), Thủy-Tiên, Dạ-lý-Hương, Mimosa, Hải-Đường, Immortel (Chuyện Nàng Zahra Alasti) v.v... Uất-Kim-Hương có một huyền-sử đầy tính-chất trữ-tình lãng-mạn. Đặc-biệt Huyền-sử Uất-Kim-Hương còn là biểu-hiện của một thời-kỳ độc-đảo trong văn-học Âu-châu: Đó là thời-kỳ các cuốn tiểu-thuyết Hiệp-sĩ xuất-hiện. Các cô thiếu-nữ bài-các quyền-quyển ngồi bên cửa sổ mơ màng nhìn theo bóng ngựa hồng khuất nẻo rừng xa. Và các tay

Hiệp sĩ được xem như thần-tượng
cao-cả vực nước cứu đời, gan lì
trong chốn tên đạn nhưng rất đa-
tình và biết nịnh-dâm.

Rồi Keukenhof trở lại nhà ga
Lisse khi ánh mặt trời đã nghiêng
chéch sau rừng sồi cao. Ngồi trên
sân ga lộng gió đợi đoàn tàu
xuýt Benelux, phút chốc tôi
bỗng cảm thấy lòng buồn rười
rượi. Buồn khi nghĩ đến quê
hương. Vào những năm trước
1950, tôi đã thấy tận mắt những
trại trồng hoa ở ngoại ô Đà-Lạt,
đẹp không thua gì những cánh
đồng hoa ở Leiden, Haarlem,
tuy không và rộng bằng. Giá
không có chiến tranh và giá có



La civilisation d' Europe sent le cadavre,
(Văn minh Âu châu có mùi xác chết.

ROMAIN ROLLAND
(Aux peuples assassinés)

Cổ điển là những gì lành mạnh, lãng mạn là những gì
bệnh hoạn.

Goethe.

PHỒ-THÔNG — 248

những đầu óc biết tổ chức, có
lương tâm liêm sỉ biết yêu nước
thương nòi không gian tham dự
tư lợi, thì chắc hẳn Đà Lạt với
khung cảnh thiên nhiên tuyệt-mỹ,
suối reo thác đổ. với điều kiện
thời tiết hết sức thuận lợi sẽ
có nhiều Hoa trại đẹp gấp trăm
ngàn lần Keukenhof. Hàng năm
có thể thu về cho quốc gia một
số ngoại tệ khổng lồ.

PASSAU FULDATAL II, mùa
Xuân 1970

TRẦN-LÊ - NGUYỄN - VŨ



Đêm loang lổ

Mình đừng đó ôm nỗi sầu rừng-rú,
Con phố buồn nghiêng-mặt khóc rừng-rưng !
Mang chứng-tích của trăm ngàn loang-lổ,
Ánh lửa trời chưa soi-sáng tình-thương ! ?
Đêm cúi mặt nghĩa-trang sầu khép kín,
Khu rừng già nán-nhớ đứng ngẩn-ngơ
Dòng sông bạc lờ-ờ không muốn chảy...
Bờ máu đào còn đông-đặc chưa khô !
Bao đứa trẻ nằm co trong vũng tối,
Mấy Cụ già run-rẩy giữa đêm khuya.
Tiếng nổ đó, ôi phủ-phàng tàn-nhiên,
Xé hồn người lẫn xác trẻ sơ-sinh !
Con chó nhỏ mở tròng to đôi mắt,
Mùi phấp-phồng hơi thở vội-vàng thêm,
Đuôi phe-phầy sắn-sàng vung lăn cuối...
Tôi chợt cười trong đêm tối Vô-duyên !
Và tự hỏi còn bao nhiêu loang-lổ ?
Còn bao nhiêu thây đổ trên thây người ?
Còn bao nhiêu máu tràn ra biển cả ?
Đề tôi về ôm nét mặt Vui-với ! ? ? ?

Ninh-Hòa 66.

HOÀI-THI
(Cam-Ranh)

NGUYỄN - PHAN - LĂNG

và bài

THIỆT-TIỀN-CA

● LÂM-HỮU-NGÂN

Sáu chục năm trước, một nhóm nhà nho chân-thành yêu nước không nài giao khổ đã gây nên phong trào Đông-du, sáng lập Đông-Kinh nghĩa-thục, nung sôi bầu nhiệt-huyết của hàng triệu dân ta tiếp nối truyền thống oai hùng, bất khuất của tiền-nhân, vùng lên phá tan xiềng xích thực dân Pháp.

Trong phong-trào đấu-tr쟁 đó, văn thơ đã tích-cực góp phần giáo-dục, cải-tạo những tư-tưởng vơ-vẩn hèn-thụy-dộng của mọi tầng lớp nhân-dân, và phá tan những mưu đồ chính-trị, kinh-tế của kẻ ngoại-xâm.

Một trong những kho tàng văn thơ quý báu là bài **Thiệt-tiền**

Ca. Bài này đã phá vỡ kế hoạch kinh-tế của toàn quyền Beau. Thuở đó thực dân cho phát hành một thứ tiền sắt để thu hồi tiền đồng và tiền kẽm. Nhưng vì ảnh hưởng của bài ca nên dân chúng không chịu dùng. Trải qua nhiều phen đàn áp vô hiệu-quả, thực-dân đành thu tiền sắt về

Cu Nguyễn-phan-Lăng biệt hiệu là Đoàn Xuyên.

Cu không phải là hội-viết của Nghĩa-thục, chỉ đến thăm trường một lần để trao cho các cụ trong ban giảng huấn bài «**Thiệt tiền ca**» bằng chữ môn. Nghĩa-thục bèn đem bản đó phiên âm ra Việt-ngữ rồi phát đi khắp nơi. Về

sau Nghĩa-thục bị đóng cửa, cụ viết báo ở Hà-nội, năm 1925, cụ sáng tác thêm hai bài **Tiếng kêu** và **Mơ tổ mắng** lời lẽ nồng nàn, bi-thiết nhưng không quyết liệt bằng bài trên.

Thiệt tiền ca

Tiền với bạc đó là máu mủ,
Không có tiền no đủ được
sao?

Một ngày là một tiền hao,
Máu rơi của hết sống sao
được mà!

Trời đất hồi! dân ta khổ
khô,
Đủ trăm đường thuế nọ thuế

kia,
Lưới vây chài quét trăm bề,
Róc xương róc thịt, còn gì
nữa đâu?

Chợt lại thấy bắt tiểu tiền
sắt,
Thoạt tai nghe bần bật khúc
lòng.

Trời ơi có khổ hay không?
Khô gì bằng khổ mắc trong
cường quyền.

Họ khinh lữ đầu đen không
biết,

Lấy mẹo lừa giết hết chúng
ta.

Bạc vào đem sắt đồ ra,
Bạc kia thu hồi sắt mà làm
chì?

Họ tính lại suy đi đã kiệt,
Trời chán tay để chết người
mình.

Anh em thử nghĩ cho tỉnh,
Sẽ đem soi, xét tâm tình họ
xem.

Họ không muốn người Nam
buôn bán,

Đề một ngày một cạn của đi,
Còn trơ đồng sắt đen sì,
Bạc kia không có lấy gì
thông thương?

Dầu có muốn xuất dương
thương mại,

Đem sắt đi ai đại với mình;
Rồi ra luẩn quẩn loanh
quanh,

Vốn kia không có, lợi sinh?
được nào?

Nó lại thấy lương cao muốn
chiết,

Sợ người mình thấy thiệt thì
kêu,

Nó đưa tiền sắt cho tiêu,
Tuy rằng không chiết mà
hao thiệt nhiều.

Ấy có nghĩ mưu cao đường
thế,

Chỉ tìm đường làm tệ nước
ta,

Làm cho kẻ xót người xa,
Làm cho nhớn bé trẻ già bỏ
nhau,

Làm cho muốn cất đầu không
được,

Làm cho đi một bước không
 rong,
 Thế mà ta vẫn ngay lòng.
 Tưởng làm như thế cũng
 không hề gì !
 Rồi chỉ sợ đến khi hết cả,
 Muốn làm gì cũng chẳng làm
 xong.
 Muốn công cũng chẳng nên
 công,
 Muốn nông không vốn thì
 nông thế nào ?
 Muốn buôn bán không đảo
 lạng vốn,
 Muốn học hành phải tốn tài
 đâu ?
 Bấy giờ ta mới biết đâu,
 Đại rồi cái ròn sại đâu được
 chi ?
 Nếu họ cơ bang gì ta nữa,
 Sao họ không mở cửa thông
 đồng ?
 Nhà Doan, kho bạc tiểu
 chung,
 Lúc buôn lúc bán lúc cùng
 vào ra.
 Sao nó chỉ bắt ta tiêu lẫn,
 Mà nó không chịu bán đến
 mình ?
 Chẳng qua giờ thôi ma tính,
 Sao không cứ phép công
 mình mà làm ?
 Người Pháp với người Nam
 như một,

Bảo họ thì chỉ cốt thuận
 dân ;
 Nhẽ đâu cây thế cây thân,
 Nhẽ đâu trái lẽ cầm cân công
 bình ?
 Nào Hiệp-biện, Văn-minh đâu
 đó ?
 Nào thượng-thư, Đốc-bộ là
 ai ?
 Nào là phủ huyện quan sai,
 Hội viên thống ký là người
 nước ta ?
 Ai tách bạch cho ra lẽ phải
 Ai dám đem lời cãi cho
 mình ?
 Thị phi ai biện cho rành ?
 Bùa riu chẳng nhut, lời đình
 chẳng kinh ;
 Làm cho của dân mình đỡ
 hại,
 Làm cho tiền trở lại mới
 nghe :
 Bảo nhau mạnh cánh, mạnh
 bè,
 Cho người lừa đảo hết nghề
 hết khôn.
 Tôi xin nhớ như chôn vào
 ruột,
 Tôi xin chôn lửa đốt hương
 trầm,
 Tôi xin tạc chữ đồng tâm,
 Dựng đài kỷ niệm trăm năm
 phụng thờ !
 Thôi đừng giữ thói nhớ ô
 mi,

Bảo thế nào người kỳ cả
 tay,
 Ngại khi nhờ nói hay hay,
 Trăm người trăm miệng
 đáng cay muôn phần.
 Nay hỡi bạn quốc dân ta
 nữa,
 Cơ sự này có sợ đến đâu ?
 Bỗng như tiếng sét trên đầu,
 Kinh kinh hãi hãi biết đâu
 thế nào.

(tài liệu mất một đoạn)..

 Ấy là phúc nước Nam ta đó,
 Ấy là cơ máu mủ ta còn.
 Đời đời cháu cháu con con,
 Còn non còn nước vẫn còn
 Việt Nam.



Homo homini lupus.
 (Con người là chó sói đối với đồng loại.)

PLAUTE
 (Asinaria)

Asinus asinum fricat.

(Lừa thì ca lừa) = ngốc với ngốc khen nhau một cách
 lộ bịch.

TỤC NGŨ LA TINH

Má hồng trong gió bụi

(Thiên tình sử náo nùng giữa nàng Emma và Nelson vị đại anh hùng của thủy quân Anh)

✧✧✧ PHẠM-VAN-SƠN

LỜI TÒA SOẠN — Đây là chuyện vinh nhục của nàng Emma Lyon vợ của Huân tước Hamilton sứ thần Anh tại Naples (Ý) vào cuối thế kỷ 18. Lúc này Đô Đốc Nelson đang chỉ huy hải-quân Anh tại Địa-trung-hải chống nhau với quân đội của Nã-phá-Luân đệ nhất. Nelson đã gặp Emma và mê nàng. Trong khi chiến sự đang sôi nổi tại chân núi Vésuve. Dưới đây là bài tường thuật về cuộc đời chìm nổi đầy vinh nhục của Emma, con người nổi danh tài sắc một thời nhưng đến chung cuộc thì vô cùng bi đát.

THÁNG chạp năm 1798.

Giữa đô thành của họ các vương công hoàng tử dòng họ Bourbons đang run sợ như cây sậy. Họ vội vàng thu xếp đồ tế-nhuyến, của riêng tây, náo vàng nào ngọc và rất nhiều quý vật vào các thùng gỗ. Nguyên do Vua Ferdinand và

hoàng-hậu Marie-Caroline đã quyết định trốn đến đảo Sicile trong khi Naples-lâm vào khói lửa. Được sự thúc đẩy của Huân tước Hamilton sứ thần Anh quốc và Đô-đốc Nelson, đầu thế nguy bọn vua quan nước Ý vẫn ra lệnh cho binh đội của mình chống lại quân

pội của Nã-phá-Luân lúc này đã chiếm đúng các vùng thuộc Tòa-thánh La-mã.

Đọc Lịch-sử Pháp, mấy ai quên những trận đánh của Nã-phá-Luân thuở đó? Vị đại-đế của nước Pháp bấy giờ đã muốn thi hành cuộc cách-mạng cho toàn thể Âu-châu. Ông muốn lập một trật-tự mới. Ông muốn ngay cả nước Pháp cũng phải thay đổi rồi ông thay đổi nước Pháp trước nhất. Mối quan tâm của ông là công bố và ban hành một Bộ dân luật cho dân Pháp, một bộ luật nhằm mục đích tái lập sự công bằng cho mọi tầng lớp nhân dân Pháp bấy lâu chịu sự chèn lấn của vua quan và tăng-lữ rất là khốn khổ. Việc thi hành bộ Dân luật cũng là việc giữ lời hứa trong bản Tuyên ngôn nhân quyền đề nước Pháp được trông thấy và được hưởng Bình-dẳng trên mọi phương-diện. Không còn gì gọi là quyền thế-tập như xưa, nghĩa là «con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa». Ông lập ra một giai cấp quý tộc mới để thay bọn quý tộc cũ toàn là những bọn vô tài bất-tướng, dựa vào thế-lực của nhau mà bóc lột nhân dân rồi sống trên mồ hôi nước mắt và xương máu của đại-chúng. Quý tộc mới, như

ông muốn, chỉ có thể gồm những người tích cực phục vụ quyền lợi của xứ-sở, biết hy sinh cho cộng-đồng xã-hội, những người thật sự có tài có đức, không ích-kỷ, uơnon, không tham lam.

Rút lại Hoàng-đế có hoài bão hoàn thiện sự nghiệp của Cách-mạng 1789. Tập đoàn phong kiến mục nát đã có lần âm-mưu ám sát Ngài nhưng không thành công do đó Công-tước Enghien bị hành quyết ở Vincennes. Vì ông này đã đóng vai trò then chốt trong vụ lập đảng hạ sát Hoàng-đế.

Nã-phá-Luân còn muốn đi xa hơn nữa.

Nhà vua muốn diệt cả bọn vua chúa ở các nước Âu-châu theo đường hướng kể trên. Ngài tuyên bố xây dựng một Âu-châu có Hòa-Bình có công-lý và hạnh-phúc. Như vậy Âu-châu phải được thống nhất để có thể thi hành kế-hoạch chính trị của Ngài. Dĩ-nhiên bọn vua chúa của các nước Âu-châu trước nguy cơ bị dẽo gột mọi quyền lợi tinh thần, vật chất và bị đe dọa trước tương lai đã lập trước sau nhiều liên minh chống lại Nã-phá-Luân.

Về phần nhà vua việc đem quân đi chinh phục bọn phản động cũng

không thể tránh được để thực hiện cái mộng vĩ đại của Ngài là làm bá-chủ Âu châu. Do chương trình chinh phạt và cải tạo Âu-châu, quân đội Pháp đã ùn-ùn kéo qua Tây-ban-Nha lật đổ hoàng-gia Bourbons, đặt em Ngài là Joseph lên làm vua ở đây sau đó Joseph lại được em rể là Murat kế tiếp.

Nã-phá-luân tấn công Ý, bắt Giáo hoàng mang về giam ở Fontainebleau và đám vua quan Ý cũng ra mặt chống lại. Họ được sự liên-minh của Anh quốc lúc này đang là một quốc gia rất mạnh về hải quân và rất thù Pháp.

Đô-đốc Nelson đã mang thủy-lực của Hoàng-gia Anh đến Địa-trung-hải-Quân Pháp tuy bị chống trả nhưng họ vẫn đẩy lui được quân Ý, họ còn được tiếp tay của một số đông dân chúng mê say lý-thuyết công bình, bác ái, bình đẳng, bình quyền là điều vua chúa rất kỵ từ trước đến giờ trên đất nước này.

Tại Kinh thành Naples, tình trạng rất rối rắm.

Cuộc khủng hoảng tăng lên từng giờ.

Bà hoàng-hậu tỏ ra lo sợ và cũng liên lạc thân mật với

nàng Emma tức bà sứ-tử Ham-ilton vì thấy Emma đang có ảnh-hưởng rất nhiều đối với Đô-đốc Nelson. Chẳng nói ai cũng hiểu rằng cứu nước Ý nói chung, cứu vua chúa Ý nói riêng, bây giờ chỉ có Anh quốc mà thôi. Lý-do : Ý không đủ sức đánh bật quân Pháp ra ngoài, chỉ đủ sức cầm cự từng ngày từng giờ mà thôi, Anh cứu Ý còn là để ngăn ảnh hưởng của Pháp.

Phải bám riết vào viên đại-tướng của Anh quốc mới có hy-vọng đương đầu được với Nã-phá-Luân. Các vua quan Ý nghĩ như vậy rồi người ta thấy bà vợ của Huân-tước Hamilton được Nelson quý nể thì không gì bằng là lấy Emma làm bức trướng, thành che chở cho mình.

Họ đã đi đúng đường.

Quả vậy, Nelson đang say mê bà vợ ông sứ thần già như điều đồ — Rõ rệt khi Emma muốn là Nelson nhất tuân theo.

Rồi việc của Nelson phải làm lúc cấp bách này là chuyển hết các kiều-dân Anh về nước, đưa các vua chúa Ý và, mọi người của hoàng-gia đến Palerme bằng ngay cái soái-thuyền Vanguard của Đô-Đốc.

Emma đã vận động giúp hoàng-gia Ý như vậy.

Lúc này binh đội của tướng Championnet đã tiến dài vào Naples. Hoàng gia đi thì phải thu dọn vàng bạc, châu báu đi theo. Như trên đã nói nhưng làm thế nào mà di-chuyển nhiều hòm vàng bạc qua các chiến hạm Anh ? Nếu dân chúng biết được tại này khi nào họ chịu để cho vua chúa trốn thoát.

Emma cương quyết giúp đến nơi đến chốn, và chính nàng phải cầm đầu công việc này. Ở mặt mỗi hòm đồ, nàng cho viết một mảnh giấy đề : « Đây là đồ-đặc của Đô-Đốc Nelson » rồi cho người hết ra ngoài cảng — Dịch thân nàng đi coi lại con đường hầm bí-mật để vua chúa và hoàng-gia rút đi. Họ đào tẩu vào ngày 21 tháng chạp năm ấy.

Họ đi thoát, ra được bến tàu rồi bằng suồng máy họ tiến đến soái-hạm Vanguard và bước lên an toàn, vô sự. Một lát sau thì Emma cùng chồng cũng tới. Dân chúng biết, đuổi theo, hò hét, chưởi rủa thì đã muộn.

Chiếc soái-hạm Vanguard đã ra khơi. Rồi mất hút.

Nhưng ra tới ngoài đại-dương, tàu gặp bão. Mọi người đều khó chịu, nồm mưa, đầu ốm nhất là tâm hồn họ vừa rầy đây lo sợ, hoảng hốt, xúc-cảm. Ngay Huân-tước Hamilton cũng bị say sóng, nằm lẫn trong buồng tàu. Và rồi thì. Riêng Emma vẫn can đảm, bình tĩnh, vô vẻ, an ủi một người, chăm chút các vương tôn, công tử. Có một đứa nhỏ đã chết trên tay nàng, làm cho Nelson rất khâm phục sự tận tâm của nàng. Hầu ngại tay, nàng lại leo sàn tàu để gặp Nelson mặt đầu mưa to sóng lớn. lúc này. Mỗi giờ, mỗi phút Nelson đối với nàng càng nặng lòng say mê, cảm mến.

Rồi mọi người đến được Palerme, và quên hết mọi sự sợ hãi. Tại lâu đài Colli, hoàng-hậu lại trở lại với nếp sống sa hoa, phóng túng. Nelson đến ở chung với vợ chồng Hamieton và Hamieton cũng tỏ ra không có gì bận tâm cả. Và chẳng được Đại-Đô-đốc tới sống chung là một vinh-dự đặc biệt cho bất cứ một ai lúc này. Xui nhắc rằng Nelson bấy giờ đang nổi danh là người hùng Aboukir sau khi ông đã thắng trận ở đây (Bắc-Phi). Sự nghiệp của ông vang lừng khắp Âu-châu thuở đó. Không ai là không biết.

Tuy nhiên tại Naples tình hình còn lơ mơ, chưa ngã ngũ ra sao. Quân Pháp kéo vào thành phố và thiết lập ngay chế độ Cộng-hòa, rồi dễ gây cảm tình với sĩ dân địa phương tướng Cham-pdonnet thân đến quỳ trước mộ thánh Jemveri là thánh tử đạo năm 305 sau Thiên chúa rất được nhân dân Ý tôn sùng. Nhưng Tổng giám-mục Ruffo không đồng tình với dân chúng nên đã xúi dục bọn bảo-hoàng chống lại với quân cách mạng. Nhưng khi Championnet và Macdonald đi khỏi các trại quân Pháp và đồng minh không chống nổi cuộc phản công. Ruffo vào thành phố và ký nhận một hàng ước với lực lượng Cộng-hòa.

Tại Palerme vua chúa Ý theo dõi các biến cố, họ càng lo sợ bao nhiêu thì căm hờn những tự tưởng tự do dân chủ bấy nhiêu do đó họ bất bình về sự thỏa-hiệp của Ruffo xét ra quá rộng rãi. Vì sao? — Vì họ muốn thanh trừng thẳng cánh những kẻ đã chống lại chế độ cũ, những kẻ đó đã bị coi là quân phản loạn.

Trông vào ai lúc này dễ dỗi phở ráo riết với những kẻ nghịch ấy? Một tin sáng đã rơi vào đầu óc của họ, nghĩa là chỉ trông vào

Thủy-sư Đô-đốc Nelson đang tiến quân vào Naples và trông vào Nllson lại phải nhờ vào vợ chồng sứ thần Hamieton mới xong.

Hoàng-hậu liền đến nhà nữ Emma thi hành cộng tác kẻ trên là áp dụng một chánh sách sắt máu ở Naples như với những thành phố của Ai-nhĩ-Lan ngày xưa nổi lên chống Hoàng-gia-Anh.

Đó là cả một chương trình.

Trên chiếc chiến-hạm Foudroyant lúc này đã có cả ba Nelson Hamilton và Emma. Nelson chiều ý của người yêu hơn là Hoàng-gia Ý đã tỏ ra rất sốt sắng. Ông cho tận sát những kẻ chống đối trong đó có Thủy-sư Đô-Đốc Carcciolo là kẻ thù cũ của Quốc vương Ferdinand giờ đó chạy qua, hàng ngũ quân Cộng-hòa. Ông này trốn lên núi rồi bị bắt và giải đến tàu Foudroyant.

Một tòa án quân sự đã được thiết lập ngay ở đây.

Chính Nelson tự tay thảo bản cáo trạng và Caraccidlo bị kết án tử hình, án giải (chết treo).

ta xin được xử bắn nhưng Nelson từ chối nguyện vọng cuối cùng của kẻ xấu số. Nelson nói :

— Việc xét xử được đảng hoàng do các sĩ quan đồng bào của tội nhân, tôi không có quyền can thiệp.

Rồi cũng ngày hôm ấy vào hồi hai giờ trưa, trong khi vợ chồng Hamilton và Nelson dùng bữa «súp» thì một loạt súng đại bác nổ ran. Emma tái mặt và ngừng ăn. Nàng biết loạt đại bác Caracciolo đã bị hành quyết, xác ông ta giờ phút này bị treo lủng lẳng ở cột cờ tàu Minerva là một chiến hạm tịch thu được của quân đội Pháp. Ở ngoài bờ biển dân

chúng nhiều kẻ tò mò đi suốt mấy ra để chứng kiến tấn bi-kịch ngoài khơi.

Và những ngày liên tiếp, thành phố Naples đã trở thành một sân khấu cho những cuộc thanh trừng đẫm máu. Lệnh của nhà vua là không có tha thứ cho một ai hết. Mấy chém được dựng ở công-viên Mercato. Những người Cộng-hòa, những kẻ cộng-tác với quân đội Pháp đều bị truy tố, xét xử trừ một số đã bị dân chúng giết đi rồi.

Nelson làm thỉnh trước cuộc báo thù gay gắt của hoàng-gia còn Emma, nàng nằm bẹp trong buồng tàu.

(Còn nữa)



Omnia vincit amor.

(Ái tình chiến thắng tất cả) : sự đam mê khiến người ta hành động mù quáng, chỉ biết có tình yêu.

VIRGILE
(Eglogues)

TÀU LẶN NGUYÊN - TỬ

(từ 1954 từ nay)

○○○ CHU- NH-THUY

NĂM 1954, nước Mỹ cho hạ thủy chiếc tàu lặn đầu tiên chạy bằng nguyên tử lực, lấy tên «Nautilus». Nó dài hơn bề dài của một sân banh.

Trước đó, mặc dầu tàu lặn đã được sử dụng nhiều, nhất là trong các mục tiêu quân sự, nhưng chúng có nhiều khuyết điểm. Đầu tiên là tốc độ lặn xuống sâu của chúng tương đối chậm; thứ hai: chúng không thể ở lâu dưới nước. Máy diesel cần oxy của không khí để đốt nhiên liệu, vì vậy nó chỉ có thể chạy khi tàu lặn trồi lên mặt nước. Các bình điện không đủ giữ nhiệm vụ đẩy tàu trong lúc lặn, nhưng những bình ấy giảm điện rất mau; muốn lấy điện trở lại, phải để chúng nghỉ và cho máy diesel chạy trong vòng

8-9 giờ đồng hồ. Sự điều khiển các chiếc tàu lặn này không mấy dễ dàng, thủy thủ đoàn phải sống trong những điều kiện hết sức thiếu tiện nghi.

Dù người Đức có phát minh ra ống «schnorkel» để thông hơi (tiếp tế không khí sạch và tổng khử gaz vô ích) giúp tàu lặn có thể chạy lâu cận mặt nước, nhưng không giải quyết được hết mọi vấn đề vừa nói. Nhất là ở những vùng có đá băng trên mặt.

Ngày 3 tháng 8 năm 1958, chiếc Nautilus tới vùng Bắc Cực bằng cách chui dưới các tảng băng (1). Đó là lần đầu tiên con người

(1) Dưới các tảng băng là nước, mặc dầu có nhiệt độ thấp.

đã lập được một kỳ công như vậy.

Chiếc Nautilus cùng những tàu lặn nguyên tử tương tự dùng loại động cơ hạch nhân không cần tới không khí. Nhiên liệu được sử dụng rất nhẹ, dễ chuyển chở nên tàu có thể di chuyển hàng mấy tháng mà khỏi cần phải tiếp tế. Hơn nữa, tốc lực của chúng mau gấp đôi loại tàu lặn dùng trong thời thế chiến thứ 2.

Hiện nay, có hàng trăm chiếc tàu lặn nguyên tử, chở 200 hỏa tiễn nhiệt hạch nhân (thermo — nucléaire), về phía Mỹ, và cỡ 60 hỏa tiễn về phía Nga, đang âm thầm đi lại trong lòng các đại dương. Chỉ cần một lệnh nhỏ do vệ tinh chuyển lại, là các hỏa tiễn ấy được phóng đi, đủ để sau bằng tất cả đô thị trên trái đất này — vì khả năng tàn phá của chúng tương đương với 1.000 mega tấn cho mỗi bên. Trong ít năm nữa, Anh, Tàu cộng và Pháp cũng sẽ có trong tay vài mega — tấn.

Những tàu lặn theo xưa kiểu (chạy máy diesel) đều có hông dày và lổm đẽ dựng nhiên liệu, còn trong lòng thì ít còn chỗ trống gì phải chứa máy và bình điện. Ngược lại, tàu lặn nguyên

tử rất đầy đủ tiện nghi. Có phòng cho thủy thủ đoàn; thư viện, phòng ăn, nhà hàng giải khát mở suốt ngày đêm, và chớp bóng chiếu 2 xuất mỗi ngày. Nhiệt độ trong tàu luôn luôn ở mức 20-22 độ, độ ẩm cũng được giữ đều đặn dù tàu đang ở vùng xích đạo hay nơi Bắc Cực. Hồng tròng của tàu được sơn màu lợt, và có gắn đèn ống trên trần. Món ăn đầy đủ, ngon miệng không thua trên bờ.

Thuyền trưởng của một chiếc tàu lặn khỏi lo vấn đề hụt nhiên liệu. Chẳng hạn chiếc «Skate» đã di chuyển hơn 200 ngàn cây số (tức bằng 5 lần vòng quanh trái đất) mà không cần tới tiếp liệu. Chiếc «Triton» đi vòng quanh trái đất mà khỏi cần trồi lên mặt nước lần nào.

Khi trời xấu, mặc dầu mặt biển xao động, nhưng dưới sâu, nước vẫn lặng êm. Vì vậy, chiếc tàu có thể tránh cơn bão bằng cách lặn sâu xuống. Hơn nữa, dưới nước, loại tàu này chạy mau hơn trên mặt biển. Tàu cũng được trang bị bình điện, nhưng chỉ để phòng hờ trường hợp máy trục trặc thôi.

Nếu chiếc «Nautilus» chỉ nặng 3.500 tấn, không trang bị hỏa tiễn, thì một trong những chiếc

cuối cùng của Mỹ tên «*La Fayette*», nặng tới 8.250 tấn, và được vũ trang 16 hỏa tiễn nguyên tử Polaris.

Về phần nước Pháp, hiện cũng đang cho chạy thử chiếc «*Le Redoutable*» (vì chưa ráp xong các bộ phận điện tử điều khiển 16 hỏa tiễn nguyên tử); có thể vào năm 1971 thì nó bắt đầu hoạt động thiết sự. Hai chiếc khác, giống y hệt, lấy tên «*Le Terrible*» và «*Le Foudroyant*» cũng đang đóng trong một xưởng ở Cherbourg.

Bề dài của mỗi chiếc là 128 thước, bề ngang 10,6 thước, nặng 8.000 tấn; được trang bị 4 máy tính điện tử, 4 tiềm vọng kính. Động cơ nguyên tử có khả năng chạy hết tốc lực suốt 100 ngày, và mỗi năm có thể chạy 5.000 giờ. Chiếc «*Redoutable*» có thể chạy 4 lần vòng quanh trái đất mà không cần tiếp tế, nhưng thường thường, mỗi kỳ lặn của nó lâu độ 3 tháng. Trong trường hợp bị nạn, một hệ thống cấp cứu cá nhân giúp cho thủy thủ đoàn trôi lên mặt nước (từ 200 thước bề sâu) tuy có thể làm bề mặt nhũn nhưng cứu họ sống.

Nó có 2 vỏ: trong dày 50 ly để chịu đựng sức ép dưới nước sâu, vỏ ngoài mỏng bọc các

binh chứa nước đẳng đầu và đuôi tàu. Mỗi chiếc cần tới 4.000 tấn thép, được hàn tay từng mảnh dài 6 tới 10 thước. Vài bộ phận lớn của máy tàu được đặt trước khi vỏ tàu hoàn thành.

Số lượng chỉ dùng để dẫn là 600 tới 700 tấn, cộng thêm 400 tới 500 tấn để ngăn chặn phóng xạ của động cơ hạch tâm. Bên trong vỏ được bít một lớp điện điều độ cách nhiệt.

«Động cơ» nguyên tử có năng suất 20.000 mã lực.

Giữa máy phát nhiệt (*réacteur*) có một khối uranium lớn bằng trái bưởi. Bị các trung hòa tử (neutrons) bắn nhằm, các nguyên tử uranium phát ra năng lượng dùng đốt nóng một luồng nước được giữ dưới áp lực để khỏi sôi. Luồng nước này làm sôi một luồng nước thứ hai (không bị áp lực) khiến hơi nước làm vận chuyển hai nhóm trục quay, và tất nhiên sâu đó, chân vịt.

Một năm, toàn bộ máy phát nhiệt mới phải cần xem xét và tiếp tế nhiên liệu một lần. Vì máy chỉ chạy được liên tục 5.000 giờ mỗi năm, tức 200 ngày, phải cần ít nhất 3 chiếc để luân phiên có mặt dưới. Do đó, thay

vì mỗi năm bộ phận giữa của máy phát nhiệt được tháo ra để «sai» lại, thì người ta đề cử 3 năm làm một lần.

Mỗi chiếc tàu lặn này được trang bị 16 hỏa tiễn loại 2 tầng (từng nhứt chứa 10 tấn thuốc nổ, từng hai chứa 4 tấn). Loại hỏa tiễn hiện nay có đầu đạn nguyên tử, sức mạnh khoảng 450 ngàn tấn. Sau này, Pháp sẽ thay thế chúng bằng loại hạch tâm (thermo nucléaire) có sức mạnh cỡ 1,5 mega tấn. Loại hỏa tiễn «*Polaris*» của Mỹ hiện có sức mạnh khoảng 1,4 mega tấn.

Các hỏa tiễn trên tàu lặn «*Le Redoutable*» sẽ được phóng đi, khi cần, từ các ống phóng, bằng một hệ thống ép hơi, lúc tàu còn cách mặt nước 30 thước và bớt tốc lực (còn khoảng 3 hải lý 1 giờ: 5.556 thước giờ). Từ ống phóng, hỏa tiễn được đẩy lên mặt nước với tốc độ 100

cây số 1 giờ. Tới mặt nước, ngòi thuốc của từng nhứt mới bắt đầu cháy. Mỗi hỏa tiễn dài độ mười thước nặng 20 tấn, có thể bay xa hơn 2.000 cây số.

Cũng giống như trong các tàu lặn nguyên tử của Mỹ, đời sống trên chiếc «*Le Redoutable*» khá tiện nghi: giường ngủ cá nhân có đèn đọc sách, máy phát thanh nhạc êm dịu, quán cà phê — phòng ăn, chớp bóng, được phép hút thuốc v.v...

Một y sĩ và 2 y tá lo vấn đề y tế trên tàu, hết cả mỡ xê, nếu khẩn cấp.

Mỗi toán thủy thủ đoàn phải đi biển suốt 80-90 ngày liên tục. Sau đó, được về nghỉ phép trọn một tháng.

Đồ ăn trên tàu, thay vì đồ hộp khó nuốt, người ta chứa các loại thực phẩm dưới hình thức Siêu-đông lạnh (*surgelé*) hoặc rút nước (*déshydraté*).

*La critique est aisée, et l'art est difficile.
Phê bình thì dễ, làm nghệ thuật mới khó.*

PHILIPPE NÉRICHAULT
(*Le Glorieux*)



Buồn của anh

Rồi một ngày cửa nhà em đã khép
 Tôi quay về tìm lại một chân dung
 Người con gái có nụ cười rất đẹp
 Đã ra đi không hẹn phút tao phùng
 Con đường đó bụi hoen mờ kỷ niệm
 Chiều hoang vu cây cỏ cũng hoang vu
 Tôi đứng lại nhìn về chân mây tím
 Cõi lòng nghe lịm chết dưới sa mù
 Rồi xa cách em qua bờ bến lạ
 Phố xưa buồn mùa hạ phượng đơm hoa
 Trăng thềm củ mấy lần so nẻo nhớ
 Một loài ve từ đó cất lời ca
 Để mai một cuộc tình thành quên lãng
 Và tên tôi dần tắt ở môi em
 Tôi sẽ đến giữa một vùng bom đạn
 Ru hồn mình vào giấc ngủ có miền

HUỲNH-KIM SƠN

Hội-An.

Hội chợ Osaka và đời sông tương lai của con người.

77 quốc gia tham dự đón 70 triệu khách
 viếng Hội chợ

Kỷ sự của LƯU-BĂNG

MỖI ngày chừng 270. 000 người lũ-lược kéo đến Đồi Thiên lý (Seurai Hill) cách trung-tâm Osaka 15 cây số hay 20 phút xe lửa để lướt nhìn qua những gì mà khoa-học và kỹ-thuật và kỹ-thuật sẽ đem đến cho con người trong tương-lai.

Đề-tài chính của Hội chợ Osaka là «Sự tiến bộ và hòa-diệu của con người». Toàn-thể các cuộc triển-lãm hướng vào-việc khai-triển đề-tài trên qua bốn nét chính.

— Nhằm hưởng-thụ cuộc sống trọn vẹn hơn. Cho thấy nền văn minh có được tươi sáng hay không là còn tùy con người có kính trọng đối với đời sống của chính con người hay không.

— Nhằm khai-thác thiên nhiên nhiều hơn. Đề tài này cho thấy tại sao mặc dầu con người đã thám hiểm đáy biển, các vùng nam Bắc cực và cả ngoại tầng không gian nữa mà vẫn chưa biết cách sử dụng có hiệu quả mặt đất trên ấy ta dẫm chân và làm thế nào con người có thể duy trì những tài nguyên thiên-nhiên.

— Nhân cơ-khí-hóa trọn vẹn hơn khung cảnh sinh sống của chúng ta. Đề tài này bao gồm những tiến bộ khoa học có thể giúp nâng cao đời sống con người.

— Nhằm hiểu biết nhau hơn. Đề tài này đề cập đến

sự liên lạc giữa con người với nhau cùng sự giải-quyết những vấn đề về truyền-thống.

Đa số du khách đến với Hội-chợ có lẽ chẳng mấy quan-tâm đến những điểm nặng tính-cách trừu tượng trên. Sự hiếu-kỳ và lòng hân-diện (đây là Hội chợ quốc tế đầu tiên tổ-chức ở Á-châu và tại Nhật) thúc đẩy người Nhật lớp lớp kéo về Osaka bằng đủ mọi phương-tiện di-chuyển. Tính đến cuối tháng 5 đã có 22.568.557 người đến viếng Hội chợ. Người ta trù-liệu từ đây đến ngày 13-9-70, ngày Hội chợ bế mạc, sẽ đón thêm được 50 triệu khách nữa. Riêng chúa nhật 31-5, 528.294 người đã đến viếng Hội-chợ phá kỷ lục 510.147 người trước đây nhân Ngày Quốc Khánh Nhật.

Vua đi bộ

Theo thống-kê, du-khách ngoại-quốc chỉ chiếm có năm phần trăm tổng số người đến viếng Hội chợ, kỳ dư đều là người Nhật. Khách gồm phần lớn các học-sinh, các hội-đoàn, các đoàn du-lich tập thể từ xa tới, có người hướng dẫn phất lá cờ nhỏ thổi tu-hít tập-hợp từng chập. Tối tối người ta thường gặp những đoàn du

lich đó ngồi thành nhóm với nhau bên cạnh những xích tay, những bao hành-lý những cờ mũ, kỷ-niệm của Hội chợ 70.

Họ ngồi đó chờ những chuyến xe lửa tốc hành luôn luôn đông người đưa họ về nhà cách xa đôi ba trăm cây số hoặc xa hơn nữa. Người nào người nấy có vẻ thỏa mãn và mệt nhọc. Mà mệt là phải. Trong một ngày, thường từ 9 giờ sáng tới 9 giờ tối, họ phải đi bộ trong khu hội Chợ rộng 300.000 thước vuông, thăm viếng một số nào đó trong 117 gian hàng của Nhật, của 73 quốc gia bạn, 4 tổ-chức quốc tế, 5 tiểu bang và hai hãng tư.

Họ đã phải sử dụng cặp chân nhiều lắm. Vài anh thanh-niên trông trên đầu cái mũ giấy nguệch ngoạc mấy chữ Anh «King of walk» (khoe mình là «vua đi bộ»). Sự thật về cái khoa đi bộ trong Hội-chợ, không dễ gì biết ai là vua. Có lẽ tất cả đều là vua, trừ một số ít, chân quá mỏi nên phải dùng đến tắc-xi đặc biệt của Hội-chợ do các cô gái mặc sà-phiục lái.

Sở dĩ đa-số khách viếng-thăm chỉ ở chơi được có một ngày là vì nếu ở lâu hơn, họ phải tốn

thêm tiền phòng ngủ mà phòng ngủ thì không phải rẻ. Ấy là không kể phải tốn thêm tiền vào cửa 800 yen (800 đồng Việt Nam theo hối-suất đen) cùng tiền xe hai bận. Vì thế họ đến bằng xe lửa, ráng chơi trọn ngày ở Hội-chợ rồi về bằng chuyến tốc-hành đêm. Dân bản-xứ chề phòng ngủ nên trừ những phòng ngủ sang trọng dành cho du-khách ngoại quốc làm nản hết chỗ, còn thì những khách-sạn hạng xoàng xoàng nhưng sạch-sẽ lịch-sự và mát, vẫn thường trống chỗ. Lo thiếu phòng ngủ theo như tin quốc tế đăng-tải là lo bảo.

Thêm một điều làm chung là Hội-chợ không có bán sản-phẩm gì cả. Du-khách không có gì để mua trừ một ít quà kỷ-niệm vụn-vặt của Nhật và của một vài quốc gia khác.

Thủ đô văn nghệ

Tuy-nhiên có điểm này ít người chú ý là Hội chợ Osaka còn là thủ-đô trình-diễn văn-nghệ quốc-tế trong sáu tháng mở cửa. Vũ-công, ca sĩ, nhạc sĩ và tài tử đủ loại vào hàng xuất sắc nhất quốc-tế được đưa tới, trình-diễn giúp vui nhất là phổ-trương cái hay cái đẹp trong văn hoa của quốc

gia họ. Một số gian hàng cho cả một đoàn ca sĩ nhạc công thường xuyên trình diễn để lôi cuốn khách.

Chính thức có ba nơi trình-diễn văn-nghệ quốc tế thường xuyên cho khách thưởng-thức miễn phí. Đó là Festival Plaza, Sân khấu nổi và Expo Hall cách nhau không xa mấy.

Festival Plaza ở giữa trung-tâm Hội-chợ là một diễn trường rộng lớn không thua một sân đá banh và có nhiều dãy ghế ở chung quanh dành riêng cho thưởng-khách được mời. Kỳ dự khán giả khác điều đứng đôi khi ra cái sân khấu xê-dịch được trên diễn-trường đến trăm thước. Nhưng không sao, hệ thống âm thanh tối tân vẫn giúp họ có thể nghe rõ ràng. Thường thường Festival Plaza được dùng làm nơi trình diễn văn-nghệ nhân ngày quốc khánh của các quốc gia dự Hội chợ, những cuộc trình diễn có qui mô rộng lớn.

Sân khấu nổi là một sân khấu cũng như phóng cảnh trang-trí, nằm giữa một ao nước nhân tạo rộng lớn. Nơi đây khán giả thưởng thức những điệu nhạc.

những điệu vũ quốc-tế chẳng hạn như dân nhạc trống của Trung-Mỹ, Nam Mỹ, những điệu dân-vũ Phi luật Tân, các dân nhạc của Ý, của Gia nã Đại. Sân khấu nổi dĩ nhiên nhỏ hơn Festival Plaza nhiều.

Expo Hall được dùng để trình diễn các điệu vũ, các điệu ca quốc-tế. Chương trình Ed Sullivan. Frank Sinatra mà khán giả thường quen xem trên đài Truyền hình Mỹ cũng được trình diễn tại đây.

Như thế những lúc chồn chân gối mỏi, khách có thể dừng lại ở một trong ba nơi trên thượng-thứ cấp vài điệu vũ, đòi bài ca để rồi sau đó lại tiếp tục cuộc hành hương đầy thú vị.

Trường hợp còn muốn đi nhưng ngại lê chân, khách leo lên đứng trên chiếc thảm chạy nổi liền bốn cửa đông tây nam bắc của Hội chợ. Đây là chiếc thảm dài mỗi chiều chừng ba trăm thước bề ngang độ 1 thước 20 chạy với tốc-độ 2 cây số một giờ và đủ sức chở 8.250 người một giờ. Khách chỉ việc đứng lên đó, thảm đưa khách đi dài theo các con đường chính trong Hội chợ, Toàn thể được trùm bằng

plexiglass trong suốt và có máy điều hòa không-khí giúp cho khách vừa đỡ mỏi chân lại được mát mẻ nhìn ra cảnh-trí bên ngoài.

Nếu đói hoặc khát, khách có thể dừng lại ở một trong 210 tiệm ăn hoặc quán nước quốc-tế rải-rác trong khắp Hội-chợ. Không sợ phải thiếu chỗ vì số tiệm ăn trên chứa được 24.500 người ăn trong cùng một lúc. Có đủ loại thức ăn của Nga, Mỹ, Âu, Á thả hồ cho khách nếm qua. Một số tiệm ăn có tính cách sang trọng và «chém» hội kỹ; gần đây lợi dụng sự kiểm-soát lỏng-lẻo của nhân viên hữu-trách một số xe bán hàng ăn lưu-động xuất-hiện ở các khu đất trống và rất được người Nhật hoan-nginh chiều cổ. Dĩ-nhiên các tiệm ăn được giấy phép chính-thức của Hội chợ phần nào lấn cạnh tranh bất chánh kia lắm.

Nếu chán chỗ ồn-ào đông đảo, khách có thể vào Công viên Nhật bản rộng 64 mẫu ở góc đông-bắc Hội chợ ngồi nghỉ chân giây lâu cho thoải mái. Công-viên của thành bốn khu mô-tả các công viên của Nhật qua bốn thời-kỳ khác nhau, thời cổ, trung cổ, thế-kỷ 17 và hiện-đại.

Nếu có dật theo con trẻ, khách nên đưa chúng tới Expoland, một khu đất rộng 41 mẫu dành cho trẻ con và cả người lớn vui đùa bằng nhiều loại trò chơi hấp dẫn. Hấp dẫn nhất là ngôi ghế tuột máy dài gần 5 cây số theo năm lộ-trình khác nhau và chạy với năm tốc độ khác nhau.

Ở một góc vườn có cả một khu rừng những cây sào thủy-tinh muôn màu muôn sắc đọng dựa nhầy mứa mỗi khi có cơn gió thoảng qua. Ở một khu khác có «lâu đài gương và kiếng» và gần đó có rạp hát Lộ-Thiên đặc biệt dành riêng cho trẻ con.

Vòng quanh khu Hội chợ có đường xe lửa treo (monorail) dài 4 cây số rưỡi hoàn toàn điều-khiển bằng hệ-thống điện-tử. Đi xe lửa này không tốn tiền, chỉ phiền là luôn luôn nó chật ních không chen chân lọt. Nó dừng ở 7 trạm tại 4 cửa đông tây nam bắc, Công-viên Nhật-bản, Expoland và Công Trường Thứ Tư gần gian hàng Hoa Kỳ.

Khúc ca sắc thép

Các gian hàng nằm rải ở bảy Công-trường được đặt tên theo bảy ngày trong tuần; ví dụ công trường thứ hai (Monday Plaza)

công trường thứ ba (Tuesday Plaza). Gian hàng đa nhiều, khu đất lại rộng, khách không làm sao đi hết được. Họ phải chọn một số gian hàng nào đó ưng ý riêng hoặc vừa to vừa đẹp và gạt bỏ những gian ít quan trọng. Mấy gian hàng Nhật như Fwrikawa, Matsubishi, Toshiba được người Nhật chiều cổ trước-tiên. Kế đó, trong số các gian hàng ngoại-quốc là gian hàng Nga, gian hàng Mỹ, rồi Pháp và các nước Âu châu.

Gian hàng của các nước nhỏ kém hấp dẫn nhất. Nhiều nước Nam Trung Mỹ như Costa Rica, Equator, Argentina nằm sát cạnh vách nhau trên một miếng đất cao mỗi gian trông giống cái hộp vuông khổng lồ bề cạnh độ bốn thước sọc màu đỏ chói và thưa thớt khách. Các nước Phi châu nghèo cũng tùy khả năng của mình mà góp mặt. Gian hàng Zambia bề ngoài trông khá đẹp nhưng chỉ trưng bày những hình ảnh thú rừng, núi non, Tuyết nhiên không không thấy có người nào tiêu-biểu cho quốc-gia. Riêng gian hàng của Hạ-uy-di có lẽ được xem là «bê bối» nhất. Nó có hình dáng một ngọn núi lửa nhưng vào đó rồi lại chui ra khách chẳng xem được gì cả vì có gì đâu mà xem

trừ hình một cô gái Hạ-uy-di mặc bikini đeo vòng hoa do nhân-viên hữu trách phát tặng gian hàng lại tối vào hồng mấy móc luôn mặc dầu phí-tốn xây cất lên tới 800.000 đô-la. Dân Hạ-uy-di đến đây xem lấy làm bức quá đòi phải cải tiến toàn bộ hoặc đóng cửa phút cho rồi.

Gian hàng Miến điện là một chiếc thuyền rồng sơn son phết vàng nằm dưới ao nước hình chữ nhật. Bên ngoài trông rực rỡ nhưng bên trong sự trưng bày có vẻ đơn sơ ngoài những đồ trang sức quý giá. Muốn mua ít sản phẩm kỷ-niệm của Miến, khách phải đến một nơi khác rộng rãi hơn. Gian hàng Hong-Kong sừng sững năm bảy cánh bướm to tướng phần phật trong gió. Ngay vương quốc Abu Dhabi nhỏ bé ở Vịnh Ba-Tur cũng có một gian hàng đơn sơ trong Hội chợ bởi, theo như quyền sách hướng dẫn ghi lại, quốc gia này «hy vọng tìm thêm bạn mới trên thế giới bằng cách góp mặt với Hội-chợ».

Đa số cổ làm nổi bật cá-tính quốc-gia qua cách trình-bày gian hàng của mình. Gian hàng Lào-Cam-bốt chỉ là cái đèn màu đỏ chói rực nhỏ bé không hấp dẫn được khách lắm. Gian hàng Hòa-

lan trông giống một hình-thức trừu tượng khổng lồ nhô lên khỏi mặt nước gọi khách nghĩ đến địa-thể gần biển của quốc gia này.

Gian hàng Gia-nã-Đại là cả một tòa nhà bằng gương gồm bốn tấm gương to tướng hướng ra bốn phía phản chiếu sự vô biên của bầu trời và do đó mà gợi ý nghĩ về vùng đất bao la của xứ sở. Giao-hàng của British Columbia là những hàng gốc cây tròn dẫn thấp bằng bậc ghề ngồi rồi lên cao lần hàng cuối là những thân cây cao vút không ngọn. Bên trong khán giả được chiếu cho xem một cuốn phim trên màn ảnh chỉ có chiều cao, giống như phim cỡ cinemascope nhưng không nằm ngang mà lại thẳng đứng. Phim dài độ mười lăm phút, tiếp mỗi tốp được chừng bốn mươi khán giả ngồi trên song gỗ dài, không lưng tựa.

Gian hàng ý rộng lớn, nhiều gian. Khách có thể xem những sản-phẩm kỹ-nghệ của Ý như xe Lambretta, máy đánh chữ Olivetti, máy truyền hình vân vân.... Thời trang Ý rất được ưa chuộng cũng chiếm một phần quan trọng. Ngoài ra còn có một tiệm ăn giúp khách thưởng-thức những món ăn đặc-biệt của Ý.

Gian hàng Úc nằm dưới đất. Cái nóc tròn của nó được một móc câu khổng-lồ móc giữ. Bên trong khách nói nhau đi vòng tròn xuống thấp dần, vừa đi vừa ngừng đầu lên xem ba bốn cuốn phim màu khác nhau chiếu chung quanh trên đầu tường. Mấy cuốn phim này mô-tả đời sống của Úc-dại-lợi, nhứt là các bãi biển và những loài-thú đặc biệt như Kangaroo, gấu Koala (Koala bear). Khi đi dứt vòng, người nào muốn có thể xin một cô gái Úc xinh đẹp, nhí nhảnh, mặc váy mi-ni thật cao đóng dấu kỷ-niệm lên sổ con của mình. Kế đó khách đi theo một con đường hầm tối hai bên chớp hiện hình ảnh những nhân vật danh-tiếng của Úc về

đủ mọi ngành từ y-học cho tới thề-thao.

Cảm tưởng chung của khách là chéa mắt vì kỹ-thuật chiếu bóng tân-kỳ của Úc. Ngoài ra họ còn chóa tai vì những âm-thanh cô bồ vang rền không tài nào phân tích được đó là âm-thanh gì. Tạo nên cảnh-trí loạn sắc loạn âm, Úc đã cùng một số các gian hàng lớn bắt chước kỹ-thuật đã được áp dụng tại Hội chợ Montreal ba năm trước đây. Tường cần nhấc tòa nhà «Kỹ nghệ sắt thép của Nhật đến 1.300 máy phóng âm gắn trên tường và lồng trong vách làm khách phải choáng váng bằng cả một khúc ca của «Sắt thép».

□□□



Độc tài là hình thức đầy đủ nhứt của sự ganh tị.

CURGIO MALAPARTE
(*Technique d'un conp d'état*)

Một ông vua quán-quân về đức đa thê trên thế giới cô kim 1.000 bà vợ ! lại bày mưu thử lòng chung thủy của đàn bà . . .

ĐỌC sách-sử Tàu, ta thấy những ông vua nhiều vợ nhất như Đường kế Nghiêu, Trường tôn Xương, Tần-thủy-Hoàng.v.v. đều lấy năm ba chục vợ, hay cả trăm vợ, chúng ta đã thất-kinh hồn vía về cái «đức» và cái «sức» đa thê của các ông có mẫu Tề-Tuyên và Trụ vương.

Những ông vua phương Đông thời xưa, ngoài số cung Tần mỹ nữ ra, không kê, chỉ kê nội số vợ chánh thức cũng có cả trăm. Như Văn Vương nhà Châu, có đến 100 bà vợ, đẻ ra 99 đứa, con trai. Nhưng cái số ấy có thấm gì đối với một ông vua đa thê quán quân thế giới Đông Tây kim cổ sau đây.

Đó là ông vua của nước Israel cổ thời tức vua Salomon, sanh trước Thiên chúa gần 1.000 năm, và chính ông đã dựng nên thành Férusalem, có tiếng trong lịch sử thế giới ở miền Tây châu Á.

Salomon cưới hẳn chỏi một ngàn bà vợ, 700 vợ chánh và 300 vợ thứ.

Các nhà khảo cổ đã dày công lục lạo trên 30 năm tại miền cận Đông, mà tìm ra được một cuốn sách xưa viết bằng tay, rất là quý báu. Rồi bác sĩ Fulian Obermann, giáo sư cổ tự ở trường Đại học Yale đã ra công nghiên-cứu bao nhiêu năm mới dịch ra được, cho nên người ta mới biết vua Salomon có 1.000 bà vương hậu, thứ phi. Cuốn sách này viết bằng chữ Á-rập,

hồi thế kỷ 10. Trong đó có chép một câu chuyện, tỏ ra cái tánh cả quyết của vua Salomon là không bao giờ chịu tin rằng đàn bà có lòng tiết nghĩa với chồng.

Nhiều lần ông đem, cái thành kiến đó nói trước các nhà thông thái trong nước mấy ông này mặc dầu phải kính chúa tôn quân, cũng phải biện bác lại với nhà vua. Nhưng vua Salomon vẫn quả quyết là lớn :

«Đừng có binh vực bậy ! Các người có muốn ta trưng bằng có rõ ràng cho các người thấy không ? mà ta tin chắc : Chỉ duy có người đàn ông là giữ lòng tiết nghĩa được thôi, còn đàn bà thì đừng nói chuyện tiết nghĩa ! Ta đánh cả với các người đó ! »

Thật là lời của một ông vua độc tài độc đoán !

«Đàn ông tiết nghĩa» mà lấy một lúc tới 1.000 vợ !

Bữa kia, Salomon truyền lệnh cho quan Tề-tướng đi tìm kiếm trong xứ một người đàn bà đã có chồng mà thật đẹp, để ông cưới thêm người vợ thứ 1001.

Vua sai Tề-Tướng kiếm vợ tìm mèo cho vua, thật thề gian hi hữu ! Thế rồi Tề tướng xứ israel vâng lệnh, đi tìm một mỹ nưon như

ý, rồi về tâu lại cho Salomon hay.

Salomon truyền chỉ triệu người chồng của người đàn bà tuyệt sắc đó, vào triều và phán rằng :

— Trẫm biết người là một người hiền hậu và thông minh, bởi vậy, trẫm định ban thưởng cho tài năng của người một cách xứng đáng : Trẫm gả công chúa cho người, và phong làm quan Thượng thư.

Anh chồng trung tín tâu rằng :

— vua có lòng đoái tưởng mà bỏ quan, phong chức cho thì tôi xin vâng. Còn sự gả công chúa thì hạ thần chẳng dám vâng lệnh, vì hạ thần đã có vợ rồi, không thể phụ tình tẩm mẩn với vợ nhà được.

Salomon giở dành khôn khéo, cho anh biết rằng đành thì danh, đành thì vợ, anh phải chọn một. Nếu muốn làm quan sang, ở chức lớn thì hãy về bỏ vợ nhà đi.

Anh chồng ấy bái từ ra về, xin về suy nghĩ.

Anh ta về tới nhà, lấy thanh gươm cạy nơi tay, đi tới bên giường của người vợ tuyệt đẹp cùng mấy đứa con của mình

đang ngủ ngon lành, Anh ta định giết vợ để được làm chức Thượng thư kim phò mã.

Nhưng thiên lương vụt chỗi dậy trong người anh. Anh thấy vợ con đương thim thip giấc lành, và mặt mày tươi tắn hồng hào, vô tư lự như những bông hoa hồng hé nở, lòng anh bỗng tỉnh ngộ, nghĩ mình không thể đang tay tàn sát những kẻ thân yêu ruột thịt vô tội như thế được. Nghĩ vậy rồi anh vất thanh gươm đi, chạy lại ôm vợ con, âu yếm rất đậm nồng.

Bữa sau, anh vào chào tàu với vua, rằng : Không khi nào vì sự phú quý lợi danh mà anh nỡ giết hại vợ con anh được.

Vua Salomon phán :

— Được lắm ! Rồi đây người sẽ thấy. Thế rồi vua Salomon sắp đặt bí mật cách nào không biết sai với người đàn bà là vợ anh chàng trên đây vào hoàng cung. Salomon thoát thấy nàng liền reo lên :

— Trời ơi ! Nàng thật là tiên trên trời giáng hạ ! Người phạm trần đâu có cái sắc đẹp tuyệt trần này ! Thuở này trăm vạn nghe tiếng mỹ nhân nhưng không dè mỹ nhân có cái nhan sắc chim sa cá lặn, nguyệt thẹn

hoa nhường như thế đâu ! Vì lòng ngưỡng mộ, nên trăm truyền lệnh triệu nàng vào đây, để hiến cho mỹ nhân ngôi thứ phi ở Tây cung. Chắc mỹ nhân không nỡ phụ lòng trăm. Nhưng trước khi tấn cung, trăm để cho mỹ nhân trở về xếp đặt việc nhà, làm sao «tây» hẳn anh chồng của mỹ nhân đi đã.

Nàng này mừng rỡ, tâu :

— Bệ hạ có lòng đoái thương tới cổ nội hoa hèn này, tiện thiếp dầu nát thân bồ liễu cũng chưa đền đáp được muôn một. Có điều bây giờ tiện thiếp không biết làm cách nào «tây» được người chồng nó đã yêu thiếp bấy lâu nay.

Salomo liền đưa cho nàng ấy một cây kiếm sáng ngời, nhưng vua khéo lựa cây gươm đã lứt, bấy lâu bỏ xó một nơi.

Lãnh cây gươm về, nàng sửa soạn một mâm cỗ rất thịnh soạn để cho chồng ăn, lại cố ép chồng uống rượu cho thật say, chờ ngủ mê, sẽ hạ sát.

Nhưng nhờ sự khôn ngoan phòng bị của vua Salomon từ trước, nên không có một giọt máu nào đổ ra, nhờ cây gươm lứt quá, sự hạ sát của người vợ không thành.

Thế là vua Salomon được cuộc.

Ông triệu tất cả các nhà thông thái ở thành israel tới rồi phân chứng rằng : «Có phải đàn ông biết giữ tiết nghĩa hơn đàn bà chăng ?». Các nhà thông thái chịu phục nhà vua bày kể thật hay để thử lòng người. Tuy thế, họ không xem đó là một định kiến bất di bất dịch, vì làm sao dám căn cứ một người mà lên án cả một giới phụ nữ được.

Chúng ta thử nghĩ như vua



Hãy chờ, rồi người sẽ nhận.

KINH UPANIS HAD
(Ấn độ giáo)

Nul n'est content de sa for tune

Ni mé content de son es prit.

(Không ai vừa ý về số phận của mình và bất mãn về trí khôn của mình)

A. DESHOULIERES
(*Reflexions diverses*)



ĐỌC SÁCH

Một quyển sách đáng được tồn tại

●●● LAN-ĐÌNH

TRƯỚC hết «Đất Lề Quê Thói» là một quyển sách đẹp, cái bìa rất nhã hơn nữa, gợi cảm. Tôi nghĩ đó là ưu điểm ít thấy, những quyển sách biên khảo, thường hay «lập nghiêm» một cách,.. giáo khoa hoặc khắc khổ quá.

Sau nữa, tôi hoàn toàn đồng ý với quan niệm của ông Nhất Thanh, (Tựa) rằng Việt Nam cũng nên có một «Phong tục học». Bởi vì phong tục là quốc

gia, bao gồm nhiều tác dụng : văn hóa, xã hội, và nhất là chính trị. Chẳng hạn, *Thương sở hóa viết phong hạ sở tập viết tục*, và ngược lại *phép theo vua thua lệ làng*.

Ở đây, tôi sẽ không nêu lên những ưu điểm trong Đất Lề quê Thói, là số nhiều. Kiến thức và tuổi tác của ông Nhất Thanh đã đủ bảo đảm cho quyển sách. Tôi chỉ nói đến những khuyết điểm, và cũng sẽ bỏ qua những khuyết điểm vặt.

Ở chương 1 (Sinh con), tiết «giữ gìn, kiêng khem» còn thiếu trường hợp hữu sinh vô dưỡng. Tôi nhớ nước ta có tục, mẹ (để nhiều mà không nuôi) dâng lần nào) đưa con (sơ sinh) cho người quân tượng, nhờ dút vào miệng voi. sau đó, sản phụ ngồi để voi phun nước bọt vào mặt.

Trang 50 ;

... Ở miền Nam, thời Lê trở về trước ít văn học, sang thời Nguyễn văn ít người thi đỗ làm quan...

Tôi sợ rằng ông Nhất Thanh đã viết đoạn này trong lúc vô tâm. Tôi đã thử nhớ phác những tên đường phố ở Sài Gòn, nhiều đấy, chứ không ít đâu : Võ-trường - Toàn, Nợ-tùng - Châu, Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang-Định, Phan-thanh-Giản, Trương-vĩnh-Kỷ, Tôn-thọ-Tường, Nguyễn-đình-Chiều...

Trang 51 :

Vì mê tín dị đoan, người ta kiêng tên một vài con vật, như con hổ thì gọi là ông ba mươi...

Theo tôi biết, cách gọi «ba mươi» không phải để kiêng, thật ra «ba mươi» là 30 tiền, nói tắt. Ngày xưa, các quan tri châu treo giải, ai bắt được 1 con hổ thì được thưởng 30 tiền, bởi

thế đã có hổn danh «ông ba mươi» Xin xem trong *La chane an Việt Nam*.

Tôi thấy ông Nhất Thanh hay có những phụ chú (parvoi) không đúng chỗ. Chẳng hạn, trang 234 *Đánh tranh lợp mái thảo đường, Một gian nước biếc mây vàng chiếu dôi*

là am của Thủy Kiều mái lợp kiêu này».

Thế mà ông còn phải chưa thêm : Nguyễn-Du, Đoàn Trường Tân Thanh.

Ngược lại, ngay trang bìa :

«Năm gian sách vàng làm kẻ chuyên hoặc chồng rường, tiền bày hậu kẻ, tiền kẻ hậu bày...

Thì chẳng thấy ông giảng thêm chút nào !

Biết đâu, ít nhất người đọc chẳng thắc mắc giữa 2 chữ «dường» và «rường» của ông Nhất Thanh có chỗ khác nhau thế nào !

Trang 420 :

«... đưa đám cha thi chống gậy tre đề tròn, đưa, đám mẹ thi chống gậy vòng đeo vuông ; hỏi ra nhiều bậc lão trượng cũng không hiểu rõ ý nghĩa hai thứ gậy, một vài người đã giảng giải.

kiểu nghe hơi nời chỗ hoặc theo lối võ đoán.»

Nghĩa là ông Nhất Thanh chịu, không biết căn nguyên của tục, của câu *cha gây tre, mẹ gây bông* ? Không biết nhưng cũng thấy được người khác nghe hơi nời chỗ, hoặc võ đoán ! Tôi tưởng, ở đây, ông Nhất Thanh đã vấp phải hai sự thiếu sót : Một, không chịu tìm hiểu đến nơi, bản phận của biên khảo gia, để giúp người đọc thấu triệt. Hai, ông biết người ta nói mò, nguy hiểm, trong khi chính ông vẫn chưa tìm ra sự thật ! Đáng lẽ ông nên viết «có giả thuyết...»

Tôi nhớ một giả thuyết như sau : Tre biểu tượng cho đàn ông, (đàn ông với nghĩa «trượng phu» «quân tử», *bonhom-me; gentlemen...*) cương trực (đốt lửa để uốn cũng không uốn được) và chùng mực (cổ từng đốt, từng gióng). Cha cũng thương con, nhưng thương mà không để cho tình cảm lấn át, thương đấy, nhưng rất có thể «địch tử nhi giáo», cho người khác đánh con mình.

(Tôi nghĩ giả thuyết này rất phù hợp với luận cứ của ông Nhất Thanh, về tục *cha đưa mẹ đón*).

Vòng : gai chi chít, như tình mẫu tử bao la. Tôi đã nghe các cụ nói, người ta đeo gậy vòng, là sợ nắm phải gai, đau, làm biến tính của tục gây vòng. Đúng thì phải đề nguyên gai, nắm vào gai mới thấm thía lòng mẹ thương con, thương đến nỗi nhiều khi *con hư tại mẹ, cháu hư tại bà*, vô ngần !

«Rất mong ông Nhất Thanh «phối kiểm» lại, xem tôi có nghe hơi nời chỗ hoặc... (không, tôi đưa giả thuyết, chứ không «võ đoán»).

Cũng trang 420, đoạn *chou chắt đi theo linh xa* (...) còn thiếu, không nói rõ cháu, chắt chút... đội khăn tang khác nhau thế nào.

Trang 436, đoạn giảng về những «nguyên cớ» của tục cải táng, ông Nhất Thanh đã nhầm lẫn giữa tục «cải táng» (hay «sang cát» với tục «chạy mã» :

... Khi trong nhà có lũng củng, đau yếu..., người ta hay đi xem bói, và...

Như thế, là người ta đã «chạy mã», chứ không phải cải táng, Chạy mã, chỉ cần một tuần, mấy tháng sau, người ta đã bốc mộ rồi, chứ không đợi tới ba năm.

Mục «Tổ chức hành chánh», trang 505, đoạn bàn đến «quan hoạn», câu :

Thị vào hầu (?) thị đứng, thị trông,
Thị cũng muốn, thị không cái (?) ấy,

Theo ông Nhất Thanh, là câu nói của dân chúng để khinh chê bọn quan hoạn vô học, bất tài ?

Tôi lại nhớ rằng, nguyên do, một quan võ, với mặc cảm tự ti võ biền, đã ra cái điều có văn học, *CHƠI CHỮ* với một thái giám :

THỊ vào CHẦU, thị đứng THỊ TRÔNG,
THỊ cũng MUỐN, THỊ không có ẤY.

● Điều hôm nay coi là dĩ nhiên, thì hôm qua còn trong giả tưởng

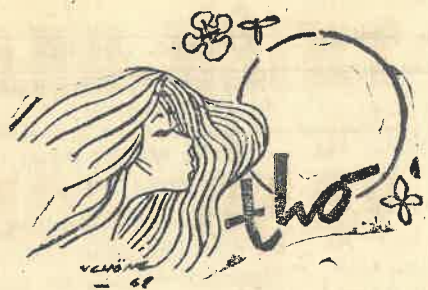
WILLIAM BLAKE

● *Ventre affamé n'a point d'oreilles*

Bụng đói không cần biết lẽ phải.

Tục ngữ Anh cũng có câu : «Necessity knows no law»

LA FONTAINE.
(Fables)



Tình lang thang

Con mơ
và buổi chiều xẩm lạnh
tôi đã đi trong ấy
thành phố đã cúi đầu
đã nghe và đã biết
để rồi lên cơn đau
những phiên tình cũ đến
tôi mơ hồn ca dao
mơ em và con phố
mơ mùa xuân qua mau
và đây chiều đầu hạ
ru mình trong giấc đơn
phố buồn—rồi xẩm nhỏ
nghe ai nào buồn hơn
và đây chiều đầu hạ
cho nhau những vần thơ
nặng vàng lẫn trên tóc
và điểm trên môi nồng

TRẦN HỮU-NGHIEM
(phước)

THIÊN-ĐÀNG VẮNG BÓNG

Nguyên tác : E. HEMINGWAG

Bản dịch : NGUYỄN-HỮU-TRỌNG

BÊN kia thung lũng sông
Ebre, các ngọn núi màu trắng chạy
dài đến tận cuối chân trời.

Trên sườn núi bên này hướng
về phía nam, cảnh vật im lìm
vắng lặng, không một bóng cây
chỉ có nhà ga đứng sừng sững
dưới ánh nắng như thiêu như
đốt tràn ngập ánh sáng ở giữa
hai đường xe lửa.

Bóng râm nhỏ hẹp của chiếc
quán cà phê phản chiếu vào bức
tường nhà ga, một bức rèm làm
bằng những mắt tre nhỏ kết hợp
lại treo trước khung cửa ngõ quán
này. Một người đàn ông Hoa
Kỳ và một thiếu phụ đang ngồi
cùng nhau ở bàn bên ngoài dưới
bóng râm.

Tiết trời oi bức lạ thường.
thêm với ánh nắng chứa chan như
thieu đốt mọi vật. Chuyến tàu tốc
hành Barcelone sẽ đến ga và dừng
lại trong vòng 40 phút để rồi tiếp
nối cuộc hành trình tiến về thủ
đô Madrid.

Người thiếu phụ cất tiếng hỏi :

— Chúng ta có thể uống gì
chứ ?

Rồi nàng đưa tay tháo chiếc
mũ ra đặt lên trên bàn.

Người đàn ông cất tiếng trả
lời :

— Tôi mệt muốn là người vì
tiết trời oi bức này.

— Vậy chúng ta uống bia nhé?

Người đàn ông gọi qua rèm cửa ;

— Cho hai ly bia.

Có tiếng đàn bà đáp vọng lại phía bên trong ;

— Thứ lớn chứ ?

— Vâng, đúng thế cho hai ly bia lớn.

Người đàn bà bưng ra hai ly bia và hai miếng nỉ lót đặt xuống mặt bàn, đặt hai ly bia lên rồi đưa mắt nhìn đôi trai gái như dò xét.

Người thiếu nữ đang ngắm nhìn khung cảnh bao la hùng vĩ của dãy núi trước mặt bao phủ một màu trắng xóa dưới ánh nắng mặt trời, đằng xa cánh đồng mênh mông chạy dài thăm thẳm bao phủ một màu nâu khô héo. Nàng cất tiếng nói nhanh ;

— Người ta có thể nói đây là một con bạch tượng.

Gã đàn ông vừa uống bia vừa đáp giọng lơ là ;

— Anh chưa hề trông thấy thế bao giờ.

— Em quả quyết với anh là đúng như vậy.

Gã đàn ông tiếp ;

— Anh cũng có thể nói như thế được. Sự quả quyết của em không thể chứng minh được gì cả.

Người thiếu nữ lơ đãng đưa mắt nhìn về phía bức rèm và cất tiếng hỏi ;

— Người ta đã vẽ rất nhiều hình ảnh lên bức rèm kia, vậy theo anh nó có ý nghĩa như thế nào ?

— Anis Det Toro ! Tên một thức giải khát. Gã đàn ông đáp.

— Chúng ta cùng uống thử vậy nhé ?

Người đàn ông lại quay đầu hướng về phía sau rèm cửa, người đàn bà bán quán vừa lúc đi ra và nói nhanh ;

— Tất cả là 4 đồng.

— Cho chúng tôi thêm 2 ly Anis del toro.

— Hòa với nước chứ, thưa ông ?

Người đàn ông quay nhanh về

phía người thiếu nữ đang ngồi cất tiếng hỏi nhanh ;

— Em có thích uống hòa chung với nước không ?

— Em nào có biết đâu... Thế nhưng hòa với nước uống có ngon không ?

— Dĩ nhiên. Gã đàn ông trả lời.

— Thế anh có uống hòa với nước không ?

— Có, hòa với nước.

Nàng đặt ly xuống bàn và nói ;

— Trong nước dường như có mùi cam thảo.

— Luôn luôn cũng tương tự như thế.

Người thiếu nữ lại nói thêm :

— Phải tất cả đều có mùi cam thảo. Đặc biệt nhất hơn tất cả mọi thứ đó người ta chờ đợi quá lâu... như rượu khổ ngải chẳng hạn.

— Ô, không phải thế, đã xong rồi.

Chính anh đã bắt đầu. Em thích thú vô cùng và hết sức hài lòng.

— Được vậy chúng ta cứ việc cố gắng vui đùa vậy.

— Đồng ý, em sẽ cố gắng. Em đã nói là các dãy núi kia giống như những con bạch tượng ! Có đúng thế không anh ?

— Phải, chắc chắn là như thế.

— Em muốn nếm thử rượu mới này. Tất cả mọi công việc người ta làm tất cả đều tốt đẹp phải không anh ? Nhìn tất cả mọi vật chung quanh mình và nếm thử mọi thứ rượu mới.

— Phải, anh thật tử tế...

Gã đàn ông buông thông câu nói của mình. Trong khi người thiếu nữ đưa mắt nhìn lên khoảng đầu dãy núi bao la thăm thẳm tận ngoài xa và uống cất tiếng ;

— Ngọn núi kia thật là tuyệt vời. Thực ra chúng không giống hình dáng như một con bạch tượng như em đã nghĩ ! Em chỉ muốn nói đến những màu sắc bề ngoài của dãy núi vô tình kia đang xuất hiện qua các lùm cây.

— Chúng ta có uống thêm gì nữa không ? Gã đàn ông hỏi dồn ;

— Có thể, nếu anh muốn.

Một luồng gió thoảng qua cuốn

theo hơi nóng ngọt ngào của buổi trưa hè làm khung rèm lay động, tiếng va chạm lách cách của những sợi chỉ mảnh vang lên. Gã đàn ông cắt tiếng :

— Bĩa ngon và mát quá phải không em?

— Ngon tuyệt. Tiếng người con gái phụ họa.

— Này Jig ! Em hãy nghe anh nói ; Thật ra đây chỉ là một tác dụng, một tác dụng giải sầu dễ dàng và giản dị... Mà đây cũng không hẳn là một tác dụng hay đúng hơn là một sự giải phẫu.

Người thiếu nữ cúi mặt nhìn xuống dưới đất đưa mắt nhìn cả bốn chân bàn.

Tiếng gã đàn ông tiếp tục :

Jig ! Anh đã biết rõ là sự kiện đó không làm phương hại gì đến cá nhân em. Thật sự là không hề hấn gì, chỉ có mỗi một công việc phải làm là người ta bơm thêm không khí vào...

Mặc cho người đàn ông giải thích, phân trần người thiếu nữ vẫn giữ thái độ, im lặng, nàng không nói một câu nào.

— Anh cùng đi với em và anh

sẽ ở lại đây trong suốt khoảng thời gian với em. Người ta bơm không khí vào trong rồi công việc sẽ xảy ra một cách tự nhiên !

— Rồi sau đó người ta sẽ làm gì nữa ?

Sau đó, sau đó mọi việc sẽ đến một cách thật tốt đẹp. Đúng như lần trước.

— Anh đã dựa vào đâu để tin tưởng rằng công việc sẽ thành tựu như thế ?

— Đây là công việc độc nhất đã làm cho chúng ta lo lắng, phiền muộn không ít phải thế không em? Phải chăng đây chính là sự kiện duy nhất đã làm cho chúng ta đau đớn, xót xa ?

Người thiếu nữ đưa mắt nhìn ra ngoài rèm cửa, nàng đưa tay ra cầm lấy hai sợi giây rèm lơ là hời ;

— Thế anh có bao giờ nghĩ rằng tất cả mọi việc sẽ diễn ra trong chiều hướng êm đẹp thuận lợi hay không ?

— Anh tin chắc như thế. Em đừng lo nghĩ gì cả. Anh biết nhiều người đã làm như thế trước anh.

— Em cũng nghĩ thế, và sau

đó họ rất hoan hỷ sung sướng.

— Em hãy nghe anh nói đây, nếu em không muốn thì em cứ tự do quyết định, anh không cấm đoán hay bắt buộc em bất cứ điều gì. Anh không bao giờ muốn nài ép hay cưỡng bách em một khi em không thích... nhưng anh biết rõ là em chắc chắn sẽ không từ chối.

— Thực sự anh có thích như thế không ?

— Anh tin tưởng đây là một công việc sẽ được kết thúc trong sự tốt đẹp nhất mà chúng ta cần phải thực hiện. Song anh vẫn không muốn em làm như thế nếu trong thâm tâm em không hài lòng về công việc đó của chúng ta.

— Và nếu em làm như thế, anh sẽ bằng lòng và anh cam đoan sẽ không có gì thay đổi trong anh và anh vẫn yêu em như tự trước đến giờ.

— Nhưng anh yêu em ! Em biết rõ anh vẫn yêu em.

— Em bết lắm, nhưng nếu em làm như thế anh có còn thích em nói rõ cho anh biết là tất cả mọi sự việc giống như những con bạch tượng kia không ?

— Anh sẽ yêu quý và tôn sùng điều đó. Anh đã tôn sùng ngay từ bây giờ nhưng anh chưa kịp suy nghĩ ra. Em đã biết rõ là con người anh như thế nào mỗi khi anh cảm thấy bút rút, bực bội.

— Nếu em làm như vậy sẽ không bao giờ anh lo lắng nổi chứ ?

— Anh sẽ không bút rút, lo âu vì những công việc ấy, đó là một hành động tuyệt đối giản dị.

— Được, nhưng em sẽ làm... vì điều đó đối với em cũng chỉ có thể thôi chứ thực sự nó không ăn nhằm gì cả !

— Theo ý em muốn thì nói phải như thế nào

— Tất cả mọi việc có thể xảy ra với em cũng vẫn thế thôi.

— Nhưng nó không phải như thế đối với anh.

— Em hiểu... nhưng đối với em thì nó cũng chỉ là một công việc tầm thường như bao lần trước. Và em tin rằng lần này công việc ấy đến với em sẽ được diễn tiến trong êm đẹp hoàn toàn.

— Anh không muốn em làm như thế nữa nếu em quan niệm như thế.

Thiếu nữ đứng lên và tiến ra phía ngoài đầu sân ga.

Ở phía bên kia đường xe lửa, những cánh đồng lúa mì trải dài đến tận cuối chân trời bao la xanh thẫm dường như bất tận với những hàng cây cao vút nằm dọc hai bên bờ sông Ebre.

Bên kia sông, phía xa xa các trái núi cắt cao lên nền trời trong vắt như ngọc ngà, như thách đố.

Bóng râm của một đám mây đang bay lướt qua cánh đồng trong khi nàng nhìn dòng sông qua các lùm cây. Người thiếu nữ cất tiếng :

— Bao là tất cả mọi sự việc có thể là của chúng ta và tất cả đều lệ thuộc vào chúng ta và hàng ngày chúng ta lại làm cho sự công việc đó càng trở nên phiền phức, khó khăn thêm đến độ mà tài sức của chúng ta không bao giờ làm nổi.

— Em kể lể gì đấy ?

— Em nói rằng tất cả mọi sự việc có thể là của chúng ta.

— Rất có thể như thế.

— Không, không bao giờ có được điều đó đâu anh.

— Tại sao không ? Tất cả thế gian này có thể là của chúng ta.

— Không.

— Chúng ta có thể đi đến bất cứ nơi nào.

— Không, bây giờ thì không có điều gì có thể thuộc vào chúng ta nữa cả.

— Có chứ.

— Anh lầm rồi, bây giờ thì đã hết. Khi mà tất cả mọi quyền hạn của anh đã bị người đời tước đoạt thì nó sẽ không bao giờ trở lại với chúng ta nữa như anh tưởng đâu.

— Nhưng, hiện nay chúng ta chưa bị ai tước đoạt điều gì kia mà ?

— Anh hãy chờ đợi rồi sẽ thấy.

— Thôi, em hãy trở về chỗ cũ. Đừng nên quá bận tâm và quan niệm công việc như thế nữa làm gì.

— Em không quan niệm gì cả. Em chỉ biết được tất cả sự việc một cách giản dị có thể thôi.

— Anh không muốn em làm bất cứ điều gì dễ rồi sau này phải hối tiếc...

* Nàng cắt ngang *

— Công việc đó có thể làm hại đến cá nhân em, em biết rõ điều đó, Chúng ta có thể gọi thêm bia nữa chứ ?

— Chắc chắn là có. Nhưng em nên biết rằng...

— Em đã biết tất cả rồi. Chúng ta có thể tạm ngưng câu chuyện lại một tí chứ ?

Hai người lại im lặng, họ ngồi trước bàn, và người thiếu nữ mơ màng nhìn sườn núi già nua cần cỗi kia với cặp mắt đầy vẻ suy tư. Trong khi gã đàn ông đưa mắt nhìn nàng như dò xét rồi lại nhìn xuống bàn và nói :

— Em nên hiểu cho anh là anh không muốn em làm điều gì mà thâm tâm em không thích. Anh sẽ hoàn toàn nhận lãnh trách nhiệm đó nếu công việc kia có mang một phần nào ý nghĩ của em.

— Thế điểm đó không có ý nghĩa gì với anh sao ? Chúng ta rất có thể thoát ly khỏi cảnh bế tắc này.

— Chắc chắn là như vậy. Nhưng anh không muốn bất cứ

một người nào khác ngoài em. Anh cũng không thích một kẻ thứ ba ở giữa hai chúng ta. Vì anh biết công việc ấy rất giản dị.

— Phải anh biết quá rõ là công việc sẽ giản dị lắm.

— Em có thể nói bất cứ những gì em muốn nhưng thích đáng, anh đã hiểu như thế.

— Anh có thể làm được gì cho em không ?

— Anh sẽ làm bất cứ điều gì cho em nếu xét thấy công việc ấy có ích cho em.

— Thôi, anh hãy im đi. Em thành thật van anh. Em van anh ! Em van anh !

Chàng ta nín lặng, một bầu không khí ngột ngạt, nặng nề, khó thở bao trùm giữa hai người. Chàng đưa mắt nhìn những hành lý xếp dựa vào tường nhà ga, Những chiếc va ly đều lấp loáng đầy những nhãn hiệu những khách sạn của họ đã ở trọ đêm qua. Rồi chàng lại nói :

— Nhưng anh lại không muốn em làm như vậy. Đối với anh vẫn hoàn toàn như thường không có điều gì khác thường cả.

— Em đã van anh đừng nói nữa, nếu không em sẽ gào thét lên bảy giờ.

Mụ chủ quán vạch tấm rèm buồng và xuất hiện với hai ly bia trên tay. Mụ đặt hai ly bia xuống bàn bên cạnh hai tấm nỉ lót ấm ướt, đoạn mụ ta cắt lên một tràng tiếng Ý-đại-Lợi :

— Tàu sẽ đến đây vòng 5 phút nữa.

— Nàng hỏi chàng ;

— Mụ ấy nói gì đó anh ?

— Bà ta cho biết trong vòng 5 phút nữa chuyến tàu sẽ đến.

Nàng mỉm cười rất tươi để cảm ơn mụ chủ quán. Chàng nói ;

— Tốt hơn hết là anh sẽ mang tất cả hành lý này sang bên kia đường xe lửa.

Nàng khẽ mỉm cười cùng chàng ;

— Phải đấy, rồi anh trở lại và chúng ta uống cạn hai ly bia này nhé :

Chàng đứng lên đưa tay xách

hai chiếc va ly to đi vòng quanh ga và mang sang để ở phía sân ga bên kia đường. Rồi chàng nhìn đường tàu nhưng chuyến xe vẫn chưa xuất hiện.

Lúc trở về, chàng đi ngang qua quán cà phê đặt dọc bên sân ga dùng làm nơi đợi tàu của những người hành khách đến đón xe. Chàng uống một ly rượu mạnh ở trên quầy và đưa mắt nhìn mọi người trong quán. Họ đứng đợi chuyến tàu một cách bình thản. Chàng đi ra vén bức rèm cửa, nàng vẫn ngồi ở chiếc bàn khi nãy và mỉm cười với chàng. Chàng bắt hàm hỏi ;

— Em đã thấy dễ chịu chưa ?

— Xong rồi. Tất cả mọi việc đều tốt đẹp, tốt đẹp một cách hoàn toàn.



THÁI TỬ TRƯỜNG SANH

TRƯỜNG-THẾ-VƯƠNG là một ông Vua trị vì thiên hạ, thương dân, dạy dỗ dân trên lý thuyết từ-bi hỉ-xả, vì vậy mà binh lính Ngài không đề tâm nhiều, tuy nhiên thành Ba-Diệp được sống trong thanh-bình sung túc nơi nơi đều biết ơn vua Trường-thế-Vương.

Một hôm vua được tin Phiên-Bang cử binh sang đánh chiếm Chiêm Thành Ba-Diệp—Trường-thế-Vương nghe vậy buồn vô cùng Ngài sợ mang binh chống cự tất sẽ xây ra cảnh máu đổ xương phơi, loạn ly ngập trời mà dân hai nước Ba-Diệp và Phiên-Bang phải gánh chịu hậu quả điêu tàn.

Càng suy nghĩ Trường-thế-Vương càng thấy đau lòng. Trong đời Vua trị vì thiên hạ chưa bao giờ sinh sát một ai.

Ngài chỉ lấy đức mà trị, lấy nhân ái dạy dân. Vì vậy nay gặp cảnh này Vương thấy khổ tâm vô cùng.

Đêm đã khuya mà Vua vẫn còn thao thức đi đi lại lại, nào cung vàng điện ngọc, nào mỹ-nữ... thành cao, họ có biết đâu ngày mai họ sẽ bị tiêu diệt với thành Ba-Diệp bởi lòng tham muốn của Phiên-Bang ! Chỉ có mình Vương suy nghĩ, chỉ có mình Vương khóc thầm.

Trường-thế-Vương đi vòng về thành đông, phòng của Thái-tử Trường-Sang ngọn đèn vẫn còn le lắt sáng, thái-tử Trường-Sanh người con duy nhất của Vương. Niềm hy-vọng cuối cùng của đời Vương là chàng. Sau khi sanh chàng được mấy năm thì Hoàng-Hậu chết. Vương quý mến thái-tử vô cùng, người con

hiếu thảo, siêng năng luyện võ ôn văn..., Vương nhìn vào phòng thấy thái-tử đang ngủ gục trên bàn học.

Lòng Vương se lại, bước vào vô đầu thái-tử Sanh — Thái-tử qui lạy, Vương đỡ vậy mà nói rằng :

Nay Phiên-Bang muốn chiếm thành Ba-Diệp ta vì sự sống của muôn dân, do đó, ta không nỡ mang binh đánh lại sợ gây cảnh cang qua cho hai nước. Vì vậy đêm nay ta dẫn con vào rừng tìm đạo, tu luyện học tập, xa lánh cõi hồng trần và nhường thành Ba-Diệp này cho Phiên-Bang.

Thái-tử Sanh thẳng ngựa theo cha vào rừng tìm đạo. Ngày ngày hái trái về cúng dường cho cha, đêm đêm tọa thiền dưới gốc cổ thụ.

Một hôm thái-tử Sanh dậy sớm, xá lạy Vua cha rồi vào rừng tìm hoa quả. Còn lại một mình Vương ngồi lim dim tọa thiền, bỗng Vương giật mình khi nghe:

— Vua đây rồi, a Vua đây rồi — thì ra đó là một cận thần của Ngài người cận thần với đáng điệu bơ phờ. — Tôi tìm kiếm Vương khắp nơi không

ngờ Ngài lại ở đây. Vương biết không (?) Phiên-Bang đã chiếm thành Ba-Diệp và giết hại dân rất nhiều, vì tưởng dân chúng đấu Ngài nên họ bị tra tấn đến chết.

Thôi Vương theo tôi mà về nạp thân cho Phiên-Bang để tôi được trọng thưởng, để dân khỏi bị hành hạ.

Trường-thế-Vương nghe vậy giận lắm, nhưng Ngài nghĩ đến dân mà động lòng trắc ẩn, Ngài nghĩ đến thái-tử Trường-Sanh bằng cầm gươm vạch vào gốc cây : «Ta vì dân mà phải nạp thân cho Phiên-Bang, con ở lại lo tu hành» Vạch xong Ngài bảo người cận thần : Tay ta đây người trói lại mang về nạp cho Phiên-Bang mà lãnh thưởng. Vì muôn dân nên ta bỏ hết mọi điều, nói xong, Vương liền đường về thành.

Thái-tử về không thấy cha đâu. Kêu gọi núi rừng nhưng chẳng thấy Vua cha chàng khóc rống như trẻ thơ, bỗng chàng giật mình đưa mắt dọc hàng chữ ở gốc cây : «Ta vì muôn dân mà phải về nạp thân cho Phiên-Bang, con ở lại lo tu hành».

Thái-tử hốt hoảng liền cải trang ngay, lặn mò về thành Ba-

Diệp để tìm vua cha.

Chàng đến cửa thành vừa lúc Vua cha bị treo lên giàn hỏa. Thế-Vương biết con mình đã về thành và đương nhìn mình trong đau đớn, Vương sợ thái-tử lộ tông tích nên không nhìn chàng mà Ngài chỉ ngửa mặt lên trời nói lớn :

«Đừng trả thù, hãy đem tình thương mà tưới gọi nơi nơi».

Lửa cháy quanh mình Vương, thái-tử đỏ đom đóm mắt. Vương biết con mình căm hận nên gắng gọi lớn : «Đừng trả thù, hãy đem tình thương mà tưới gọi nơi nơi».

Thế rồi lửa đốt thân Vương cháy thành than. Thái-tử nhìn cảnh tượng này uất hận vô cùng, chàng quyết chí phục thù cho cha nên ở lại thành tìm cách len lỏi vào triều...

Chàng được quan Đại-Thần tin dụng vì chàng nấu ăn rất ngon, đi đâu quan Đại-thần cũng dẫn chàng theo làm người hầu cận.

Một hôm quan Đại-Thần khoe với Vua Phiên là mình có người hầu cận nấu ăn rất ngon, ông

ta muốn Vua thưởng thức tài nghệ đó nên ông đã nghênh đón Phiên-Vương dùng cơm tại tư dinh.

Quả thật, Vua Phiên khen hết lời và Ngài năn nỉ quan Đại-Thần : Khanh hãy giao người hầu cận này cho Trẫm, quan Đại-Thần y lời.

Thái-Tử Trường-Sanh mừng quýnh là thời cơ đã đến rồi chỉ còn thi hành nữa là xong. Chàng nghĩ thù cha sắp trả được, chàng được Vua Phiên tin yền nên một hôm dẫn chàng đi săn, dịp may hiếm có Thái-tử Trường-Sanh dẫn dụ Vua đuổi theo bầy thỏ, cốt yếu dẫn lạc sâu vào rừng để xa lũ hầu cận. Vì say mê đuổi thỏ mà Phiên-Vương quên cả thời gian, trời đã tối, đường rừng lạc lối, Vua tôi đành ở lại dưới tàng cổ thụ.

Phiên-Vương ngủ, chàng đeo gươm đứng hầu một bên, chàng tuốt gươm định giết để trả thù cha thì hình ảnh cha chàng xuất hiện, giọng nói rĩ vào tai chàng : «Đừng trả thù, hãy đem tình thương mà tưới gọi nơi nơi». Chàng tại tra kiếm vào, vừa lúc ấy Phiên-Vương thức dậy, nói rằng : «Trẫm vừa mơ thấy có

người muốn giết Trẫm.— Có lẽ vì Vua đi săn quá mệt nên ngủ mê chãng (?).

Chàng lại rút gươm ra định giết Vua Phiên thì hình ảnh cha chàng lại xuất hiện : «xóa hận thù, đem tình thương tươi gọi nơi nơi «Chàng lại tra kiếm vào.

Phiên-Vương lại thức giấc :

— Trẫm vừa mơ thấy con của Trường-thế-Vương là Trường-Sanh muốn giết Trẫm. — Vua đừng sợ vì có thần đeo gươm hầu cận thì ai dám giết Vương.

Lần thứ ba chàng tuốt gươm ra quyết hạ thủ thì hình ảnh cha chàng lại xuất hiện : «Tình thương xóa bỏ hận thù» Chàng lại đeo gươm vào và định bỏ đi thì Phiên-Vương thức dậy, Trẫm vừa mơ thấy Thái-tử Trường-Sanh tha chết cho Trẫm.

Chàng nói ngay :

— Thừa Ngài, Thái - tử Trường-Sanh chính là tôi đây, ba lần tôi định giết Ngài để trả thù cho cha. Nhưng cha tôi hiện về trong trí óc và không cho tôi giết Ngài. Vua Phiên cảm động cầm tay chàng...

Trời vừa sáng Phiên - Bang dẫn Thái-tử Trường - Sanh ra khỏi khu rừng, mọi người đang mong đợi bỗng thấy Vua mừng quýnh lên, Vua Phiên hỏi ngay :

— Các người biết Thái tử Trường-Sanh là con của Vua Trường-thế-Vương hiện ở đâu không ? nói xong Ngài cầm tay Thái-tử đưa lên mà nói : Đây, chính người này là Thái-tử Trường-Sanh, chàng đã tha mạng sống cho ta đêm vừa qua, Thôi tắt cả về triều.

Phiên-Vương tuyên bố từ nay trả lại thành Ba-Diệp cho Trường-Sanh làm vương còn Phiên-Bang trở về đất cũ. Trước khi lên đường Phiên-Bang nói lớn : Lòng Từ-Bi và trí đức độ của Vua Ba-Diệp làm ta giác ngộ và hối hận, Mong tranh bá đồ vương nay xin trả lại cho người, nói xong Ngài giả từ Trường-Sanh mà đi.

Từ đó dân thành Ba-Biệt sống trong thanh bình thịnh trị.

Mới hay lòng Từ-Bi của Phật là vậy.

THUY-DƯƠNG-TỬ

PHỔ-THÔNG — 248



NHỚ VỀ MIỀN TRUNG

Thương gọi em
Mộng Hoa nữ họa sĩ Thân-Kinh

Xa xôi gọi mấy dòng tâm huyết,
Chị nhớ em tha-thiết nào nguôi,
Trung-Nam em chị đôi nơi,
Nhớ nhau chỉ ngắm mây trời gọi hồn.
Từ dạo ấy, nước non bình biển,
Lẽ sinh tồn đã khiến xa nhau.
Em ơi ! Mặt cách lòng đau,
Nhìn về xứ Mẹ mà nao-nao buồn.
Nào núi Ngự, sông Hương yêu mến,
Nhà ta nằm bên Bến Ngự xưa.
Con sông An-Cựu chảy qua,
Thuyền neo một chiếc ngay nhà, trên sông,
Nấp dưới bóng cây sung gie nhánh,
Tiếng ngâm thơ lạnh-lạnh trong thuyền.
Lời thơ chính khí gọi hồn (1)
Non sông, tổ-quốc như còn bên tai.
Trường Jeame d'arc ngày hai buổi học.
Song-mã-xa đưa rước chúng ta.
Nào khi dưới bóng chiều tà,

Sánh vai bách bộ bước qua Trường-Tiền.
 Nón bài thơ nghiêng nghiêng suốt tóc,
 Áo học trò trắng mướt,thướt-tha,
 Nào khi Thành-nội vào ra,
 Tình-Tâm ghé lại hái hoa sen hồng.
 Phu-Văn-Lâu bên dòng Hương thủy,
 Rồi Đông-Ba,Vĩ-Dạ thôn xưa.
 Tiếng chuông Thiên-mụ xa đưa.
 Ngân-nga sẽ vuốt lau thưa ven bờ.
 Lên núi Ngự làm thơ tả cảnh.
 Hái sim ăn,bẻ nhánh hoa rừng.
 Rồi vào lãng miếu nghỉ chân.
 Ghé Nam-giao,lãng tiếng thông reo buồn...
 Kề sao xiết những nguồn cãm cừu,
 Nhắc càng thêm sâu tủi cho nhau.
 Em ơi ! lòng chị quặn đau,
 Miền Trung nạn nước bồng đầu vạ tràn !
 Tin nước cuốn chết oan cả vạn,
 Người sống thừa đời lạnh dãi-dầu.
 Bừng mắt dậy,bể hóa dâu...
 Em ơi ! lòng chị như hầu nát tan !
 Rồi chiến cuộc điêu tàn sụp đổ,
 Bao di phần lịch sử còn đâu. !
 Người dân chết chóc dãi dầu,
 Quê-hương đau khổ,lệ sầu ngổn ngang !
 Ôi ! Miền Trung chứa chan tình Mẹ,
 Chứa chan tình em chị chúng ta.
 Trung Nam ruột thịt một nhà
 Đỡ nâng nhau,đề Mẹ già tủi thân.

ÁI-LAN

(1) Cụ Phan bội Châu bị quân thúc,cụ ở dưới một chiếc ghe,neo dưới gốc cây sung trên sông Bến Ngự hàng ngày ngâm thơ vang vọng cả khúc sông.

Bữa tiệc lịch - sử của TỪ - HY - THÁI - HẬU

Lời thuật của THẾ-LAM

Từ năm 1874 đến năm 1970, đã gần một thế-kỷ qua chưa thấy một yến tiệc nào vĩ-đại hơn...

Đây là một yến tiệc dành cho các Sứ Thần ngoại quốc và đoàn tùy-tùng do Từ-Hy-Thái-Hậu khoản đãi vào năm (1874).

Thực-khách gồm 400 người, buổi tiệc kéo dài suốt 7 ngày đêm, phí tổn 98 triệu hoa viên hay 374 ngàn lượng vàng và được sửa soạn trước 11 tháng sáu ngày, phải cần đến 1750 người phục dịch ..

XUÊA kia, bên Trung-Quốc, muốn được liệt vào hàng ăn chơi thì đàn ông, con trai phải có dịp thưởng-thức năm món đặc biệt sau đây :

— Trác-Táng Áo-Môn.

— Nuốt não hầu (óc khi)

— Thưởng-Thức gái Tô-Hàng (Tức Tô-Châu và Hàng-Châu).

— Ăn đồ Quảng-Châu.

— Du-ngọa Tây-Hồ.

Người Trung-Hoa đời nhà Thanh chỉ thích ăn chơi nên đã không ngần ngại tìm ra đủ những

ăn thật lạ, vừa để bồi bổ sức khỏe và cũng vừa là dịp để khoe khoang sự giàu sang phú quý của mình qua các yến tiệc linh đình.

Trong số các yến tiệc được liệt vào hạng linh đình nhất vào đời nhà Thanh. Chỉ có bữa tiệc do Tây-Thái-Hậu khoảng đầu phái đoàn các Sứ-Thần Ngoại-Quốc là to lớn hơn cả.

Sau khi bị bát Quốc Liên-Minh đánh bại tới bờ, Tây-Thái-Hậu Thanh Triều tự hiểu rằng mình không thể lấy võ lực chọi lại võ lực mà phải lấy ngoại-giao chống lại các võ khí tới tận. Bèn cho mời Thái-Thủ Lý-Hồng-Chương vào cung để bàn thảo việc giao hảo với các nước Tây-Phương.

Với sự thỏa thuận của Lý-Hồng-Chương, để tạo dịp gặp gỡ với các sứ thần Tây-Phương, ngày mồng bốn tháng giêng năm Kỷ-Hợi (1873), Tây-Thái-Hậu giáng chỉ sửa soạn một yến tiệc trọng thể để đến tết nguyên đán năm canh Tý (1874), mời các sứ thần đến dự tại Duy-An-Cung trong Hoàng Đạo nội Bắc-Bình.

Bữa tiệc gồm một thực đơn 140 món, khai thiết đúng 12 giờ đêm năm Canh-Tý (1874) kéo

dài cho tới giờ Tý đêm mồng bảy khai hạ.

Vấn theo chiếu chỉ thì, mỗi tỉnh phải tuyển chọn 10 tay đầu bếp thật tài giỏi. Tất cả phải có mặt tại Kinh-Đô từ ngày rằm tháng Hai năm Kỷ-Hợi, tức là trước mười một tháng, sáu ngày, để cùng hội ý trong việc thảo một thực đơn thật hoàn toàn, đúng nghĩa là một đại yến nhằm nâng cao uy-tín của nhà Thanh trước những đại diện các Cường quốc Tây-Phương.

Sau gần hai tháng hội ý các đầu bếp đã hoàn thành được một thực đơn gồm 140 món, trong số có bảy món đặc biệt, mỗi ngày chỉ dùng một món. Bảy món đó dành dùng trong bảy ngày đêm, quan khách khi ăn vào rồi sẽ không còn cảm thấy một mỏi, không bức bối. Họ cứ việc ngồi ăn liên miên, họa chăng có nghỉ thì chỉ trong vòng vẹn vài ba phút để đi tiểu và đại tiện mà cầu tiêu thì chỉ cách phòng ăn có một trăm thước mà thôi.

Bảy món đặc biệt ấy là :

1) — Cỏ Phương-Chi.

2) — Tượng-tinh (khí voi)

3) — Chuột bao tử.

4) — Náo hầu (óc khỉ)

5) — Heo bao tử.

6) — Trứng công.

7) — Sơn-dương-Trùng.

CỎ PHƯƠNG-CHI

Theo truyền thuyết thì vua Khang-Hy nhà Thanh vốn là một vị vua háo sắc nhưng lại là một danh y lỗi lạc nên mặc dù nhà vua có cả hàng trăm cung-phi, mỹ nữ, thân thể vẫn tráng kiện khỏe mạnh nhờ luôn luôn dùng thuốc bồi dưỡng sức lực. Vậy mà khi tuổi già vua vẫn mắc chứng khan háo trong ngũ tạng, một chứng bệnh rất khó chữa.

Bữa nọ, có một dị-nhân xin vào bệ kiến đức vua rồi móc trong túi gai lấy ra một bó cỏ, rễ xanh, lá dài như lá hẹ nhưng màu đỏ tía, ngọn lại trắng. Nhà vua biết là dị-thảo liền hỏi thì nghe nói đó là cỏ Phương-Chi, mọc trên ngọn núi Thái-Hàng về hướng mặt trời mọc. Cái đáng lạ là cỏ này chỉ mọc trên một tảng đá duy nhất và chênh-vênh.

Cỏ Phương-Chi mỗi năm chỉ mọc một lần, bắt đầu vào ngày Trung-Thu. Cỏ chỉ sống trong khoảng thời gian ngắn, độ chừng từ 30 đến 45 ngày, đến khi gặp phải ngọa gió bắc đầu mùa thì lại khô héo ngay.

Và chỉ vào những năm nhuận cỏ mới mọc. Do đó công việc lấy cỏ chẳng phải là chuyện dễ Thường thường, muốn lấy cỏ phải lên đó trước một ngày dất theo một con ngựa trắng tuyền. Khi bình-minh vừa ló dạng thì dẫn ngựa tới phiến đá mà ăn cỏ. Đợi cho ngựa ăn xong là lập tức tuốt kiếm chém ngựa cho chết, mổ bụng lấy dạ dày đem về chế thuốc phơi khô.

Loại cỏ này ăn rất mát và trừ mọi chứng bệnh. Món cỏ Phương-Chi trong bữa tiệc của Tây-Thái-Hậu được nấu với râu rồng (Long-Tu), khách ăn vào liền thấy sáng-khoái tinh thần và suốt một tháng sẽ không thấy khát nước hay một mỏi.

Món Tượng-Tinh

Đây là một món ăn không kém phần cầu-kỳ bởi phải lựa chọn những tổ yến thật to và thật tốt tại bờ biển phía Nam đem về chế

tẩy cho thật kỹ trước khi đem nấu với nước thang nhân-sâm với đường Chửng-Cầu-Chỉ của Cao-Ly. Rồi lại lấy bột Kiết-Châu-Phấn cùng nước lê Vân-Nam thường gọi là Tuyết-Hồng-Lê nấu khô lại và nặn thành hình một con voi nhỏ bỏ vào lò nung cho chín và thật rắn chắc.

Tượng Tinh thì các quảng tượng phải lo lấy sẵn khoảng vài chục lít. Khi đem con voi làm bằng tổ yến ở trong lò ra, người ta sẽ khoét trên lưng voi một lỗ hổng vừa đủ nhét một chiếc bong bóng cá voi đã ngâm thuốc bắc phơi khô vào. Chiếc bong bóng ấy sẽ chứa tượng-tinh (khí voi), đem hấp lần nữa. Khi ăn món này quan khách chỉ việc lấy một cây kim vàng chọc vào bụng voi cho chất nước nhờn ấy chảy vào chiếc chén bạc mà uống. Món này rất bổ cho lực phủ ngũ tạng và trị dứt các chứng nhứt mõi.

Chuột bao tử

Món này cũng đòi hỏi rất nhiều công phu. Người ta bắt chuột đồng về nuôi, cho ăn toàn của ngon vật lạ, những vị thuốc hiếm có, gạo trộn hạt gà, cho uống nước ăn, nước lê. Chuồng nuôi cũng

phải giữ sạch sẽ, mỗi ngày chuộc lại được tắm rửa hai lần bằng nước trầm hay dầu thơm hào hạng. Nhờ ăn uống sung sướng nên khi đẻ con, các chú chuột nhỏ là một món ăn rất béo bổ, cái khéo của các tay đầu bếp là khi dọn món ăn lên, dù bên ngoài có bọc một lớp bột như bánh bao, chuột bên trong vẫn sống để quan khách đưa vào miệng cắn sẽ được nghe tiếng kêu của chuột.

Chuột bao tử cũng như món tượng-tinh, rất tốt cho con tỳ con vị lại làm cho con người sáng mắt ra. Các quan khách đã ăn rất tự nhiên, ngoại trừ sứ-thần của Bồ-Đào-Nha là đã thành thật từ chối món ăn này sau khi trông thấy cái đuôi chuột cọ quảy trong miệng viên sứ thần Anh-Cát-Ly.

Não hầu hay óc khi

Ở Sơn-Đông gần Thiên-Hoa-Sơn có một rừng lê được gọi là ngọc-căn-lê, có thể trị ác chứng can thận, nhiệt uất cùng bệnh ho lâu năm.

Gọi là rừng lê nhưng nơi này lại có rất nhiều khi nên có bao

hiệu là chúng đều ăn hết. Người dân Trung-Hoa đã tìm đủ mọi cách để giữ rừng lê này nhưng vô hiệu bởi khi ở đó rất khôn, săn bẫy chẳng có kết quả gì cả.

Chính nhờ ăn Ngọc-Căn-lê mà khi ở đây thịt rất thơm ngon ăn vào hết bệnh tê liệt hay bán thân bất toại, nhất là chứng loạn óc thì lại càng dễ trị. Tuy nhiên, theo những người sành sỏi thì óc của nó còn tốt hơn nữa.

Tây-Thái-Hậu giáng chỉ cho các tay thợ săn phải bắt cho được 200 con mỗi con sẽ được thưởng 10 lượng vàng.

Số lượng do Thanh-Triều đòi hỏi quá nhiều nên sau mấy ngày liền thảo luận, Lý-Hồng-Chương cho biết là Tây-Thái-Hậu bằng lòng rút xuống còn 80 con, đặt biệt là khi ở Thiên-Hoa-Sơn đầu có ba xoáy, phải đang là khi choai lớn, chưa thay lông. Và tính ra cứ năm thực khách, ăn một bộ óc khi.

Đề sửa soạn; Triều-dinh cho đóng 80 cái hộp tròn, trông giống như cái trống nhỏ, có thể mở ta khép vào được, một đầu khoét lỗ vừa đủ chõ cho chiếc đầu của khi ló lên, lại có một chiếc gong đặc

biệt để nó không còn thể nhúc nhích được nữa.

Số khi bắt về, mỗi ngày được ăn uống tắm rửa, tắm rửa thật kỹ lưỡng. Trước giờ ăn lại phải tắm rửa lần chót và xức dầu thơm phứt. Mỗi con được đặt vào một cái lồng rồi cho uống một liều thuốc đề tất cả năng lực tiềm tàng trong cơ thể con vật ứ bocc, tụ cả lên óc, làm cho chất não gia tăng thập bội tánh chất bổ dưỡng.

Vì muốn cho món não hầu có một ý nghĩa lịch-sử cùng đề cho thực khách bớt phần ghê tởm, Tây-Thái-Hậu đã nảy ra sáng kiến lục tìm trong lịch-sử Trung-Quốc từ đời Phục-Hy Hoàng để đến nhà Thanh, tất cả những tên đại gian thần, nghịch tặc ghê gớm khà ở nhất, nghĩa là những vị quan trọng Triều bị dân chúng ghét bỏ nhất, chẳng hạn như vợ chồng Tần-Cối, như Trương-bang-Xương, Bàng-Hồng, Phi-Trọng v.v... để đặt tên cho những con khi sắp phải chịu chết cho bữa đại yến.

Rồi, người ta còn đội lên đầu mỗi con khi một cái mũ nhỏ xinh xắn, đúng theo chức tước của mỗi tên nịnh thần, có khi cho đeo râu, vẽ mặt nữa, đồng

thời nơi cổ còn đeo một tấm bằng nhỏ ghi tên tuổi đảng hoàng.

Khi tiếng long khánh bằng ngọc của Tây-Thái-Hậu vừa dứt để báo hiệu đến món nào hầu thì các nội-thị bưng đặt lên mặt bàn, mỗi bàn năm thực khách, một cái lòng khỉ. Đoạn tên nội-thị cầm chiếc chày vỗ bằng ngà, một tay nâng nhẹ cái mũ trên đầu khỉ ra, tay kia giáng một vỗ xuống ngay đỉnh đầu. Đập khỉ như thế cũng phải tập luyện kỹ càng để khi cần chỉ đập nhẹ một cái là con hầu không kịp kêu lên một tiếng, mặt mũi đã nhăn nhó, tai mắt nhắm lại.

Và để cho quan khách bớt đi phần nào những cảm giác ghê rợn, nội-thị sẽ nhẹ nhàng ngâm lên một câu, có nhạc đệm êm ả, đại khái : «Tần-Cối đã đền tội trước nhân-dân, hay Trương-Bang-Xương đã chịu thọ hình...»

Miệng ngâm nga, tay tên nội-thị cầm cái bô dài bằng lụa bạch có hồ hai đầu chụp lên sọ con vật, chỉ để hở một lỗ vừa đủ thọc cái muỗng bạc vào xúc óc khỉ. Nào hầu sẽ được xối lên bằng nước sâm nóng hổi để cho óc tái đi một chút. Và trong lúc quan khách mức nào ra ngoài thì nội-thị sẽ

cầm một chiếc nĩa bạc gạt bỏ những mảnh sọ vụn vật còn sót lại, và gạt màng da đầu qua một bên cho quan khách dễ mức.

Món Heo bao tử

Ở vùng Phúc-Châu bên Trung-Quốc có một giống heo rất quý nhờ thịt rất thơm ngon và bổ béo. Được như vậy là nhờ ở gần đó có ngọn đồi Châu-Tịch-Xương có mọc một thứ củ giống như củ Hoàng-Tinh. Củ này chỉ mọc tại đây còn lấy giống đem về trồng tại nơi khác sẽ chết tức khắc. Người Tàu đặt tên là Tí-h-Vân-Lang dùng để nuôi heo rất mau lớn và thịt lại thơm ngon vô cùng.

Số heo sự liệu cho bữa tiệc gồm 60 con, 20 con đực và 40 con cái, đem về nuôi toàn bằng chất bổ, uống toàn nước sâm. Heo mặc sức sinh đẻ, và lớp heo sau như tinh khiết, hợp chất bằng sâm nhung. Khi sửa soạn đem đãi tiệc thì dùng toàn heo mới sanh được hai tháng mà ta thường gọi là heo sữa.

Năm ngày trước bữa tiệc, các đầu bếp chọn lấy 100 con heo sữa béo tốt nhất, không thọc tiết làm lông, chỉ đập chết và thui qua cho cháy hết lông đoạn dùng

dao xắt thịt từng vệt dài, bỏ hết ruột gan, phèo phổi, rồi ướp bằng đủ các thứ thuốc quý trong ba ngày rồi bỏ vào nồi hấp cách thủy. Lúc đem ra ăn thịt thơm ngon không hề xiết, xương mềm nhũn.

Món heo bao tử này của Tây-Thái-Hậu đã làm cho các quan khách phải nhớ mãi mãi mỗi khi được ai mời một món tương tự.

Món trứng công

Nem công chả phụng vốn là phẩm thực quý hóa. Có điều là nem công rất dễ làm chứ trứng công thì lại là một món hiểm hoi vô cùng. Trứng công hiểm hoi là bởi phải làm sao tìm được chỗ công đẻ mà lấy trứng, cũng như không dễ gì để gần được ổ trứng vì loài công khi đang ấp trứng rất dữ, nếu cảm thấy bị đe dọa sẽ chống cự kịch liệt, bằng thấy khó bảo vệ được bầy trứng thì chúng sẽ phá cho vỡ nát hết.

Trong thực đơn của Thanh-Triều lại có cả món này, để làm vừa lòng Tây-Thái-Hậu, đã có biết bao nhiêu người ra đi rồi lại đành phải về tay không. Nghe Lý-Hồng-Chương tâu lại, Tây-Thái-Hậu vô cùng buồn bã. Cũng may

là trong lúc ấy, có một viên tướng trẻ xin ra mắt Tây-Thái-Hậu và tâu rằng :

— Muôn tâu Mẫu hậu, hạ thần có người anh họ ở Tứ-Xuyên, nuôi được bầy khỉ 100 con, được huấn luyện kỹ càng chuyên đi hái trà và tìm các thứ lá cây rừng có chất thuốc quý tại các nơi núi non hiểm trở. Bầy khỉ này rất thông minh lại nghe được tiếng người nên hạ thần trộm nghĩ, có thể huấn luyện cho chúng đi tìm trứng công về dâng Mẫu Hậu.

Tây-Thái-Hậu chăm chú nghe xong, suy nghĩ giây lát rồi khen đó là một sáng kiến hay liền truyền đem 100 tấm vóc Bạch-câu, 1 ngàn lượng vàng để trước mặt viên tướng nọ và dạy rằng :

— Trẫm thưởng khanh những thứ này dùng làm lộ phí đến Tứ-Xuyên lo việc tìm trứng công. Nếu khi công việc xong xuôi trẫm sẽ thưởng thêm cho mỗi trứng 10 lượng vàng nữa.

Viên tướng nọ phụng mạng ra đi để cùng người anh họ luyện tập khi đi tìm trứng công. Và họ đã thành công, lấy được 500 trứng nhưng khi bị công mổ chết mất một phần ba.

Món Sơn - Dương - Trùng

Món ăn đặc biệt thứ bảy và cũng là món cuối cùng của buổi đại yến là món «Sơn-dương-Trùng» tức là dòi dê rừng. Thoạt nghe thật là ghê tởm, nhưng nó lại là một trong những món ăn rất ngon mà thể gian ít nghe nói tới.

Để đi bắt sơn-dương, Tây-Thái-Hậu đã giảng chỉ cho các tay thợ săn Hồ-Bắc, tức là những kẻ chuyên sống nghề bẫy rừng vượt núi, có tài bắn bách phát bách trúng, bẫy muông thú như lấy đồ trong túi áo, vào rừng săn bắt một cặp sơn dương to lớn.

Sau thời gian gần một tháng vượt đèo băng suối, đoàn thợ săn Hồ-Bắc đã bắt được ba cặp sơn dương đang có chứa tại một khu rừng Thiểm-Tây đem về dâng Tây-Thái-Hậu và được lãnh thưởng mỗi con 50 lượng vàng.

Mấy cặp sơn dương nài giao cho các tay đầu bếp chế thành món sơn dương trùng. Đoàn dê này được thả trong một khu vườn rộng thênh thang, có cỏ non tươi mát. Lại được ăn cả cỏ lạ từ Vân-Nam và Quảng-Tây tải về mỗi ngày. Loại cỏ này có tên là «đồng trùng hạ thảo», một thứ cỏ rất quý vì có vị thuốc bổ dưỡng

can thận, mùa hạ thì còn là một thứ cỏ mịn như nhung, sang đến mùa đông thì ở bên trong ngọn cỏ có sinh một con sâu giống như sâu dâu, ăn rất bổ.

Đàn sơn dương này vừa ăn cỏ quý lại vừa ăn các búp non, lá cây thuốc nên mạnh vô cùng và đẻ con cũng to lớn khác thường.

Khi những con sơn dương non mới được hai tháng, nghĩa là vừa ráo lông và bắt đầu lớn thì trước ngày khai tiệc yến tiệc, đầu bếp lấy 14 con sơn dương còn măng sữa, làm lông sạch sẽ, moi bỏ nội tạng, để mỗi con vào một cái thùng cây to lớn, đổ nước gừng và nước rượu quý ngâm trong một ngày, qua ngày thứ nhì, họ sẽ vớt ra bỏ ròi những chiếc bể bằng sứ, đổ sữa dê tươi hòa với nước sâm nhưng, Ngâm như vậy trong hai ngày, đến ngày thứ ba, người ta lấy những bông hoa quỳ bạch thường gọi là Phan-bạch-Quỳ, thứ bông sen trắng của xứ Cao-Ly, thường nở vào mùa đông, tẽ các nhánh hoa ra, lấy dùi vàng xuyên thủng từ hương sen xuống tới cuống hoa rồi ghim vào mình sơn dương.

Vấn cứ ngâm như vậy cho đến ngày thứ mười, tức đúng hôm

tiệc tàu nhằm ngày mồng 7 thì tự nhiên trong hoa sen lúc nhúc những dòi, những con dòi trắng muốt. Đầu bếp sẽ lấy những con dòi ấy mà chế thành món sơn-dương-trùng rất thích hợp cho những người bị bệnh lao phổi cùng bệnh tê bại hay bán thân bất toại.

Đầy, bữa tiệc lịch-sử

Ngày từ ngày 23 tháng chạp năm Kỷ-Hợi (1873) các quan khách đã nhận được thiệp mời. Số quan khách gồm có 212 vị trong phái đoàn Bát-Quốc-Liên-Minh, phần đông là các sứ thần, Đại-sứ, Thủy-Sur Đô-Đốc các Thượng-Tướng lục quân, cùng 188 vị được tuyển chọn trong hàng công thần.

Tất cả đều tề tựu tại Duy-An-Cung. Trong lúc ấy thì Tây-Thái-Hậu đang dự lễ trừ-tịch ở Tôn-Long-Miếu.

Đại-Tám Duy-An-Cung đã được trang hoàng từ nửa tháng trước. Dưới đất, trải thảm long ban rực rỡ, cờ xí phất phới, các bàn tiệc được bày theo thể bát quái đồ, xung quanh có các vệ-sĩ chấp kích bận triều phục đầy vẻ uy nghi làm-liệt, khí giới sáng quắc. Mặc bàn tiệc trải thảm ngũ

sắc, gấm vóc lụa là, đĩa chén, muông nĩa đều bằng pha lê và nạm vàng giá trị ngọc.

Ba hồi chiêng trống long phụng vừa dứt, tiếp theo là hồi ngọc khánh báo tin Thái-Hậu xuất-cung. Các quan khách đồng đứng dậy, mắt hướng về phía long kiệu.

Long-kiệu do tám vệ-sĩ lực lưỡng khiêng và đặt ngay giữa hai hàng quan khách. Một tiếng hô như xé trời, nhiều cái đầu rạp xuống, riêng các xứ Thần Tây-Phương thì chỉ khẽ nghiêng mình. Tất cả đều yên lặng quá trang nghiêm.

Lý-Hồng - Chương khoan mình bước tới vén nhẹ tấm áo nơi long kiệu. Tây-Thái-Hậu nhẹ nhàng lách mình ra và khẽ gật đầu chào quan khách. Thái-Hậu hôm ấy lộng lấy trong chiếc long bào màu đỏ, nổi bật hai con rồng vàng uốn khúc lẫn sau những đám tàn vân giá trị ngọc. Đầu đội mũ bình thiên bằng vóc hồng, lụa tua những chuỗi ngọc rủ trên trán. Nói tóm lại thì toàn thân Tây-Thái-Hậu toàn vàng với ngọc.

Tây-Thái-Hậu tiến vào chỗ ngồi rồi dùng chiếc phất trần quơ nhẹ một cái để ngăm mới các quan khách an tọa.

Lại thêm ba hồi chiến trống. Lý - Hồng - Chương, thay mặt Triều đình nhà Thanh, ngỏ lời cùng quý vị quan khách. Theo lời họ Lý, thì đây chỉ là một bữa tiệc nhỏ để gắn chặt tình hữu nghị giữa nhà Thanh và các cường quốc Tây Phương. Đáp từ Sứ-Thần xứ Anh-Cát-Lý thay mặt Bát-Quốc-Liên-Minh, cảm ơn sự tiếp đón quá ư nồng hậu của Thanh-Triều nói chung và Tây-Thái-Hậu nói riêng.

Và buổi đại yến bắt đầu bằng 3 tiếng ngọc khánh. Tiếng nhã nhạc của tám ban nhạc kỳ cũng thổi lên khoan nhặt.

Món ăn thứ nhất được bưng lên. Cũng nên nhắc lại là buổi tiệc này ăn suốt 24 tiếng, đồng hồ trong một ngày và kéo dài 7 ngày liên tiếp, mỗi ngày ăn 20 món.

Quan khách ngồi cách nhau 1 thước tây, cứ mỗi quan khách thì hai bên có hai người hầu trai và một người hầu gái, v phục chỉnh tề đứng hầu chờ quan khách sai vặt.

Cứ ăn hết một món lại nghe tấu một bản nhạc. Và khi dùng hết năm món thì mỗi quan

khách lại được uống một chén nước thuốc cho tiêu hết các thức ăn đang chứa ở dạ dày. Từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn, khách được uống thuốc này hai lần. Lại kèm theo thứ rượu bổ thượng hạng làm cho cơ thể ngủ tạng được khoan-khoái, lực phủ được Khang-Trang, không chút mỏi mệt. Suốt bảy ngày ròng rã, tinh thần quan khách luôn luôn sáng suốt, ăn bao nhiêu là tiêu tán tức khắc.

Bây giờ nhắc tới đây nhà cầu dành cho quan khách. Nhà cầu ở cách bàn tiệc trong khoảng gần 200 thước (100 thước) gồm có 28 phòng xây theo thể nhị thập bát tú. Đó là những cái lầu nhỏ được kiến trúc rất mỹ-thuật, trần thiết y môn, có màu che, có đèn kết hoa, có biểu đặt những tên thật mỹ miều như: Tuyết-Vân-Lâu, Hoàng-Hạc-Các, Khuê-Vân-Đài, Trúc-Thạch-Sảnh v.v...

Muốn lên lầu, khách sẽ bước trên những bậc bằng đá vân hoặc những chiếc cầu trúc xinh xắn. Nơi cửa mỗi lầu có bốn, năm mỹ nữ xiêm áo lộng lẫy, người cầm lẵng hoa, người xách lẵng trầm hương thơm ngát. Mỗi lần quan khách bước lên đều được

tiếp đón bằng một vũ điệu rất hấp dẫn và được các nàng tung hoa rắc trầm cho thơm người.

Điểm lạ hơn nữa là từ bàn tiệc đến chân lầu là một hàng rào danh-dự toàn cung tần mỹ nữ, người nào cũng đẹp như mộng và sẵn sàng cười duyên với quan khách.

Tây-Thái-Hậu ngự thiện, ngự-phiện và tắm quất

Cứ mỗi lần dùng một món là Tây-Thái-Hậu lại khua khánh ngọc và viên nội-giám lại nghiêm nghị, vòng tay cất cao giọng tên món ăn.

Riêng Tây-Thái-Hậu có 4 nội thị đứng hầu ngự thiện. Nhưng Thái-Hậu chỉ dùng 3 món trong khoảng 4 tiếng đồng hồ đoạn ngự ngọa, nằm dài trong long khám. Những lúc ấy, người nữ tỳ sẽ nhanh tay buông rũ bức rèm xa vân hồng trong lức 3 nữ tỳ khác, mỗi người mỗi việc tiem nha phiện cho Tây-Thái-Hậu ngự phiện cho tới khi nào thấy Ngài dùng tay ngoái vào lỗ mũi thì thôi.

Và cứ bốn tiếng đồng hồ thì cái cảnh ấy lại tái diễn. Và khi đêm đến, từ giờ Tý, Tây-Thái-Hậu cử Lý-Hồng-Chương thay mặt tiếp đãi quan khách còn Tây-Thái-Hậu thì lại rút vào long khám cho nữ tỳ xúm lại đấm bóp cho rần rần cốt để rồi từ giờ Sửu tới giờ Dần là tới phiên 4 viên nội giám vừa đẹp trai lại vừa khỏe mạnh luân phiên hầu hạ Thái-Hậu. Trong số các người thường được vờ tới hầu hạ Tây-Thái-Hậu, chỉ có Lý-Hồng-Tảo, em Lý-Hồng-Chương là được Thái-Hậu sủng ái nhất.

Và đại yến cứ tiếp tục kéo dài cho tới nửa đêm ngày mồng 7 thì quan khách mới bắt đầu ra về.

THẾ-LAN

(Vùng-Tàu, Những đêm dài trên Cốc vắng)



CỤ SÀO - NAM KHÓC V. N. Q. Đ. Đ

Hồi tháng hai năm 1928, cụ đã nhận làm
chủ tịch danh dự Đảng này

● Sự tầm của SỞ-THƯỢNG-GIANG

MỘT việc mà đến nay có
nhiều người không biết rõ là cụ
Sào-Nam Phan-Bội-Châu vốn là
Chủ tịch danh dự của Việt-nam
Quốc-dân Đảng ngay sau Đảng
này thành lập.

Vào tháng hai năm 1928, sau
khi Đảng này vừa thành lập
xong, Đảng đã cử ông Nhượng
Tống vào Huế để yết kiến cụ Sào-
Nam để nhờ Cụ giúp Đảng có
thêm uy tín về mặt ngoại giao.
Cụ đã vui lòng chấp nhận.

Ngày 16-6-70 vừa qua, tại Thủ
đô Sài Gòn, Ban chấp hành đã làm
lễ kỷ niệm 40 năm Đảng ra đời,

đồng thời kỷ niệm luôn những
đồng chí trong Đảng đã anh dũng
hy sinh cho Tổ Quốc; nhơn dịp
này chúng tôi xin đăng lại một bài
văn tế của Cụ Sào-Nam, sau khi
hay tin VNQDD bi vỡ lở, một bài
văn hùng tráng mà lâm ly, rất ít
người đã được nghe qua.

Bài văn tế nhau đề là: Văn tế
các vị Tiên liệt Việt-nam Quốc
vân Đảng.

«Lò trời đất đức nung chính
khí, lúc trời nghiêng đất lệch,
sắt vào than thêm tổ sức bền dai,

Cuộc bể dâu nhào xáo nhân
tài, cơn bể nổi dâu chìm, vàng
thử đá mới rành gan cứng cõi.

Vận nước trải Đinh, Lý, Trần,
Lê, Nguyễn, hơn ngàn năm vừa
xóc sỗ càn khôn,

Quả cầu xoay Á, Mỹ, Úc, Phi,
Âu hai lăm triệu phải chung vai
sông núi.

Tân vũ đài mong mỗi xứ
ba Kỳ,

Cụu Đồng chí xót xa người
chín suối.

Hỡi ôi ! Tiên liệt các anh
các chị.

Tiếng trỗi muôn loài, trời
nghiêng tám cõi.

Giữa trần ai đương dấu mặt
anh hào,

Trong bạn lựa đã ghê tay
sừng sồi.

Ơn cha mẹ trời Nam đất
Việt, khuôn thiên lựa lọc,
ngọc tốt vàng tinh,

Dòng thần tiên con Lạc
cháu hồng, dấu cũ rõ ràng
thần truyền thánh nói,

Khắp Bắc kỳ, Trung kỳ,
Nam kỳ chung họ lớn, nước
ấy nhà mà nhà ấy nước, cỏ
đề này ai có dám riêng tây.

Xem Nga quốc, Đức quốc
Trung quốc mấy năm gần,
dân tức quốc mà quốc tức

dân, nghĩa vụ ấy ta càng nên
gắng gỏi,

Anh chị đã tư tưởng chứ,
lâu ngày.

Thời thế lại phong trào
vừa gặp hội.

Chém cha đế quốc... nhà
tư bản... kia, lược đoạt rành
nghề, tham tàn quen thói,

Gươm đã man toan diệt
giống da vàng,

Cờ khai hóa khéo che
phương mắt tối.

Trâu ngựa người mượn
văn minh làm dây nhợ,
trường học gái, trường học
trai, trường học Cao đẳng, sọ
quốc dân nhồi nắn dưới tay
hùm ;

Dao búa thịt nhờ kinh tế làm
thép gang, của con ta, của
em ta, của cô di ta, máu lao
động chứa chan đầu miệng
sôi.

Mây bất bình mãi mãi dật
bùng thêm,

Sóng cách mạng bùng
bùng vùng vục nổi.

Các anh các chị tiên linh
ta !

Khí giận nổ trời, máu
gan dốc suối !

Giai cấp sau vô lý thế, lẽ
chi công nên vạch đất chia
ngang,

Đồng bào ta há có tội gì,
câu vô đạo phải vạch trời gan
hỏi.

Vì vậy, võ cả muốn tay,
đúc thành một khối, kẻ mạnh
hung, người khôn khôn
giỏi.

Có kẻ râu mày mà quốc
thước, giắc lưng đầy chục
muôn binh,

Có người khăn yếm mà
anh hùng, vào Đảng mới hai
tám tuổi.

Kẻ lăm le miệng sấu, trắng
hai tay toan xô trục Hải
phòng,

Người nhây nhót hang
hùm, đồ đôi mắt quyết đập
thăng Hà Nội.

Có kẻ chu du xứ Bắc, xẽ
rừng vạch núi, tìm tôi nơi
đúc súng chứa bom,

Có người bốn tàu miền
Nam, giải gió dầm mưa, moi
móc cách đưa đường đến lối,

Trải Binh dân, Đinh mỗ,
Mậu thìn qua Canh ngo, giữa
trung ương ngoài các bộ,
chấn năm năm lông cánh đã
um sùm,

Khấp Sơn-tây, Nam-định,
Bắc-ninh về Kiến-an, trên
Tán-lĩnh, dưới Hồng-hà,
hơn nghìn vị chân tay đều
lợi-lãi.

Can đảm thiết mấy tay
gươm súng, mượn giáo giắc
giết đầu giắc, rạch bảy gan
óc quyết đôi phen,

Khí phách thay mấy bạn
quần thoa, say việc nước
quên việc nhà, rủ rập chị em
thành một đội.

Giải đồng tâm đã thủy tất
hữu chung,

Chi tráng sĩ quyết tấn nhi
vô thối.

Gươm ba thước chọc trời
kinh chớp cháy, này Lâm
thao, này Yên báy, này Vĩnh
bảo, khi phục thù hơi thở
tột từng mây,

Súng liên thanh vang đất
thọt (?) reo non, nào chủ
đồn nào xếp camp, nào quan
binh, ma hút máu hồn bay
theo ngọn khói.

Trách nông nổi trời còn
say lị, trước cờ binh sao
quay gió cản ngăn

Tiếc sự cơ ai qua lờ mờ,
dưới trường giắc bấy nhiều
tay len lõi.

Ma cường quyền đắc thế
sinh hung uy,

Thần công lý bó tay nghe
lử tội.

Ôi thôi ! mù thăm mây sâu,
gió cuốn mưa vội !

Cửa quỷ thành thành,
đường trời vội vội !

Nhân dân chi sĩ, sát thân
vào luật dã man,

Nữ kiệt nam hùng thất thế
đụng hồi đen rủi.

Trường tuyên án chị chị
anh anh cười tủm tỉm, tức
nổi xuất sư vị tiếp, vai bề
non gánh nặng triu triu,

Đoạn đầu dài sau sau trước
trước bước thung dung sớm
gan thị tử như quy, mặc cây
cỏ máu tươi thêm chói chói.

Tuy kim cổ hữu hình thì
hữu hoại, sóng Bạch đằng,
mây Tam đảo, hơi sâu cuốn
cuộn, bóng rồng thiêng đáng
ông Học xa xuôi,

Nhưng sơn hà còn phách
ất còn linh, voi bà Triệu,
ngựa bà Trưng, khi mạnh
nhơn nhơn binh hạc gió hầy
cô Giang theo đuổi.

Đoàn trẻ chúng tôi nay,
Tiếc nước càng đau, nghĩ
mình càng tủi,

Nghĩ lớn khôn quên,
đường xa dám mỗi.

Dây nỏ lệ quyết rày mai
cắt đứt, anh linh thời ủng
hộ, mở đường Côn nhậy
Băng bay.

Bề lao nông đua thể giới
vẫy vùng, nhân đạo muốn
hoàn toàn, phải rán sức rồng
giành cộp chọi.

Đông đủ người năm bộ
lớn đốt hương nồng, phá
máu nóng, hồn thiên thu như
sống như còn.

Ước ao trong bấy nhiều
niên, rung chuông bạc mùa
cờ hồng, tiếng vạn tuế càng
hè càng trời.

Hồn xin chứng cho ! Tinh
không xiết nói.

Thượng hưởng !

(Kỳ tôi tiếp đăng cùng một tác
giả bài văn tế Cô Giang.)





... MẠC-TƯỜNG

BỨC TƯỜNG

N GÀY tháng bảy giờ đối với ông Sum hầu như không còn một ý nghĩa gì hết. Sức phấn đấu của quãng đời ông trong hàng ngũ kháng chiến là một giấc mơ vừa chợt tỉnh. Nó làm ông bàng hoàng nuối tiếc như một dịp soi gương để nhìn thực tại. Như một dịp đối mặt thật sự với quãng đời còn lại của mình. Mỗi ngày nào đây. Phải mỗi ngày nào đây. Thế mà đã ba mươi năm dài đằng đẵng trôi qua như một bất ngờ thẳng thốt. Đường như còn quanh quẩn đâu đây ngày ông quyết định rời khỏi hàng ngũ kháng

chiến, sau những năm sống với muỗi mòng bưng ruộng, dù đã bị mất đi sự hăng say ban đầu, ông vẫn còn chút hy vọng và tin tưởng để trở lại nghề dạy học ngày hai buổi ở thành phố. Công việc đó cũng chẳng có gì sôi động quyến rũ, cũng chẳng có gì say mê lôi cuốn. Nhưng ông thấy được yên ổn và an tâm trong bốn phạm thu hẹp với vợ con gia đình.

Buổi chiều đến với ngoài sân trường. Giờ tan học đã điểm. Đám học trò lũ lượt ra về như đàn ong vỡ tổ. Ông Sum đứng lặng người nhìn cảnh tượng

nhộn nhàng và vô tư đó, cho đến khi cổng trường từ từ khép lại. Ông chợt nghe cõi lòng mình trống trải nguội lạnh đến tê buốt, ông chợt đi chợt ở. Ông chợt tỉnh chợt mê. Ông bước đi mà không biết đi đâu. Ông bước đi trong tan nát tận cùng, Ông bước đi trong đầy vò đổ vỡ. Một buổi sáng đẹp trời từ tỉnh đến Saigon. Một ngày nắng hồng từ Saigon đến Nam Vang. Rồi một ngày mưa lũ từ Nam Vang trở lại Saigon. Qua bao nhiêu trường, bao nhiêu lớp, với những thay ngôi đổi chủ. Đám học trò có đứa đã làm nên công danh sự nghiệp. Có đứa thỉnh thoảng trở lại thăm thầy với một ghi nhớ cảm động. Có đứa ngoảnh mặt xa lạ. Điều đó không có gì đáng nói như những ngôi nhà mua đi rồi bán lại, đến rồi đi, như đồng tiền vừa cầm trong tay là vừa trao lại, Qua những lên xuống đổi thay, con Tâm, thằng Thảo, thằng Bạch và con Uyên lần lượt ra đời. Rồi con Tâm đã có chồng có con, Thằng Thảo đã nổi nghiệp ông và đã ra ngoài mặt trận theo thời cuộc. Thằng Bạch đã vào đại học, con Uyên cũng sắp sửa. Ngày tháng đều đặn trôi qua, chúng đã lớn khôn hết rồi còn gì. Bỗng nhiên ông Sum chép

miệng thở dài. Một tiếng nổ thốt lên từ đáy lòng không dần được. Một tiếng nói bất ngờ và thật khẽ đủ để chính ông nghe, buồn... buồn thật!

Ánh nắng đã tắt hẳn trên đường phố. Ông Sum bước đi giữa thiên hạ loài người, nhưng ông vẫn thấy mình lẻ loi đơn độc. Đời sống ông buộc ông phải giải quyết. Chính ông phải giải quyết lấy. Không ai có thể giúp ông. Không một lời nói nào có thể giúp ông được. Và chính ông, từ lâu, đã biết mình không đủ sức, cũng không một dịp may để giải quyết điều gì, trong khi nhiều việc buộc ông phải làm. Ông biết sức người có hạn và đã đến lúc ông phải chịu buông xuôi trước sự đã rồi. Ông chỉ còn một hy vọng duy nhất là trúng số. Và một an ủi phù du là rượu. Rượu làm ông vui đi phần nào những dằn vặt mà ông không thể quên lãng hoặc xua đuổi đi được. Trước kia ông uống rượu vì vui, vì bạn bè. Bây giờ ông uống rượu vì buồn, và chỉ một mình với những nhục nhằn ray rứt, với những dờ khóc dờ cười. Nhưng ông nghĩ cái gì ông đã tạo ra là ông trách nhiệm. Sự hối hận không đem lại cho ông điều gì hết. Đàng nào ông cũng

đã có hai gia đình rồi.

Ông Sum ngồi uống lai rai thế mà đã chín giờ hơn. Ông không thể tiếp tục uống nữa, Ông cũng không biết đi đâu bây giờ. Ông không còn một người bạn thân thiết nào khả dĩ có thể giúp đỡ ông về vật chất cũng như tinh thần. Bà Sum thì từ lâu Sống lạnh lùng bên cạnh ông, con cái không còn tin tưởng. Ông đi, ông về không một sản đốn. Tự làm lấy mà ăn, tự làm lấy mà ngủ. Ông sống trong dửng dưng ghẻ lạnh gần như một khách trọ giữa những khách trọ xa lạ khác. Ông cũng biết mình có những lầm lỗi đối với bốn phận một người cha, một người chồng. Nhưng trong một phút nào đó, ông vẫn thấy lòng mình buồn bã như chưa bao giờ buồn bã như vậy.

Ngôi nhà của ông đêm nay có vẻ vắng lặng làm sao, Sự thật thì nhiều năm rồi nó vẫn thế. Thường thì cứ chạng vạng tối là bà Sum đóng cửa tắt đèn, chỉ chừa một ngọn ở nhà sau để làm một vài công việc lật vật gì đó rồi đi ngủ. Bà có thói quen phải thấp hương và cúng nước lạnh nơi bàn Phật và bàn ông trời mỗi chiều và mỗi sáng. Bà tin tưởng tất cả vào đó, rằng mọi

sự ở đời này đều do trời Phật quyết định cả. Bà không bao giờ bỏ lỡ một dịp thấp hương và cúng nước lạnh như thế không có một quyền năng nào buộc bà đừng làm thế. Theo bà thì không một công việc gì khác có thể thay vào những lúc đó được. Ông Sum mở cửa bước vào và đóng ập cánh cửa lại. Bàn tay ông hơi run rẩy vì men rượu đã tàn phá ông từ những năm qua. Tiếng cồng sáo va chạm làm bà Sum thức giấc. Bà biết ngay là ông chớ không còn ai khác nữa. Bà mở cửa chờ ông vào rồi cẩn thận đóng cửa lại chẳng nói một lời. Và bà trở lại với giấc ngủ chẳng khó khăn gì.

Nhờ men rượu giúp sức, ông Sum thiếp đi tương đối dễ dàng. Nhưng chỉ độ hai ba giờ khuya là ông thức dậy. Sau đó ông không tài nào chợp mắt được nữa. Những tiền bạc, nợ nần và danh dự khuấy động trong đầu ông như một đoàn quân tàn bạo. Nhiều lúc cùng cực ông nghĩ rằng danh dự không là cái quái gì hết. Làm gì có danh dự giữa cái xã hội này. Làm gì có liêm sĩ giữa thời buổi này. Số dĩ ông ra nông nổi như vậy là một phần vì những lý lẽ đó. Nhưng cuối cùng rồi ông cũng không làm sao vượt nổi bức tường đã

trở thành mẫu mực đối với ông tự thuở nào. Ông vẫn thấy mình bị tự ái. Ông vẫn thấy mình bị xúc phạm danh dự. Ông vẫn thấy mình bị tủi nhục trước những kẻ đã nặng lời với ông, khinh thường ông, xô lá ông và ngoảnh mặt phản trắc ông.

Ông Sum bật đèn lên ngồi đọc báo để chờ sáng. Ông đọc hết tờ này đến tờ kia. Từ tin tức thời sự đến những «thắc lắc khiêu nại», những «chó cán xe» và cả những ô quảng cáo, rao vặt. Ông không bỏ sót một chữ trong tờ báo. Đọc báo chán chê, ông quay ra làm thơ hoặc viết tiếp tập hồi ký còn dở. Ông nói rằng, ông muốn ghi lại những sự kiện diễn tiến suốt đời ông để sau này con cháu đọc chơi cho vui, và cũng để chúng cảm thông với những bất trắc, bi đát không ngờ như một định mệnh mà ông phải cam chịu. Ông viết đứt quãng từng cảnh từng hồi vì ông không thể nhớ một cách liên tục những gì đã xảy ra suốt năm mươi năm qua. Ông có một tài thơ đẹp như thiếu thốn. Hồi vào học chuyên nghiệp ông phải ở nội trú. Mỗi tháng bà cụ chỉ gởi cho ông có năm đồng và mỗi lần nhận được «màn đạ» ông muốn rót nước mắt. Lúc

đó ông đã mười sáu tuổi mà vẫn chưa có một bộ đồ tây. Ông chỉ mặc toàn đồ bà ba vải ta và đi guốc đồng. Và cũng trong thời gian đó ông bắt đầu phải sống tự lập chớ không được nuôi dưỡng đầy đủ như những đứa trẻ may mắn khác. Nhưng bù vào đó, ông đã được sống những nhày thanh bình nơi thôn quê miền nam. Với thú câu cá trên những cánh đồng bao la bát ngát thơm mùi cỏ non lúa chín. Với những ngày đuổi chim bắt cá hoặc chèo thuyền trên sông rạch lúc hoàn hồn. Với những mùa hè đầy ý nghĩa. Với những ngày khai trường đầy phấn chấn, rộn rã. Và trăm ngàn thú vui bình dị khác nữa không thể nào diễn tả hết được. Quảng đời đó thật ngắn ngủi. Quảng đời đó là một cái gì đầy nuôi tiếc mơ tưởng. Rồi những biến chuyển lịch sử dồn dập, ông phải từ giả tất cả để hát bản «mùa thu rồi, ngày hăm ba ta đi theo...» Và từ biến chuyển này nối tiếp biến chuyển khác, cho đến bây giờ đời ông chỉ còn lại những kỷ niệm đau thương buong xuôi theo thời gian diêm trắng trên mai đầu...

Trời sáng dần. Đài phát thanh bắt đầu cử những bản nhạc chào bình minh, Ông Sum pha

café uống. Thường thì ông chiến cơm ăn lót dạ rồi tới trường, hay một mẩu bánh mì cũng xong.

Trong ngôi nhà chia đôi này, dường như lâu lắm mới xảy ra một sinh hoạt vui vẻ và đầy đủ, còn thì những cái vả lật vặt hầu như cả ngày lẫn đêm, hoặc nếu không thì tất cả đều là khách trọ qua ngày. Mỗi người một im lặng. Mỗi người có một suy tư. Mỗi người có một nhìn thấy, một đời sống và một việc làm riêng rẽ, đều đặn từ ngày này qua ngày nọ và từ nhiều năm tháng rồi. Ông Sum đi về với cuộc đời đã quá tầm tay với như con thuyền đã trôi dạt xa bến bờ, chỉ có rượu là niềm an ủi duy nhất, đồng thời cũng là một thứ thuốc độc giết mòn giết dần đời ông.

Buổi sáng thức dậy, việc làm đầu tiên của bà Sum là thấp hương và cúng nước lạnh, cũng như buổi tối trước khi đi ngủ bà đã thu gọn cuộc sống mình vào niềm tin đó. Bà ít khi nói đến những mơ ước về gia đình con cái. Chẳng hạn như một ngày nào đó con bà sẽ có một địa vị cao cấp trong xã hội, hay một ngày nào đó, dù muốn dù không, bà cũng phải lo việc dựng vợ gã chồng cho chúng.

Bà cũng thương yêu con cái như trăm ngàn người đàn bà khác. Nhưng điều bà thường hay nói đến là, một ngày kia, bà mơ ước được trở về quê hương Ba Phốp nơi chôn nhau cắt rún của bà, dựng một căn chòi nhỏ đủ một mình bà ở để tu hành. Bà chán ngán việc chồng con sinh đẻ. Bà nói chỉ có tu mới là cội phúc, còn tất cả chỉ là tội lỗi, oan nghiệt mà khi chết đi rồi người ta mới biết, và chừng đó thì đã quá muộn.

Tâm đã lấy chồng hơn hai năm qua và đã có một mụn con. Mục đích lấy chồng của nàng cũng là để thoát khỏi ngôi nhà đó, nhưng khổ nỗi là nàng không toại nguyện. Ngai hai buổi đi làm, săn sóc chồng con, nàng chỉ biết sống an phận với gia đình nhỏ bên cạnh một gia đình lớn đang ở trong tình trạng băng giá. Điều hy vọng duy nhất của nàng là có nhiều tiền để thực hiện một đời sống theo dự tính. Nhiều lúc nàng thấy buồn bã vô cùng, nhưng chỉ biết âm thầm chịu đựng, không hề thổ lộ với một ai ngay cả với Khôi. Những tiếng thở dài của ông Sum giữa đêm khuya làm nàng thấy thương ông hơn bao giờ hết. Nhưng làm thế nào để biểu lộ tình thương

bề cả đó? Làm thế nào có một số tiền đồ sộ để giúp ông Sum? Làm thế nào để đưa con thuyền sắp đắm vào bờ giữa cơn giông bão cuồng nộ? Những tính toán của nàng chỉ là những giấc mộng không thành hình. Từ ngày còn đi học như Uyên đến bây giờ, nàng vẫn thấy đời sống mình dài lê thê với những chuỗi ngày mang đầy lỗ hổng. Nàng muốn làm những điều mình dự ước, nhưng rồi những phũ phàng ném trả nàng về với đời sống thực tại. Đôi khi nàng an ủi đời mình bằng hai tiếng định mệnh để bình thản sống bên cạnh những hình ảnh phiền não nhức nhối.

Từ lúc còn ở nhà cũng như lúc đã khoác áo lên đường sống xa cách gia đình hàng trăm cây số, Thảo là người nhìn rõ ông Sum hơn ai hết. Thảo biết những gì ông đang nghĩ, những gì ông đang làm và những gì ông không thể làm. Thảo biết một hoàn cảnh xã hội đang đổi thay và những nền tảng xưa cũ đã bị lật nhào, hoặc bị những lớp sóng ào ạt dữ dội dồn lại phía sau. Nó buộc người ta phải chạy theo, phải vươn tới. Những người ở lại đương nhiên bị chìm xuống. Bị lùi dần vào quên lãng. Ông Sum là một trong lớp người đó.

Điều khiến Thảo bực dọc đến nỗi loạn, thứ nỗi loạn phần lớn bắt đầu từ một hoàn cảnh xã hội và gia đình là, thấy mà không giải quyết được. Chàng cũng có một nhìn thấy như Tâm. Chàng cũng nghĩ mình chẳng làm gì được hết. Rồi chàng Cũng muốn thoát khỏi ngôi nhà đó. Sự thật, chàng ở nhà cũng như không, vì chàng chỉ về nhà sau mười hai giờ đêm trong men rượu để rồi sáng sớm lại xách xe đi. Và thêm vào đó nỗi chạnh nản của những ngày tháng đều đặn tới trường với ừ học trò. Hôm nay rồi ngày mai cũng chỉ lặp đi lặp lại có bao nhiêu lời lẽ đó, đến đôi khi chàng không biết mình đang làm gì. Thảo nói thử thay đổi đời sống. Thử làm một cái gì khác hơn. Nhưng con đường duy nhất là quân trường. Thảo nghĩ rằng điều đó không phải là để thực hiện một tương lai cho mình. Không phải là những ước muốn những hy vọng, cũng không phải là làm điều mình dự tính. Nhưng mặc kệ, miễn là mình thay đổi được thực tại. Và bây giờ nằm nơi tỉnh lẻ xa xôi, kẻ bên mặt trận có thể xảy ra bất cứ lúc nào, ngày ngày Thảo nhìn từng khuôn mặt, từng đời sống của những thuộc hạ. Thảo chợt thấy đời sống mình

Cũng chẳng có gì thay đổi, cũng chẳng có gì mới lạ. Có khác đi là ngôi trường xưa với lũ học trò nghịch ngợm và ngôi đồn lẻ với đàn thuộc hạ đêm ngày ghim súng. Những gì riêng rẽ của mình cũng vẫn đứng bên lề thực tại, và hầu như tất cả mọi người đều đang làm những điều mà mình không bao giờ mong muốn. Bỗng nhiên Thảo thấy nhớ nhà và muốn được trở về ngôi nhà đồ gỗ như một chấp nhận vĩnh viễn. Và ý nghĩ bỏ đi từ nơi này đến nơi khác hầu như không còn một ý nghĩa gì hết, chẳng những nó không giải quyết được gì, trái lại về một phương diện nó còn tồi tệ hơn là đang khác. Nhưng bây giờ ý muốn trở về không phải là điều dễ thực hiện, Thảo đã là quân nhân, người ta đã dạy Thảo nhiều thứ, trong đó kỹ thuật giết người được xem là căn bản chuyên môn. Nhìn lại gia đình, nhìn vào thực tại, Thảo cảm thấy chua chát đến im lặng.

Buổi chiều tĩnh lặng miền tây mưa cuối mùa lất phất kéo dài thêm sự buồn nản. Phố xá lưa thưa một vài người xuôi ngược vội vàng. Những cơn mưa dai dẳng như gói ghém sự ảm cúng trong những gia đình có thể có, đồng thời nó cũng làm tê dại

thêm những kẻ đang sống hiện tại bằng hoại. Thảo thấy không thể nằm lì mãi trong trại được nữa, chàng xô chân vào đôi giày cao cổ rồi rủ viên thuộc hạ ra phố.

Thảo biết rằng càng uống cũng rượu càng chán thêm, nhưng không biết làm gì hơn sau những ngày giờ mẫn công tác. Những lần bị men rượu hàng hạ choáng váng, có khi mê man bất tỉnh và cả ngày đó còn bản thân khó chịu, Thảo thấy thương ông Sum hơn lúc nào hết. Có lẽ thâm tâm ông không muốn say sưa cả ngày như vậy, bằng chứng là uống rượu chẳng sướng ích gì. Trong những cơn say như tử, Thảo thường tự nhủ là sẽ bỏ rượu. Nhưng rồi sau đó một vài ngày là Thảo lại say nữa. Những ý nghĩ và việc làm đối nghịch một cách khốn nạn đó cứ tiếp diễn hoài từ ba bốn năm nay, như cuộc chiến tồi tệ dai dẳng này được thu hẹp trong bản thân chàng.

Thảo về đến trại thì còi giới nghiêm cũng bắt đầu hú. Thảo biết mình chưa thể ngủ ngay được, và ý nghĩ viết cho Khôi một lá thư cứ hồi thúc mãi trong đầu. Thảo muốn nói rằng chàng là người trong gia đình gần gũi

Khôi và cảm thông được những lo lắng của Khôi hơn ai hết. Chàng biết tại sao Khôi phải ở lại ngôi nhà mà chàng đã bỏ ra đi. Tại sao Khôi từ chối một việc làm tương tự như chàng. Sự từ chối phải trả bằng một giá thật đắt, đến đôi nhiều lúc vợ Khôi cũng không chấp nhận, và đó là điều khiến Khôi muốn im lặng đối với mọi người.

Nghĩ lang mang một hồi, Thảo không còn biết viết gì nữa. Đánh hện lại khi khác, Thảo tự hứa như vậy rồi tắt đèn và lên ghế bố nằm nhìn trần trần vào khoảng đêm dày đặc.

Bạch vuốt lại mái tóc, sửa lại nếp áo cho phẳng ra chung quanh thân mình, ngắm nghía trước gương một lần nữa trước khi ra khỏi nhà. Tỉnh hẳn lúc nào cũng cần thận, khác hẳn với tin tưởng ông Sum muốn làm gì là làm tức khắc, không cần nhắc, không tính toán, mặc kệ kết quả ra sao thì ra, miễn có làm là được, là thỏa mãn rồi. Bà Sum nói ý định bà muốn mua cho Bạch một chiếc Honda mới để thay thế chiếc Solex cộc cạch lỗi thời, và khoảng thời gian bà còn do dự là Bạch đã nghiên cứu kỹ lưỡng cách sử dụng thế nào. Hẳn cất giữ những bài báo chỉ cách làm cho

máy nổ lúc máy bị lạnh, trường hợp máy bị ngập xăng, «bu gi thiếu lửa...»

Trong gia đình ông Sum chỉ có Bạch và Uyên là còn được những ý nghĩ tươi mát, những cái nhìn nhẹ nhõm trước cuộc đời và còn gần gũi với mùa xuân có nắng hồng hoa cúc. Tuy nhiên, đôi lúc chúng cũng thấy, buồn bã với những mặc cảm xa xưa, những phương tiện khó khăn những xáo trộn thường xuyên trong gia đình. Nhưng để khóa lấp những thứ đó, chúng còn sách vở, còn nhà trường còn tương lai giúp chúng biết chịu đựng và biết chấp nhận.

Thời gian đối với Khôi từ lúc đến gia đình này như một sự tĩnh hoảng hốt. Tết đến, tết đi và bây giờ đang tết nữa. Những dấu mốc đó cho Khôi nhìn thấy một cách chắc chắn là đã ba năm trôi qua. Ba năm đầy bắp bênh vô nghĩa. Ba năm dài nhất và cũng ngắn nhất đời hắn. Đêm hắn với những thao thức vô bờ bến, khó thể tìm được một việc làm khuây khỏa. Những việc làm bằng trí óc càng khiến hắn khổ sở hơn, bận tâm hơn. Hắn thức nhưng không ai biết. Hắn nằm trong bóng tối bên cạnh vợ con, không dám bật đèn

sáng Nhiều khi hần phải giả đo ngủ yên để Tâm khỏi phải lo ngủ vu vơ. Hần nghe rõ ràng từng tiếng đồng hồ điểm giờ, từng tiếng trở mình của bé Diễm, từng hơi thở của Tâm, từng tiếng mở ú ớ của bà Sum, và từng tiếng động sột soạt giữa đêm khuya của ông Sum ở phòng khách.

Sáng nào Khôi cũng dậy muộn. Hần pha cà phê rồi ra băng đá ngồi lặng hàng giờ, hoặc đi lơ thơ trong khu vườn nhỏ. Những người chung quanh lối xóm cho rằng hần có một đời sống ung dung nhàn tản nhất thiên hạ. Họ cũng chẳng biết hần làm nghề gì mà lúc biển lúc hiện một cách bất thường. Lúc nào ở nhà là hần vun phân tưới nước từng bụi cây, từng gốc kiềng, nhất là mấy chậu xương rồng bé tí. Hần thấy thời gian đi qua từng giây phút một trên những cành non vừa mới chớm, trên những đóa hoa vừa hé nụ. Hần nhớ lại ngày nào hần còn là một kẻ xa lạ, rồi lần đầu tiên hần tới đây, cho đến bây giờ khu vườn đã trở thành quen thuộc với hần từng xó xỉnh nhỏ bé. Nó là đời sống của hần. Mỗi cành cây lá kiềng lớn lên là chứa đựng thêm nỗi ấm thầm của hần trong đó. Mỗi mùa hoa tàn rữa

là một chuỗi ngày lặng lẽ trôi qua. Mùa hoa là xanh. Mùa hoa mãn. Mùa hoa mai, những đóa hoa hồng cung tiếp tục nở, tiếp tục tàn, rồi lại tiếp tục nở đặng như mỗi ngày hần vẫn tiếp tục ngồi băng đá uống cà phê chẳng khác kẻ thờ thần mặt trời, ngoan đạo và đầy kiên nhẫn.

Súng nổ âm âm. Phi cơ bay lượn và bắn yểm trợ cho một đơn vị tiến đánh quân thù nghe chất chứa bên tai làm mọi người thấp thỏm lo sợ. Nhất là bà Sum chạy ra chạy vào đứng ngồi không yên. Bà hối thúc con cái lo xếp dọn đồ đạc để tản cư. Những người hàng xóm hỏi lẫn nhau liệu mình có thể đi đâu. Bà Sum thì chắc lưỡi kêu trời. Điều này không biết ngã nào mà chạy cho khỏi. Ở đâu cũng lộn xộn. Ở đâu cũng có giặc già anh, tôi muốn đi khỏi gia đình. Ba nói, trời đất ! Súng bắn rầm rầm thế kia mà nó ngồi xơi gốc kiềng tỉnh khô, thiệt, cái thằng kỳ cục ! Khôi chỉ biết cười. Hần thấy sự sợ hãi hiện rõ trên khuôn mặt bà Sum. Hần nói thầm, trời đất ! Bộ mình động dạ sát gì sao mà không biết sợ bà già, nhưng sự thật, sợ cũng chẳng ích gì, tốt hơn là cứ tìm bợ, cố gắng tỉnh bơ mà sống. Khôi biết rằng những việc làm

ngày này qua ngày nọ của hần đối với gia đình chẳng có gì cần thiết hết. Nhưng đối với hần, về một phương diện, nó thật cần thiết. Hần bưng bụi kiềng này, trồng bụi kiềng kia, sang chậu nọ qua chậu khác, chẳng qua là hần làm để quên tất cả. Hần làm để khỏi phải bận tâm nhiều đến những thứ hần không muốn mà người ta bắt hần phải làm. Thật tình hần không mong một lợi lộc vật chất nào ở việc làm của hần. Có thể nó cũng tạo cho cảnh nhà một vui mắt dễ chịu, thế thôi. Khôi đến sống trong gia đình này giữa lúc Thảo muốn bỏ đi. Tình cảnh có vẻ éo le hết sức. Một người từ chỗ khác tới đây, một người từ đây muốn đến chỗ khác nữa. Thảo biểu lộ ý định bỏ với Khôi nhiều lần, trong những phút giây chàng bàng hoàng nhất. Tôi nói thật với anh, tôi muốn đi khỏi gia đình, vì ở nhà chán nản quá. Tôi biết rằng đời sống trong quân đội cũng chẳng giải quyết được những gì tôi mong muốn. Nhưng thật nhất tôi khỏi phải nhìn thấy gia đình. Hơn nữa, sớm muộn gì rồi tôi cũng phải đi. Và tôi ra đi để ba má biết rằng sự cãi vã với nhau chẳng ích gì. Biết đâu tôi sống một phương xa tôi có thể giúp đỡ gia đình được nhiều

hơn, và có thể tôi sẽ đỡ chán nản hơn. Khôi nói, nếu toa muốn đi thì cứ đi. Đi để biết sự thật những gì mình đang tưởng tượng. Sự ra đi, về một mặt, nó không phải là vô ích. Nó sẽ giúp mình những nhìn thấy mới lạ. Rồi một ngày nào đó toa thấy không còn gì lạ nữa thì toa trở về. Móa đã ra đi rồi, hiện tại móa không còn những ý nghĩ như toa, nhưng thật tình thì trước kia móa không thể không bỏ đi được.

Thảo ra đi rồi Khôi thấy sự cần thiết ở lại của mình hơn lúc nào hết. Thứ nhất Khôi biết mình là kẻ bất lực trong giai đoạn hiện tại. Hần đã mang trong mình những ê ẩm của kẻ trở về. Giờ đây, hần muốn chấp nhận hơn là chạy trốn. Hần muốn sống với thực tại hơn là những khao khát gió biển trắng ngàn ở một bến bờ xa lạ. Cho nên hần nghĩ dù trong hoàn cảnh phiến toái nhục nhằn đến đâu hần cũng có thể chịu đựng được. Hơn nữa rõ ràng là hần ở lại có lợi cho hần hơn. Bởi vì dù muốn hần cũng khó tạo được một đời sống như ý giữa lúc trăm thứ đều khó khăn này. Mặt khác hần muốn đem hết những cố gắng có thể có của mình để

lắp vào những khoảng trống gia đình. Hắn muốn thay đổi dần những phương tiện vật chất với mục đích làm cho đời sống đỡ nhọc nhằn hơn, được thoải mái hơn. Và hắn đã nhảy vào cuộc cãi vã từ mười năm qua của ông bà Sum mà trước đó hắn giữ thái độ im lặng.

Trong những phút giận dữ, ông Sum nói ông không có lỗi làm gì ráo. Đối với gia đình ông đã làm đầy đủ bổn phận. Từ ba mươi năm qua ông đã đồ không biết nhiều mồ hôi, hai bàn tay ông đã chạy không biết bao nhiêu lớp vì vợ con. Bây giờ đứa nào cũng khá hết, giỏi hơn ông hết, chúng quay lại trách móc coi thường ông, nói rằng tại vì ông có vợ bé vợ mọn cho nên mới ra nông nỗi. Cả nhà chỉ biết cần nhằn ông đồ lỗi cho ông, chẳng biết gì nữa ráo. Ông hỏi bà Sum vậy chớ lương tháng thì không lên một đồng xu, trong khi nhất nhất cái gì cũng leo thang gấp năm, gấp mười. Hồi trước hũ tiêu có năm đồng một tô, bây giờ bà chực đồng làm sao ông có đủ tiền để lắp vào khoảng trống đó.

Bà Sum tức tối hỏi lại ông, rằng ông đi làm, sao tiền đâu hết đi. Tới tháng không đem

về nhà được một xu, không cho mấy đứa nhỏ được một đồng làm sao nó không trách ông được. Ông Sum nói là những lúc gia đình thiếu hụt ông phải mượn nợ để đắp vào, và nợ thì để nợ, dần dà ngày này qua tháng nọ, đến khi lương tháng bị nợ trừ hết mà vẫn chưa đủ thì lấy tiền đâu ra để đem về. Bà Sum bắt đầu lái câu chuyện vào ngõ bí, bà nói, sức mấy Chớ hồng phải hốt hụi, vay nợ để cất nhà cho con hai Xôi nuôi mấy đứa tiểu hời lai xài ở bên sao, nói vậy cho nó nghe hơn...

Thế là cuộc cãi vã tới hồi gay cấn kịch liệt, ly chén bừa rồn rần, cơm cá văng tứ tung. Bạch và Uyên bỏ lên lầu. Ông Sum la lên, ông đập hết đi, đập hết đi... Rồi mai mốt lấy tô mà ăn cơm. Ông Sum rồi thêm một cốc rượu để uống cạn một hơi. Ông nói không hề bữa cơm nào bà để yên cho hắn ăn thử coi, bà luôn luôn kiểm tra chuyện này đến chuyện nọ để dần vật tôi, cả thằng Bạch và con Uyên nữa tụi bây cũng không muốn cho tao yên. Tụi bây có ngon thì ra khỏi nhà mà sống tự lập đi, Tụi bây còn trong nhà này là tụi bây còn nhờ tao, còn ăn cơm của tao

biết chưa. Khốn nạn, thật khốn nạn hết sức! Rồi ông chỉ mủi dui vào Bạch và Uyên như thể muốn tránh né cuộc cãi vã với bà Sum, hay là ông không muốn nhắc tới một sự thật phiền muộn? Ông nói hời nhỏ mới mười sáu tuổi tao đã sống tự lập rồi, trong lúc chỉ cộ mảnh bằng «xet ti phi ca», còn tụi bây, đứa nào cũng có tú tài, đứa nào cũng trên hai mươi tuổi còn trách móc dần vật tao là sao, hả, hả...? Đứa nào ở được là ở, ở không được là đi... Đi... đi... đi hết!

Khôi ngồi im lặng cổ nuốt cho hết chén cơm. Thật tình, hắn biết mình ăn chưa no, nhưng sao nuốt cơm một cách khó khăn và chậm quá. Cuối cùng rồi chén cơm cũng hết. Khôi lại bế bé Diễm, con bé nói pa pa, pa pa. Ông Sum như quên đi thịnh nộ, ông quay sang chọc cháu, con bé đã quen giỡn với ông, nên mỗi lần thấy ông là nó cười khần khặc. Một phút trôi qua, ông Sum nói, tao biết mày muốn đi khỏi nhà này lắm, nhưng mày đã bị những ràng buộc, đây con nhỏ này là một, tao biết không sai đâu, Tâm lý mà vậy!... Khôi nhìn ông Sum, sự già nua cần cỏi đã đến quá mau trên mái

đầu, trên khuôn mặt ông từ ba năm qua. Bỗng dưng hắn thấy buồn bã đầu đầu. Hắn nói thôi ba đi ngủ đi.

Buổi trưa tẻ nhạt trống vắng hết sức. Khôi ngồi nhìn khu vườn chói nắng với những điều thuốc tiếp nối. Tại sao tôi ở đây mà không ở một chỗ khác? Tại sao tôi muốn ở lại? Tại sao tôi muốn đi? Rồi tôi sẽ đi trong những điều kiện nào? Tôi biết tôi sẽ phải đi tự nhiên như một bổn phận, do sự lớn lên, sự nảy nở của một đàn chim con, và lại, tôi chỉ đến trong sự khẳng định tạm thời vì mùa giông bão. Khi rừng yên bề lặng là chúng tôi phải cất cánh bay đi. Điều đó không có gì đáng nói. Nhưng khi đi rồi tôi sẽ còn gì lưu lại? Tôi sẽ đi trong sự thoải mái bình thường của núi cao trời rộng hay tôi sẽ đi trong sự nhỏ nhoi không ai muốn? Thời gian ba năm qua không đủ cho tôi tạo được một chìa khóa cầm tay? Còn bao lâu nữa tôi mới làm được điều đó? Còn những điều kiện thanh bình nào nữa? Tại sao tôi sống trong thời buổi chiến tranh mà tôi muốn làm những việc chỉ có thể làm được trong thời thanh bình? Tôi đã làm lần lớn? Tôi thấy tôi không có gì ân hận, nếu quả thật tôi đã làm lần. Điều tôi luôn luôn nghĩ tới là tôi phải làm gì trước

Khi ra đi? Đó là cuộc cãi vã từ mười năm qua của ông bà Sum. Tôi đã thất bại khi nhảy vào cuộc bằng lời nói, bằng giải lý những nguyên nhân. Bây giờ tôi muốn thay đổi bằng những việc làm.

Nhưng tôi biết có những khó khăn nhỏ mà tôi không đủ khả năng vượt qua, đề rồi một ngày kia, khi tôi rời khỏi ngôi nhà này, tại tôi vẫn còn nghe cuộc cãi vã của ông bà Sum còn vang vọng mãi không biết đến bao giờ mới chấm dứt.

Thảo được lệnh trở về Saigon để học thêm một khóa chuyên môn trong quân đội. Ngồi trên phi cơ chàng nghe một cảm giác rộn ràng — thứ cảm giác như một trẻ thơ sống xa gia đình, giờ được trở về mái nhà xưa. Và đã lâu lắm chàng mới có nghe một cảm giác như vậy. Chàng tưởng tượng đến từng người một trong gia đình giờ này đang làm gì. Chàng mong mau đến giây phút được đầy cồng bước vào gặp lại mọi người thân yêu và nhìn thật rõ ràng từng cảnh vật ở đó như một khát khao thật sự.

Mấy ngày đầu được sống lại không khí gia đình Thảo thấy dễ chịu. Nhưng lần lần chàng lại thấy bức bối, lại muốn sống xa

gia đình như những ngày nào. Chàng muốn trở về đơn vị với những kẻ cùng khổ, với những chiếc quán bên đường, với dòng rộng rừng sâu đầy hình ảnh chiến chinh khói lửa. Chàng thấy thương ông bà Sum hơn nhất là sự lo sợ của bà Sum khi chàng đi vào vùng nguy hiểm, ở đó cái chết có thể đến dễ dàng và nhanh như nháy mắt. Nhưng không cách gì chàng sống gần gũi gia đình được, bởi những bức dọc có thể làm chàng nổi loạn. Và đời sống như vậy thật chán nản vô ích. Chàng tưởng thời gian qua gia đình đã trở lại yên vui đầm ấm phần nào. Nhưng sự thật cũng chẳng có gì thay đổi.

Sau khi thấp hươu và cũng nước lạnh buổi tối, bà Sum đóng cửa tắt đèn, nhưng không tài nào bà ngủ được vì bà lo lắng cho Thảo đã đi chơi hai ngày rồi mà không thấy về. Bà ngồi trong bóng tối trước thềm nhà đọc kinh niệm phật, van vái cho con cái được yên ổn, gia đình được bình an. Bất giác con mèo đen từ sân nhà bên cạnh nhảy bổ ngang bức tường ngăn cách khu vườn làm đôi khi khiến bà giật mình. Bà đi một vòng trong khu vườn rồi trở lại ngồi nơi vị trí cũ. Ánh đèn bên nhà

ông Sáu vẫn còn cháy sáng chiếu tận cổng rào. Cũng cánh cổng đó trong những năm xưa, bà đã từng ngồi từ đêm này qua đêm nọ, có đêm đến ba bốn giờ sáng để chờ đón ông Sum. Ông nói buổi tối ông không ăn cơm được, ông chỉ thích ăn cháo lòng heo hoặc cháo cá, bà cũng chịu theo mà làm như vậy. Nhưng đêm nào ông cũng đi đến thâu đêm suốt sáng, có khi bà phải hăm đi hăm lại thức ăn đến năm lần bảy lượt cũng vẫn chưa thấy ông về. Bà lo sợ không biết có tai nạn gì xảy ra cho ông không. Rồi đêm này qua đêm nọ, tháng này qua tháng kia, đến khuya lơ khuya lác ông mới về nhà. Và mười bữa như một ông đều say mèm, những thức ăn buổi tối dành cho ông đều bỏ cả. Nhưng rủi cho bà Sum là bữa nào ông về sớm mà không có cháo cho ông là có chuyện. Bà hỏi ông đi đâu đến nửa đêm nửa hôm mới về, ông nói là bạn bè rủ đi nhậu. Bà Sum cũng nghe vậy và chỉ khuyên ông thôi. Cho đến một ngày bà biết ra được thời gian ông đi đêm là đi với «nàng». Có bữa ông say rượu thật, có bữa chẳng uống tí rượu nào, nhưng hề về tới nhà là ông giả đồ say, đi ngã tới ngã lui, nghiêng rãng ken két

lả ó lung tung cho bà Sum ớn chời. Khi biết được đòn gió của ông bà tức tối chết đi được. Cho đến bây giờ nhớ tới bà vẫn còn giận run. Ông làm nhiều chuyện, nhiều «ca» và không thể tưởng tượng nổi, như căn nhà đang ở rộng rãi ngon lành, ông lại bán đi một nửa. Ông nói lỗ thiếu nợ, cần bán căn nhà để trả dứt kết nợ nần rồi mỗi tháng ông đem tiền lương về đủ cho bà. Nhưng rồi đâu cũng vào đó, nợ nần vẫn còn nguyên, lương tháng thì chẳng thấy đâu hết. Bây giờ bà đang đối diện với sự đã rồi. Bà nhìn bức tường ngăn đôi ngôi nhà lòng tự dưng nghẹn ngào chưa xót, tiếc rẻ cho những gì đã qua, những gì đã mất. Và sự mất mát đó có nghĩa là chấm dứt một đời người, một khả năng xoay xở. Nó nói lên sự buông xuôi của ông Sum lúc tuổi về chiều đầy lận đận đen tối. Bà nghĩ nếu ông Sum không bữa bãi phung phí và khinh thường tất cả thì chuỗi ngày tàn của ông đâu đến nỗi nào. Ông đã sống cuộc sống sống quá ư cầu thả từ việc nhỏ đến việc lớn. Ông đã xem thường tất cả cho nên ông bị chính những thứ ông xem thường đó quật ngã ông, hành hạ ông đến khổ sở điên đảo. Bà Sum chợt

nghe mệt mỗi lạnh giá, và nổi chán nản ngao ngán tràn ngập trong lòng, phủ kín cả khu vườn. Bà tiếp tục đọc kinh và chờ đợi mãi vẫn không thấy Thảo về.

Những ngày cuối năm phổ xá thật tấp nập ồn ào. Xe cộ vội vàng đua che xuôi ngược trên khắp ngã đường. Mọi người đều có vẻ bận rộn lo lắng cho gia đình mình được đầy đủ trong ba ngày xuân. Buổi chiều như muốn đưa nhanh khoảng thời gian ngắn ngủi còn lại một năm năm vào dĩ vãng. Ông Sum rẽ sang khu phố thưa người với những ý nghĩ miên man không thành. Mỗi bước lang thang là một chua xót tận cùng. Một số

nào đó hiện ra trong đầu ông. Rồi hai cảnh nhà, hai gia đình đều thúc giục, đều bắt buộc ông phải có bốn phen. Ông Sum đưa tay lau vội những hạt mồ hôi jở đổ trên trán. Ông nghĩ thầm đây là giờ phút của những gì còn lại, những gì sẽ đến, và đó mới là những gì thật sự của chính ông.

Tiếng súng nổ lẻ tẻ từng hồi làm ông Sum chợt nhớ tiếng pháo trong những mùa xuân tuổi thơ theo từng bước đi giữa đêm tối bắt đầu buông xuống.

MÀC TUÔNG

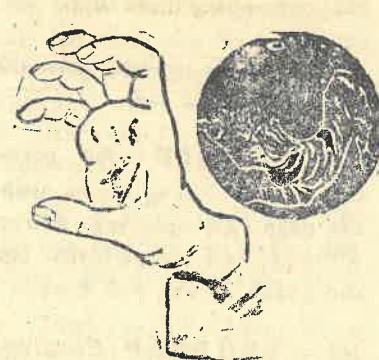


Faites ce que je dis et non ce que j'ai fait.

(Anh hãy làm những gì tôi nói chứ đừng làm những gì tôi làm.)

Câu này phản ảnh tư tưởng của kẻ độc tài, làm bậy nhưng lại cấm kẻ khác bắt chước mình.

CASIMIR DELAVIGNE



VÕ THUẬT

TRẦN-TUÂN-KIỆT biên soạn

(Tiếp theo P.T 246)

I. — SƠ LƯỢC CÁC BỘ TẦM CỦA VÕ THIẾU LÂM.

Thiếu Lâm Tự là cội nguồn phát xuất ra nhiều tay cao thủ của môn võ Thiếu Lâm. Cũng gọi là Thiếu Lâm Tự. Nhưng môn võ này truyền từ Tung Sơn ra, lúc lan tràn đi khắp nơi, về sau chia ra làm nhiều phái cũng như Phật học. Có Phật Học nguyên thủy. Có Nam Tông và Bắc Tông. Quyền thuật của Thiếu Lâm Tự cũng chia ra làm nhiều tông phái Bắc Phái chuộng cương quyền, Nam Phái chuộng nhu quyền. Nhưng thật sự ra trong Nam phái hoặc Bắc phái đều có cương lẫn nhu.

nội quyền. Mỗi phái có những đường quyền riêng. Đôi khi cũng có một cái tên chung như bài Mai Hoa Quyền, cách đi Mai Hoa Quyền khác nhau. Có người đi quyền dụng lực mạnh mẽ dữ dội, nhưng cũng có người đi uyển chuyển nhẹ nhàng. Thế tấn và giao đấu cũng khác nhau. Cương quyền dụng lực bên ngoài lúc chiến đấu gân cốt nổi lên cuồn cuộn, nhu quyền lúc chiến đấu dễ khí ở đan điền, dùng lực tiềm ẩn bên trong mà chờ lúc phát ra.

Võ tây phương dụng quả dấm ở tay, võ đông phương dụng quả dấm ở gân và lực tiềm ẩn ở bên trong do dễ khí phát ra.

Lại chia ra làm ngoại quyền và

Phép luyện thân thể khiến cho

ta nhìn các võ sư ngày xưa và các lực sĩ Tây phương khác nhau lạ lùng.

Các lực sĩ thì nở ngực, các võ sư đông phương ngày trước phần nhiều bụng to ngực hóp (vì bụng chứa khí ở đan điền) Tuy nhiên điều này cũng không phải là tất cả các phái võ đông phương đều như thế.

CÁC BỘ TẤN CỦA THIẾU LÂM TỰ— gồm có Lập Tấn, Trung Bình Tấn, Định Tấn, Tẩu mà Tấn, Trảo mà Tấn, Xà Tấn, Âm dương Tấn, Tiền Cung Bộ tấn, Hậu Tọa Bộ Tấn, phân nhà tả hữu Nam Bắc mà luyện tập.

Về sau võ Thiếu lâm du nhập vào nước ta, được hòa đồng biến thức ra nhiều thể tấn nữa như tấn khóa, bắt ngựa vân vân... khi học thể chiến đấu của tập sách này, xin các bạn đừng ngạc nhiên một điều là đôi khi người này gọi tên thể quyền này, lại đánh khác với người kia. Cũng cùng gọi tên ấy. Vì mỗi thầy dạy mỗi cách, có nhiều phái khác. Lúc giải thể cũng khác. Như cùng một tên là Phụng Hoàng Triêu Đực mà Nam phái diễn khá, Bắc phái diễn thể khác, Điều cần

là tập luyện dẻo dai, đi tấn cho chắc, nhẹ nhàng thuần thục.

Đây là phần sơ lược nên xin ghi nhắc lại mà thôi.

II. — BỘ PHÁP— Đã nói ở trên về tấn. Nhưng các bộ pháp nên phân biệt phương hướng đông tây nam bắc mà luyện tập cho nhanh để ứng phó 4 mặt;

III. — THỦ PHÁP: *Chưởng*. Luyện tập chưởng (các ngón tay của bàn tay lúc đánh vươn ra đừng thẳng quá) *Quyền*: Cách nắm tay vừa phải, ngón cái câu vào ngón trỏ đã có hình ở *Thiếu Lâm Tự Học* (Khai Trí xuất bản). Nhưng còn dùng 4 ngón xương gu mà đánh người. Lúc đánh ra chỗ lắt léo cườm tay phải ngay ngắn. *Châu* (chỗ) lúc xuất thủ đánh người thật tinh nhanh, nhưng lúc thường luôn luôn buông xuống, đừng đưa ngang mà có hại cho eo và hông bị sơ hở địch tấn công nào.

Cùi chỏ đánh không thấp xuống quá đầu gối.

IV. — THÂN PHÁP: Hai vai thường buông lỏng, thì quyền sẽ được tung nhanh. Tay khỏi

thủ thế thì khỏi bị vướng vào đầu cả. Tuy nhiên đôi lúc cũng thủ đó là điều bắt buộc vậy.

Ngực hóp vào; *lưng* cần bấp thít ra.

Eo: là chỗ uyển chuyển như cái trục xoay trở nên mềm dẻo, ngay ngắn, đừng chuyển cứng.

Mông: tự nhiên không lồi ra. *Bụng*: để khí lắng xuống đan điền, không nên nịt cứng giầy nịt ở eo lưng.

V. — ĐẦU PHÁP: Đứng tự nhiên. Để cho ý chí tập trung ở đỉnh đầu, khí chứa đựng ở đan điền, thần trí thành thoi, bình tĩnh tuyệt đối.

ĐIỀU CẨM KÝ: Lúc tập luyện, không nên ngồi, không được nằm, không được uống nước lạnh, tránh chỗ có gió lúc tập xong. Hãy đi đi lại lại độ 20 phút cho toàn thân được tự nhiên trở lại.

I — Tinh thần của cuộc chiến đấu— Luyện tập võ nghệ là chúng ta tập luyện theo phương thức của người xưa. Học của người xưa nhưng được quyền ngọn cước, và cả trí khôn, kinh nghiệm chiến đấu nữa. Chúng ta học của người xưa về

quyền-thức. Và, tất nhiên có sự biến hóa và thay đổi của mình ngày nay.

Người xưa, sau lúc thành quả ở núi, như môn đệ Thiếu lâm lên núi học tập, đã thành tài, sau lúc được thử sức rồi, được sống nữa mà hành cái đạo võ. Nuôi trong lòng một nghĩa khí làm người hiệp sĩ phò nguy cứu đời.

Họ không làm điều gì khả dĩ gây thù chuối oán với người tốt. Họ chiến đấu luôn-luôn để lo trừ gian diệt bạo. Tiêu diệt kẻ ác, giúp ích người lương thiện. Tinh thần đó chúng ta vẫn noi theo với châm ngôn là:

Không gây hiềm khích với mọi người. Giúp đỡ vật chất lẫn tinh thần cho người có quả. Và tử chiến với kẻ gian ác.

Kẻ gian ác trước hay sau chúng ta nhất định sẽ tiêu diệt bằng bất cứ hình thức nào! Đó là để bảo vệ cho xã hội, bớt kẻ bạo tàn. Phục hưng sinh khí kẻ sĩ tông môn dân tộc.

Trước hay sau, chúng ta cũng đã chiến đấu, cũng sẽ chiến đấu. Nếu thua keo này, ta bày keo khác.

Nhưng đừng quên một điều là **nhân nhĩn** tập luyện cho đầy đủ tài lực để chiến đấu có hiệu quả.

Trước khi chiến đấu chúng ta phải cần có một nhận định xem kẻ địch của ta là ai? Kẻ đó là thù tức là bọn người lỗ mắng cây mạnh hiệp yếu. Đức Không Tử có dạy :

*Uy Vũ Bất Năng Khuất
Bất Tiệm Bất Năng Đì
Phú Quý Bất Năng Dâm*

Một bát tài danh đã ghi thêm :

*Tư Tượng Bất Năng Hoặc
Phục Vụ Tồ Quốc*

Giải nghĩa bốn câu trên, để tạo một đức tin đầu tiên cho người võ đạo, hiệp sĩ như sau :

*Không hề khuất phục trước
bạo lực*

Kẻ có tài chưa đủ. Lấy cái tài đó đi hại người và dè bẹp ta, dù có chết ta vẫn không sợ. Lấy thí dụ như lúc quân Mông Cổ sang đánh nhà Trần, cụ Trần bình Trọng vì yếu thế bị giặc bắt. Cụ thà chết chứ không hề đầu hàng giặc.

Bần Tiệm Bất Năng Đì—
Người hiệp sĩ ngày xưa lúc còn nghèo khổ vẫn bền lòng chặt dạ, tin tưởng là mình luyện được cái tài hay để giúp đời.

Tài có tất nhiên chịu nhiều điều khổ đốn vì có kẻ ganh ghét. Hãy nhân nhĩn chịu đựng và tìm cách làm việc tốt mà sinh sống, hơn là đi cướp bóc hà hiếp dân lương thiện.

Phú Quý Bất Năng Dâm.
Khi đắc thời, được mọi người kính nể, tiền dư của để, cũng không xài phí vô ích, nhất là sanh tật chơi bời phóng túng.

Tư Tượng Bất Năng Hoặc:
Đừng dùng lời lẽ mê hoặc người. Đừng dùng sức mạnh kềm chế người. Và, cũng đừng bị người mê hoặc vào đường bắt chước. Nhất là giữa thời buổi tao loạn này. Nhiều đảng phái, nhiều trò bịp bợm của chánh trị, biến con người mình thành công cụ của kẻ gian ác. Không nên theo mà hại mình.

Chiến đấu cho tồ quốc trên hết, tinh thần yêu thương dân tộc lên trên hết. Với tinh thần đó, ta tránh đừng để ngoại nhân lợi

dụng mà bóp nghẹt dân tộc vào cảnh nghèo nàn, khổ nhục.

II — LUYỆN Ý CHÍ
CHIẾN ĐẤU : Tập luyện thân thể, bồi dưỡng sức khỏe, luyện khí và hàm dưỡng khí để lúc giao đấu được bền chắc—đó là phép luyện chuyển đầu. Phần ý chí chiến đấu thì lại khác. Gồm có một chữ *Quyết* đó quyết.

Quyết chiến.

Quyết thắng.

Đã nhận thấy cần phải giao đấu, ta nhất định giao đấu, chuẩn bị tinh thần và thân pháp được kiên cường, đồng thời ý-chí quyết chiến được nuôi dưỡng, làm dưỡng bằng đức tin chiến tất thắng.

Và đã giao đấu với đối phương thì Quyết thắng :

a— Quyết thắng được làm dưỡng nhiều ý chí :

— dẫn dắt kẻ địch vào nơi bất lợi—đó là phép giao đấu ở bộ pháp.

— dẫn dắt kẻ địch vào lúc sơ hở vì uất ức giận dữ, đó là phép *dụng «ý bất dụng lực»*

— dẫn dắt kẻ địch vào «lạc không» vào chỗ trống không.

Chẳng biết ta ở phương hướng nào mà công.

— thắng địch bằng nhận định 4 phương tám hướng và hàm chứa nội kinh, sức mạnh bên trong và các quyền cước sẵn sàng phóng ra khắp nơi, vô cùng tận.

b— *Phân hư thực* (âm dương):

Đấu võ trước hết phải biết phân hư thực. Thí dụ đứng tẩu mã tấn. Chân trái trước là chân trái *hư* chân mặt sau là *thực*. Tay tả *hư* thì tay hữu *thực*. Lúc *hư* lúc *thực* biến hiện vô chừng.

(c *Khí lực và thời gian :* Vận khí ở đan điền (cách rốn chừng 5 phân), dưỡng khí chuyển lên lưng và nhập vào, xương sống và hai vai chờ đúng thời gian xuất thủ mà công địch. Đó là do ý tinh tế, biết áp dụng đúng lúc và chính xác; Thái Cực Quyền có nói «*Dụng ý bất dụng lực*» là vậy.

Như thế lấy sơ chậm và chắc chắn mà chống được nhanh nhẹn.

Dẫn dắt cho người bị nghịch thì dù người có sức mạnh hơn ta và có sự nhanh hơn ta cũng hạ được. *Khí* ở đây muốn nói là

cái khi hô hấp bền bỉ dẻo dai
không chỗ nào thiếu.

Đây đủ khi lực, không còn
biết lo sợ, tinh thần an định,
mọi cử động mới chính xác mà
áp dụng đúng với chiến lược của
mình. *Đang khi chuyển vận
khấp châu thân, điều khiển
theo ý muốn.*
III Luyện đấu pháp

Tập luyện đấu pháp phải ôn
kỹ, tập thật vững vàng về bộ
pháp, thân pháp, thủ pháp, nhận
rõ phương hướng, biến thể,
luyện khí van vân...

Nghĩa là trong cơn chiến đấu
với địch, một đấu với một hoặc
một đấu với đám đông.

Đấu với nhiều người thì có
tám thể luyện *Thất Tinh Bát
Đầu*, rất thuận tiện và sẽ giải rõ
trang sau. Luyện đấu pháp có
vài nguyên tắc về chiến thuật
như: *Thần Tinh, Hư Thực,
bền bỉ, Biết sức Địch, Dụng
Tâm.*

Thần Tinh gom tụ thần trí ở
đầu ngay thẳng chú tâm và điềm
nhiên.

Hư Thực biến ảo quyền thức,

mỗi thế phân hư thực mà hóa
giải, cả công thủ khiến địch
không lường.

Bền Bỉ luyện tập thân pháp
bộ pháp thuần thực lúc giao đấu
quyền thức biến hiện luôn luôn
xoắn lấy địch, không có chỗ hở
mà công lại mình kịp.

Biết Sức Địch: Đo xét
quyền thức và sức của địch (gọi
là biết kinh) tùy trên dưới sơ
hớ của địch mà tấn công.

Dụng Tâm: Trước hết chú
tâm về một điểm quyết định, ý
lực không dễ phân tán. Chờ
đúng lúc áp dụng đòn thế mà hạ
địch.

(còn nữa)



HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

XV.— *Hồ-Xuân-Hương, nhà Thơ
Việt nam đầu tiên thuần túy của
tiếng Việt*

(Tiếp theo P.T. 247)

CÁC bạn thông-thạo Hán-tự,
xem nguyên văn những bài thơ
của Hồ-xuân-Hương viết bằng
«Chữ Nôm», sẽ thấy rõ trình-độ
Hán-tự của cô Nữ-sĩ trẻ tuổi ở
cuối thế-kỷ XVIII như thế nào,

Những bản «chữ Nôm» này
rút trong quyển «L'oeuvre de la
Poétesse Vietnamiennne Hồ-

*xuân-Hương — Textes Nôm
No 2. — Collection de textes
et documents su l'Indochine
— Ecole Francaise d'Extrême
Orient* của Maursice DURAND
— Paris 1967, chép theo nguyên-
văn bản-thảo của Hồ-xuân-Hương,
được tàng-trữ trong Thư-viện
Viễn-dông Bác-Cồ, Hà-nội, hiện
đã di chuyển qua Paris.

詠 字 已 陳
 泣 岩 泣 岩 更 泣 岩
 啼 埃 啼 埃 更 啼 埃
 刺 刺 刺 刺 更 刺 刺
 啼 啼 啼 啼 更 啼 啼

Bài số AB 398 III

Phiên-âm ra Quốc ngữ :

VỊNH ĐÈO BA DỘI

Một đèo một đèo lại một đèo.
 Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo
 Cửa son đỏ khé tùm-hum nóc
 Thềm đá xanh rì lún-phún rêu
 Lắt-lẽo cảnh thông cơn gió lốc
 Đầm-đìa lá liễu hại sương gieo
 Hiền nhân quân-tử ai là chẳng
 Mỗi gối chồn chân cũng muốn treo

詠 字 已 陳
 泣 岩 泣 岩 更 泣 岩
 啼 埃 啼 埃 更 啼 埃
 刺 刺 刺 刺 更 刺 刺
 啼 啼 啼 啼 更 啼 啼

Bài số AB 398 VI

Phiên-âm ra Quốc-ngữ :

VỊNH LẤY CHỒNG CHUNG

Kẻ đắp chầu bóng kẻ lạnh lùng
 Chém cha cái kiếp lấy chồng chung
 Năm thì mười họa hay chẳng chờ
 Một tháng đôi lần có cũng không
 Cổ bầm ứn xối xối lại hồng
 Cầm bằng làm mướn mướn không công
 Thân này vì biết dường này nhỉ
 Thà trước thôi đành ở vậy xong.

哭官府永祥
 縣解翁府永祥喂
 馬婿巴生包者未
 樽秋文章巴楚坦
 槍絲孤失單方歪
 幹斤造化殊恩故
 咄穢乾坤終更未
 紅黑胸歪異尔祝
 縣解翁府永祥喂

Bài số AB 398 VII.

Phiên âm ra quốc ngữ:

KHÓC QUAN PHỦ VĨNH TƯỜNG

Trăm năm ông Phủ Vĩnh-Tường ơi
 Cái nợ ba sinh đã giả rồi
 Chôn chặt văn chương ba thước đất
 Ném tung hồ-thỉ bốn phương trời.
 Cán cân tạo hóa rơi đầu mất
 Miệng túi cân khôn thất lại rồi
 Hai bảy tháng trời là mấy chốc
 Trăm năm ông Phủ Vĩnh Tường ơi.

詠得潘景
 奇慘朱年化揚揚
 食惡私國別庄私
 經天浩覽儒頭育
 分3新廢芳淫昂
 馬罪縣前私習奇
 勁情沒塊妾叶堪
 看包咄也啞征土壁
 仍凡坤磨園凡元

Bài số 398 XVI

Phiên âm ra quốc ngữ:

VỊNH NGƯỜI CHỮA HOANG

Cả nê cho nên hóa dở dang
 Nỗi lòng chàng có biết chẳng chàng
 Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc
 Phán liễu sao mà nầy nét ngang
 Cái tội trăm năm chàng chịu cả
 Chữ tình một khối thiếp xin mang
 Quản bao miệng thế nhìn chênh-lệch
 Những kẻ không mà có mới ngoan.

詠 翁 劉 邦
 身 壯 壯 壯 壯 壯 壯
 劍 神 巴 楚 梓 玲 杜
 曉 迎 咸 合 狹 狹 古
 暉 吏 烏 江 獵 及 尾
 往 將 拉 泥 英 赫 擺
 封 侯 群 牧 功 搞 金
 果 轟 漢 業 術 騷 尔
 過 魯 為 蒸 戰 待 杯

Bài số 398 XXII

Phiên âm ra quốc ngữ:

VỊNH ÔNG LƯU BANG

Mình bảy mươi hai cái nốt ruồi
 Kiếm thần ba thước tốt cầm chươi
 Trông sang Hàm Cốc hươu co cò
 Ngánh lại Ô-giang khỉ cụp đuôi
 Bái tướng chẳng nề anh xách giỏ
 Phong hầu còn nhớ chị cào mồi
 Bốn trăm Hán nghiệp sao dài mãi
 Quá lỗ vì chưng chén đũa buôi.

哭 翁 總 路
 咳 拉 喂 咳 拉 喂
 妻 燒 緣 拉 國 也 催
 蟻 蟻 蟻 蟻 蟻 蟻
 計 鑽 坤 鑽 晒 杯 石

Bài số 398 XXXVIII

Phiên âm ra quốc ngữ:

KHỐC ÔNG TÔNG CỐC

Hỏi chàng ơi hỏi chàng ơi
 Thiếp bèn duyên chàng có thể thôi
 Nồng-nọc đứt đuôi từ đây nhĩ
 Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi.

Đây tôi có dụng ý trích một số bài thơ Nôm điển-hình của Hồ-xuân-Hương mà thôi, và xin hỏi các nhà học-giả : cô con gái, hay nàng thiếu phụ viết được những câu thơ Nôm như trên có thể là một người cò trình độ thấp kém về Hào-tự được ư ?

Không được đi thi Hương thi Hội để đề Tú-tài Cử-nhân, hay Tiến-sĩ Phó-bãng, nhưng cầm bút lông viết ra được những chữ Nôm lắt-léo, tró-trên như *tùm-bum*,

lùn-phùn, lắc-cắc, lộn-lèo, khom khom, ngửa ngửa. thì nghệ-thuật chuyển chữ Hán thành ra chữ Việt của Hồ-xuân-Hương có kém gì Nguyễn Du, hay Nguyễn Khuyến ?

(còn nữa)



Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, nắng tắm và kỹ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiềm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa dễ trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.



Thiệt tha kêu gọi hòa bình năm châu

Đầu đội Trời, chân ta đạp Đất.
Hỡi anh chị em Khắp Năm Châu !
Cùng con cưng của Địa-cầu,
Nghĩ tình nhân-loại quý nhau muốn vãn !
Đừng phân biệt giang san chủng tộc,
Đừng rẽ chia mái tóc màu da ;
Dù gần, hay sống cách xa,
Giống người tất cả đều là anh em ;
Anh giàu, hãy giúp em nghèo nhé,
Anh mạnh, xin đừng áp chế em ;
Tình nhân-loại đặt lên trên,
Thiệt-tha thân-ái gáy nên Hòa-bình :
Tránh hết sức chiến tranh thảm khốc

Đã hại bao dân tộc sinh linh :
 Đây lời tha-thiết chí tình,
 Đây lời kêu gọi Hòa-bình Năm châu :
 Hỡi anh em trời Âu, đất Mỹ.
 Hỡi anh em châu Úc, châu Phi
 Cùng Á-châu hưởng ứng đi
 Xiết tay liên kết, ta đi ngang hàng
 Giúp nhân-loại trên đường hạnh phúc
 Khắp bốn phương nô-nức thái-bình.
 Chúng ta trên cõi phù-sinh
 Khoảng trăm năm ấy, đời mình phỏng bao ?
 Mà nở đê máu đào lai-láng,
 Đê chiến-tranh thảm trạng gày ra ;
 Cầu Gia-Tô, lẫn Thích-Ca,
 Cầu Phật, cầu Chúa, lòng tha-thiết cầu...
 Giúp cho tất cả Năm-Châu,
 Phù-hộ nhân-loại yêu nhau thiết tình ;
 Yêu cầu thế-giới Văn minh
 Hãy đem khoa học cứu tinh thần nghèo ;
 Tinh thần khi thiết cao siêu,
 Thì tình nhân-loại cũng nhiều thanh cao ;
 Ôi ! Hòa-Bình quý biết bao !
 Năm Châu xin hãy nâng cao Hòa-Bình !

TUONG-PHỐ

Dà-lạt, mùa chinh chiến năm 1970



Các Bạn gửi bài

Xin nhắc các bạn một điều cần thiết :

● **Đừng gửi đến Phò-Thông những bài đã gửi đăng trong các báo khác.**

● **Bạc áo hào hoa**

Truyện dài của Thăm thế Hà, trình bày trang-nhã Miền Nam xuất bản.

● **Buôn tơ**

Thơ của Thủy-Vân — Thủy linh Thúy, quây ronéo — Hòa-Hoàng, Phan Thiết

● **Ngàn ru**

Thơ của Lê duy Nguyễn Nhị. quây roréo. Hồ-N-Hoan Phan-Thiết.

● **Lê-Thành Hầu Nguyễn-hữu.Cảnh**, người có kỳ-công trong việc khai thác miền Nam.

Khảo-cứu lịch-sử của ông Nguyễn-văn-Hầu, Giáo-sư Trung-học Chợ-Mới An-Giang. Tài-liệu khá dồi-dào, xác-thực, về bậc Thượng-dăng khai quốc công thần nhà Nguyễn.

Nguyễn-Hiến-Lê xuất-bản.

PHÒNG TRÀ BỎ TỬ

GIÀO CHỈ

57, Võ-Tánh Saigon.

Với 16 ca sĩ thượng thặng. Show mỗi đêm — Giá chỉ có 250đ đồng hạng do Nhạc sĩ HOÀNG-BÁ điều khiển — Đặc-biệt thứ bảy Áo Thuật Z28 và trình diễn thơ do nhóm **NHÂN CHỨNG** giới thiệu sẽ đưa tâm hồn bạn dịu lại sau những màn kịch động.

● **Kiến quốc cơ bản luận**

của Vũ Tiến Phúc

nhà X.B. Khởi Hành, 429 Phan Thanh Giản, Sài Gòn

NHẮN TIN

Bạn Nguyễn Tấn Lộc. (Munich) và H. Q. K. (Bonn) —

Cám ơn sự chú ý của các bạn về bài Tiệp-Khắc của NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG (P.T. số 246 ngày 1-6-70. Đúng như các bạn nhận xét, bài này vì lý do kỹ thuật nên PT đã đăng muộn nhiều trong khi tác giả viết sau một chuyến thăm Tiệp từ đầu tháng 10-1969 (có ghi rõ ngày tháng ở cuối bài).

Về những biến cố từ đó đến nay cũng không thay đổi quan trọng ở Tiệp (như vụ Dubcek đi làm Đại sứ tại Thổ Nhĩ Kỳ, vụ Cernik bị loại khỏi chức vụ Thủ tướng chính phủ v.v...) NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG định sẽ đề cập tới trong một bài kế tiếp đề riêng các bạn và các độc giả khác của PT có được một hình ảnh trọn vẹn hơn về cuộc thí nghiệm nhân hóa chế độ CS không thành tại Tiệp Khắc.

Phổ Thông

ĐÍNH CHÍNH

Vì lỗi sơ sót của ấn công, trong bài «Thiếu niên Đông Đức ham nhạc Tây Phương», Phổ Thông số 241 ra ngày 15-3-1970, đã bỏ hàng chữ «dịch theo...» xin nói lại cho đúng.

P.T.

trị: **ỈA CHÁY - NHIỄM ĐỘC**
Ở RUỘT
KIỆT-LÝ CÓ ĐAM MẠM

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
 Thuốc bột cho trẻ em.

PHÒNG-PHÚ

*Hợp với
 người lớn
 trẻ em*

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 206c/BYT/17-8-67



NUỐC NGỌT

"CON CỌP"



**Ở mọi nơi,
 Thôn quê,
 Thành thị.**

*Nước ngọt Con Cọp
 ở đâu,
 Đấy là Khỏe Mạnh,
 Sống lâu, Yên Dối.*

Brasseries et Glacières
 de l'Indochine
 6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 8 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng điểm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lối Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9-5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sớ sai ngoài da mà hết. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BY. số 3 — 9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVTTINH ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

231, Phạm-Ngũ Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi